

Lời nói đầu

Tài sản cố định (TSCĐ) của Doanh nghiệp là một trong những bộ phận cơ bản tạo nên cơ sở vật chất kỹ thuật cho Doanh nghiệp quyết định sự sống còn của doanh nghiệp trong quá trình sản xuất kinh doanh. Trang bị TSCĐ là điều kiện cần thiết để giảm cường độ lao động và tăng năng suất lao động. Nó thể hiện trình độ công nghệ, năng lực và thế mạnh của doanh nghiệp trong việc phát triển sản xuất kinh doanh. Trong nền kinh tế thị trường hiện nay nhất là khi khoa học kỹ thuật trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp thì TSCĐ là yếu tố quan trọng để tạo nên sức mạnh cạnh tranh cho các doanh nghiệp.

Nhận thức được tầm quan trọng của TSCĐ trong quá trình sản xuất kinh doanh, trong thời gian thực tập tại Công ty Cổ phần Thép Việt Nhật em đã đi sâu tìm hiểu, nghiên cứu, sưu tầm tập hợp tài liệu về TSCĐ và kế toán TSCĐ của Công ty Cổ phần Thép Việt Nhật và đã chọn đề tài cho khóa luận tốt nghiệp của mình là: **“Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán TSCĐ tại Công ty Cổ phần Thép Việt Nhật”**

Ngoài phần mở đầu và kết luận, khóa luận được chia làm 3 chương:

Chương I: Lý luận cơ bản về kế toán Tài sản cố định trong doanh nghiệp.

Chương II: Thực trạng kế toán Tài sản cố định tại Công ty Cổ phần Thép Việt Nhật.

Chương III: Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện kế toán TSCĐ tại Công ty Cổ phần Thép Việt Nhật.

Để hoàn thành khóa luận này, em đã được sự giúp đỡ, tạo điều kiện của Ban giám đốc, các anh chị trong phòng Tài chính – Kế toán, các phòng ban liên quan của công ty, các thầy cô trong khoa, trong trường và cô giáo hướng dẫn. Mặc dù trong quá trình thực tập em đã cố gắng nhưng trình độ có hạn, thời gian thực tập ngắn ngủi, thực tế thì vô cùng phong phú, do vậy khóa luận không tránh khỏi những thiếu sót. Em mong nhận được sự quan tâm, đóng góp ý kiến chỉ dẫn của Ban lãnh đạo công ty, của các anh chị trong phòng kế toán và của các thầy cô giáo để khóa luận của em được hoàn chỉnh hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

Chương I: Lý luận cơ bản về kế toán Tài sản cố định trong doanh nghiệp

1.1 Tài sản cố định và vai trò của TSCĐ trong Doanh nghiệp

1.1.1 Khái niệm TSCĐ

TSCĐ là những tài sản có thể có hình thái vật chất cụ thể và cũng có thể chỉ tồn tại dưới hình thái giá trị được sử dụng để thực hiện một hoặc một số chức năng nhất định trong quá trình sản xuất kinh doanh. Hay nói cách khác TSCĐ là những tư liệu lao động dùng trong quá trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp như nhà cửa, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải...mà có đủ tiêu chuẩn về mặt giá trị và thời gian sử dụng theo quy định trong chế độ quản lý TSCĐ của Nhà nước.

TSCĐ hữu hình: là những tư liệu lao động chủ yếu có hình thái vật chất (từng đơn vị tài sản có kết cấu độc lập hoặc là một hệ thống gồm nhiều tài sản liên kết với nhau để thực hiện một hay một số chức năng nhất định) thỏa mãn các tiêu chuẩn ghi nhận TSCĐ, tham gia nhiều vào chu kỳ sản xuất kinh doanh nhưng vẫn giữ nguyên hình thái vật chất ban đầu như nhà cửa, vật kiến trúc, máy móc thiết bị...

TSCĐ vô hình: là những tài sản không có hình thái vật chất thể hiện một lượng giá trị đã được đầu tư thỏa mãn các tiêu chuẩn ghi nhận TSCĐ vô hình, tham gia nhiều vào chu kỳ sản xuất kinh doanh, như một số chi phí trực tiếp tới đất sử dụng, chi phí về quyền phát hành, bằng sáng chế, bản quyền tác giả...

Các tài sản được ghi nhận là TSCĐ phải thỏa mãn đồng thời 4 tiêu chuẩn sau:

- Chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc sử dụng tài sản đó.
- Nguyên giá tài sản phải được xác định một cách tin cậy.
- Có thời gian sử dụng ước tính trên 1 năm trở lên.
- Có giá trị 10.000.000 đồng trở lên.

Trường hợp một hệ thống gồm nhiều bộ phận tài sản riêng lẻ liên kết với nhau, trong đó mỗi bộ phận cấu thành có thời gian sử dụng khác nhau và nếu thiếu một bộ phận nào đó cả hệ thống vẫn thực hiện được chức năng hoạt động chính của nó nhưng do yêu cầu quản lý, sử dụng tài sản cố định đòi hỏi phải quản lý riêng từng bộ phận tài sản thì mỗi bộ phận tài sản đó nếu cùng thoả mãn đồng thời bốn tiêu chuẩn của tài sản cố định được coi là một tài sản cố định hữu hình độc lập.

1.1.2. Đặc điểm của TSCĐ

Nhận biết đặc điểm có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với công tác quản lý TSCĐ. TSCĐ có một số đặc điểm sau:

- TSCĐ tham gia vào nhiều chu kỳ sản xuất kinh doanh, không thay đổi hình thái vật chất ban đầu cho đến khi hư hỏng.

- Giá trị sử dụng và giá trị của TSCĐ bị giảm dần khi tham gia vào hoạt động sản xuất kinh doanh do sự hao mòn.

- Giá trị hao mòn của TSCĐ được chuyển dần vào chi phí sản xuất kinh doanh hàng kỳ dưới hình thức chi phí khấu hao TSCĐ. Khấu hao TSCĐ là sự phân bổ một cách có hệ thống giá trị phải khấu hao của TSCĐ trong suốt thời gian sử dụng hữu ích của tài sản đó. Giá trị phải khấu hao là nguyên giá TSCĐ ghi trên báo cáo tài chính trừ giá trị thanh lý ước tính của tài sản đó.

- TSCĐ trải qua rất nhiều chu kỳ kinh doanh mới hoàn đủ một vòng quay của số vốn bỏ ra ban đầu để mua sắm. Do đó doanh nghiệp phải quản lý tài sản cả về giá trị và hiện vật.

1.1.3. Phân loại TSCĐ

1.1.3.1. Phân loại TSCĐ theo hình thái biểu hiện

Tài sản cố định được phân chia thành TSCĐ hữu hình và TSCĐ vô hình.

a. TSCĐ hữu hình: là những tài sản có hình thái vật chất cụ thể, bao gồm:

- Nhà cửa, vật kiến trúc: Là TSCĐ của doanh nghiệp được hình thành sau quá trình thi công xây dựng như trụ sở làm việc, nhà kho, hàng rào, tháp nước, sân bãi, các công trình trang trí cho nhà cửa, đường xá, cầu cống, đường sắt, đường băng sân bay, cầu tàu, cầu cảng...

- Máy móc thiết bị: Là toàn bộ các loại máy móc, thiết bị dung trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp như máy móc chuyên dùng, thiết bị công tác, giàn khoan trong lĩnh vực dầu khí, cần cẩu, dây truyền công nghệ, những máy móc đơn lẻ.

- Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn: là các loại phương tiện vận tải gồm phương tiện vận tải đường sắt, đường thủy, đường bộ, đường không, đường ống và các thiết bị truyền dẫn như hệ thống thông tin, hệ thống điện, đường ống nước, băng tải.

- Thiết bị, dụng cụ quản lý: là những thiết bị, dụng cụ dùng trong công tác quản lý hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp như máy vi tính phục vụ quản lý, thiết bị điện tử, thiết bị, dụng cụ đo lường, kiểm tra chất lượng, máy hút ẩm, hút bụi, chống mối mọt.

- Vườn cây lâu năm, súc vật làm việc và/hoặc cho sản phẩm: là các vườn cây lâu năm như vườn cà phê, vườn chè, vườn cao su, vườn cây ăn quả, thảm cỏ, thảm cây xanh...; súc vật làm việc và/ hoặc cho sản phẩm như đàn voi, đàn ngựa, đàn trâu, đàn bò...

- Các loại tài sản cố định khác: là toàn bộ các tài sản cố định khác chưa liệt kê vào năm loại trên như tranh ảnh, tác phẩm nghệ thuật.

b. TSCĐ vô hình : Là những tài sản cố định không có hình thái vật chất cụ thể, thể hiện lượng giá trị đã được đầu tư, có liên quan trực tiếp đến nhiều chu kỳ kinh doanh của doanh nghiệp, bao gồm các loại sau:

- Quyền sử dụng đất: Phản ánh giá trị TSCĐ vô hình là toàn bộ các chi phí thực tế đã chi ra có liên quan trực tiếp đến đất sử dụng bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ (nếu có)

- Quyền phát hành: Phản ánh giá trị TSCĐ vô hình là toàn bộ các chi phí thực tế mà doanh nghiệp đã chi ra để có quyền phát hành.

- Bản quyền, bằng sáng chế : Phản ánh giá trị TSCĐ vô hình là các chi phí thực tế mà doanh nghiệp đã chi ra để có quyền tác giả, bằng sáng chế.

- Nhãn hiệu hàng hóa: Phản ánh giá trị TSCĐ vô hình là các chi phí thực tế mà doanh nghiệp đã chi ra để có nhãn hiệu hàng hóa.

- Phần mềm máy tính: Phản ánh giá trị TSCĐ vô hình là các chi phí thực tế mà doanh nghiệp đã chi ra để có phần mềm máy tính.

- Giấy phép và giấy phép nhượng quyền: Phản ánh giá trị TSCĐ vô hình là các chi phí thực tế mà doanh nghiệp đã chi ra để có giấy phép và giấy phép nhượng quyền thực hiện công việc đó như : giấy phép khai thác, giấy phép sản xuất loại sản phẩm mới.

- TSCĐ vô hình khác: Phản ánh giá trị các loại TSCĐ vô hình khác chưa có quy định phản ánh ở các loại trên.

1.1.3.2 Phân loại Tài sản cố định theo mục đích sử dụng

TSCĐ được phân thành các loại sau:

- TSCĐ dùng trong sản xuất kinh doanh: Đây là TSCĐ đang thực tế sử dụng trong các hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Những TSCĐ này bắt buộc phải trích khấu hao tính vào chi phí sản xuất kinh doanh.

- TSCĐ hành chính sự nghiệp: Là các TSCĐ của các đơn vị hành chính sự nghiệp như nhà văn hóa, đoàn thể quần chúng, tổ chức y tế, văn hóa, thể thao.

- TSCĐ phúc lợi: Là những TSCĐ của đơn vị dùng cho nhu cầu phúc lợi công cộng như nhà văn hóa, nhà trẻ, câu lạc bộ, nhà nghỉ mát, xe ca phúc lợi...

- TSCĐ bảo quản, giữ hộ, cất giữ hộ Nhà nước: Là những TSCĐ doanh nghiệp bảo quản hộ, giữ hộ các đơn vị khác hoặc cất giữ hộ Nhà nước theo quy định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

- TSCĐ chờ xử lý: Bao gồm những TSCĐ không cần dùng, chưa cần dùng vì thừa so với nhu cầu sử dụng hoặc không thích hợp với quy trình đổi mới của công nghệ, bị hư hỏng chờ thanh lý, TSCĐ tranh chấp chờ giải quyết, những TSCĐ chờ thanh lý nhanh chóng để thu hồi vốn sử dụng cho việc đầu tư đổi mới TSCĐ.

1.1.3.3. Phân loại Tài sản cố định theo quyền sở hữu

a. *TSCĐ tự có*: Là những TSCĐ được xây dựng, mua sắm hoặc chế tạo bằng nguồn vốn của chủ sở hữu, do đi vay ngân hàng, bằng nguồn vốn tự bổ sung, nguồn vốn liên doanh.

b. *TSCĐ thuê ngoài*: Là những TSCĐ của doanh nghiệp hình thành do việc doanh nghiệp đi thuê sử dụng trong một thời gian nhất định, theo hợp đồng thuê TSCĐ gồm 2 loại:

- TSCĐ thuê hoạt động: Là tài sản không có sự chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên thuê. Quyền sở hữu tài sản có thể chuyển giao vào cuối thời hạn thuê.

- TSCĐ thuê tài chính: Là tài sản thuê mà bên thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên thuê. Quyền sở hữu tài sản có thể chuyển giao vào cuối thời hạn thuê.

1.1.3.4 Phân loại Tài sản cố định theo nguồn gốc hình thành

Theo các phân loại này TSCĐ được chia thành:

- TSCĐ mua sắm, xây dựng bằng vốn cấp từ ngân sách hoặc từ cấp trên.
- TSCĐ mua sắm, xây dựng bằng nguồn vốn tự bổ sung của đơn vị (bằng quỹ đầu tư phát triển, quỹ phúc lợi.....)
- TSCĐ mua sắm, xây dựng bằng vốn vay (vay ngân hàng, vay khác.....)
- TSCĐ nhận góp vốn bằng hiện vật.

1.2 Vai trò, nhiệm vụ của kế toán TSCĐ

1.2.1 Vai trò kế toán TSCĐ

Trong sự phát triển nhanh chóng của nền kinh tế, với trình độ khoa học kỹ thuật hiện đại để tạo ra nhiều sản phẩm có chất lượng cao, nâng cao hiệu quả cạnh tranh của doanh nghiệp thì vấn đề đổi mới cơ sở vật chất kỹ thuật công nghệ cho quá trình sản xuất là rất cần thiết. Muốn vậy, kế toán TSCĐ phải quản lý chặt chẽ được TSCĐ, đáp ứng được những yêu cầu sau:

- Về mặt hiện vật: Không phải chỉ nguyên hình thái vật chất và đặc tính sử dụng ban đầu của TSCĐ mà quan trọng hơn là duy trì thường xuyên năng lực sản xuất ban đầu của nó. Điều đó có ý nghĩa là trong quá trình sử dụng doanh nghiệp phải quản lý chặt chẽ không làm mất mát TSCĐ, thực hiện đúng quy chế

sử dụng, bảo dưỡng sửa chữa TSCĐ, không để TSCĐ hư hỏng trước thời hạn quy định.

- Về mặt giá trị: phải quản lý chặt chẽ tình hình hao mòn, việc trích và phân bổ khấu hao một cách khoa học, hợp lý để thu hồi vốn đầu tư phục vụ cho việc tái đầu tư TSCĐ, xác định giá trị còn lại của TSCĐ một cách chính xác giúp doanh nghiệp kịp thời đổi mới trang thiết bị phục vụ sản xuất kinh doanh.

1.2.2. Nhiệm vụ kế toán TSCĐ trong doanh nghiệp

Quản lý và sử dụng tốt TSCĐ không chỉ tạo điều kiện cho doanh nghiệp chủ động kế hoạch sản xuất mà còn là biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản, vì vậy kế toán phải thực hiện tốt các nhiệm vụ sau:

- Ghi chép phản ánh chính xác, đầy đủ, kịp thời số hiện có và tình hình tăng giảm TSCĐ của toàn doanh nghiệp cũng như ở toàn bộ trên các mặt : số lượng, chất lượng, cơ cấu, giá trị đồng thời kiểm soát chặt chẽ việc bảo quản, bảo dưỡng và sử dụng TSCĐ ở các bộ phận khác nhau nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng TSCĐ.

- Tính toán chính xác, kịp thời số khấu hao TSCĐ, đồng thời phân bổ đúng chi phí khấu hao vào các đối tượng sử dụng.

- Phản ánh và kiểm tra chặt chẽ các khoản chi phí sửa chữa TSCĐ. Tham gia lập kế hoạch sửa chữa, dự toán chi phí sửa chữa TSCĐ và kiểm tra việc thực hiện kế hoạch sửa chữa.

- Theo dõi, ghi chép, kiểm tra chặt chẽ các quá trình thanh lý, nhượng bán TSCĐ nhằm bảo đảm việc quản lý và sử dụng vốn đúng mục đích, có hiệu quả.

- Lập báo cáo về TSCĐ, tham gia phân tích tình hình trang bị, sử dụng và bảo quản các loại TSCĐ.

1.3. Đánh giá TSCĐ và khấu hao TSCĐ

1.3.1. Đánh giá TSCĐ

Mục đích của đánh giá TSCĐ là nhằm đánh giá được năng lực sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, thực hiện tính khấu hao chính xác, đảm bảo thu

hồi vốn đầu tư để tái sản xuất TSCĐ khi nó bị hư hỏng và nhằm phân tích đúng hiệu quả sử dụng TSCĐ của doanh nghiệp.

Đánh giá TSCĐ là biểu hiện giá trị TSCĐ bằng tiền theo những nguyên tắc nhất định. Xuất phát từ đặc điểm, yêu cầu quản lí TSCĐ trong hoạt động sản xuất kinh doanh, TSCĐ được đánh giá theo 3 chỉ tiêu: nguyên giá, giá trị hao mòn, giá trị còn lại.

1.3.1.1. Đánh giá Tài sản cố định theo nguyên giá

1.3.1.1.1. Đánh giá Tài sản cố định hữu hình (TSCĐ HH)

a. Đối với TSCĐ hữu hình mua sắm

Nguyên giá TSCĐ hữu hình mua sắm (kể cả mua mới và cũ): Là giá mua thực tế phải trả (trừ các khoản được chiết khấu thương mại hoặc giảm giá nếu có) cộng các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại) các chi phí liên quan trực tiếp phải chi ra tính đến thời điểm đưa TSCĐ vào trạng thái sẵn sàng sử dụng như: tiền lãi vay đầu tư cho TSCĐ, chi phí vận chuyển, bốc dỡ; chi phí nâng cấp; chi phí lắp đặt, chạy thử, lệ phí trước bạ.

Trường hợp TSCĐ mua trả chậm, trả góp nguyên giá TSCĐ mua sắm là giá mua trả ngay tại thời điểm mua cộng (+) các khoản thuế (không bao gồm thuế được hoàn lại), các chi phí liên quan trực tiếp phải chi ra tính đến thời điểm đưa TSCĐ vào trạng thái sẵn sàng sử dụng như chi phí vận chuyển, bốc dỡ; chi phí nâng cấp; chi phí lắp đặt, chạy thử, lệ phí trước bạ.

Khoản chênh lệch giữa giá mua trả chậm và giá mua trả tiền ngay được hạch toán vào chi phí tài chính theo kỳ hạn thanh toán, trừ khi số chênh lệch đó được tính vào nguyên giá của TSCĐ hữu hình theo quy định vốn hóa lãi vay.

b. TSCĐ hữu hình mua dưới hình thức trao đổi

Nguyên giá TSCĐ hữu hình mua dưới hình thức trao đổi với một TSCĐ HH không tương tự hoặc TS khác là giá trị hợp lý của TSCĐ HH nhận về hoặc giá trị hợp lý của tài sản đem trao đổi (sau khi cộng thêm các khoản phải trả thêm hoặc trừ đi các khoản thu về) cộng các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại), các chi phí liên quan trực tiếp phải chi ra tính đến

thời điểm đưa TSCĐ vào trạng thái sẵn sàng sử dụng như chi phí vận chuyển, bốc dỡ; chi phí nâng cấp; chi phí lắp đặt, chạy thử, lệ phí trước bạ...

Nguyên giá TSCĐ hữu hình mua dưới hình thức trao đổi với một TSCĐ HH tương tự hoặc có thể hình thành do được bán để đổi lấy quyền sở hữu một tài sản tương tự giá trị còn lại của TSCĐ HH đem trao đổi.

c. TSCĐ HH tự xây dựng hoặc tự sản xuất

Nguyên giá TSCĐ tự xây dựng hoặc tự sản xuất là giá thành thực tế của TSCĐ cộng các chi phí trực tiếp liên quan phải chi ra tính đến thời điểm đưa TSCĐ vào trạng thái sẵn sàng sử dụng (trừ các khoản lãi nội bộ, các chi phí không hợp lý như vật liệu lãng phí, lao động hoặc các khoản chi phí khác vượt quá mức quy định trong xây dựng hoặc tự sản xuất).

d. TSCĐ hữu hình do đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành theo phương thức giao thầu

TSCĐ hữu hình do đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành theo phương thức giao thầu là giá quyết toán công trình đầu tư xây dựng theo quy định tại quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành cộng lệ phí trước bạ và chi phí liên quan trực tiếp khác.

Đối với TSCĐ hữu hình là con súc vật làm việc, súc vật cho sản phẩm hoặc vừa làm việc vừa cho sản phẩm, vườn cây lâu năm thì nguyên giá là toàn bộ các chi phí thực tế đã chi ra cho con súc vật, vườn cây đó từ lúc hình thành đến thời điểm đưa vào khai thác sử dụng theo quy định tại quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành các chi phí có liên quan.

e. TSCĐ hữu hình được cấp, được điều chỉnh đến...

Nguyên giá TSCĐ hữu hình được cấp, được điều chỉnh đến là giá trị còn lại trên sổ kế toán của TSCĐ ở các đơn vị cấp, đơn vị điều chỉnh... hoặc giá trị theo đánh giá thực tế của hội đồng giao nhận cộng các chi phí mà bên nhận tài sản phải chi ra tính đến thời điểm đưa TSCĐ vào trạng thái sẵn sàng sử dụng như: như chi phí vận chuyển, bốc dỡ; chi phí nâng cấp; chi phí lắp đặt, chạy thử, lệ phí trước bạ (nếu có).

Riêng TSCĐ hữu hình điều chỉnh giữa các đơn vị thành viên hạch toán phục vụ trong doanh nghiệp là nguyên giá phản ánh ở đơn vị bị điều chỉnh phù hợp với bộ hồ sơ của TSCĐ hữu hình đó. Đơn vị nhận TSCĐ căn cứ vào nguyên giá, số khấu hao lũy kế, giá trị còn lại trên sổ sách kế toán và toàn bộ hồ sơ của TSCĐ đó để phản ánh vào sổ kế toán của đơn vị mình. Các chi phí có liên quan đến việc điều chỉnh TSCĐ giữa các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc không hạch toán tăng nguyên giá TSCĐ mà hạch toán vào chi phí kinh doanh trong kỳ.

f. TSCĐ hữu hình được cho, được biếu, được tặng, nhận vốn góp liên doanh, nhận lại vốn góp, do phát hiện thừa...

Nguyên giá TSCĐ hữu hình loại được cho, được biếu, được tặng, nhận vốn góp liên doanh, nhận lại vốn góp, do phát hiện thừa... là giá trị theo đánh giá thực tế của hội đồng giao nhận cộng các chi phí mà bên nhận phải chi ra tính đến thời điểm đưa TSCĐ vào trạng thái sẵn sàng sử dụng như chi phí vận chuyển, bốc dỡ; chi phí nâng cấp; chi phí lắp đặt, chạy thử, lệ phí trước bạ...

1.3.1.1.2. Đánh giá TSCĐ vô hình (TSCĐ VH)

a. TSCĐ vô hình loại mua sắm:

Nguyên giá TSCĐ vô hình loại mua sắm là giá mua thực tế phải trả chiết khấu thương mại cộng các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại), các chi phí liên quan trực tiếp phải chi ra tính đến thời điểm đưa TSCĐ vào sử dụng theo dự tính.

Trường hợp TSCĐ vô hình mua trả chậm, trả góp nguyên giá TSCĐ mua sắm là giá mua trả ngay tại thời điểm mua. Khoản chênh lệch giữa giá mua trả chậm và giá mua trả tiền ngay được hạch toán vào chi phí tài chính theo kỳ hạn thanh toán, trừ khi số chênh lệch đó được tính vào nguyên giá của TSCĐ vô hình theo quy định vốn hóa lãi vay.

b. TSCĐ vô hình mua dưới hình thức trao đổi

Nguyên giá TSCĐ vô hình mua dưới hình thức trao đổi với một TSCĐ vô hình không tương tự hoặc TS khác là giá trị hợp lý của TSCĐ vô hình nhận về

hoặc giá trị hợp lý của tài sản đem trao đổi (sau khi cộng thêm các khoản phải trả thêm hoặc trừ đi các khoản thu về) cộng các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại), các chi phí liên quan trực tiếp phải chi ra tính đến thời điểm đưa TSCĐ vào sử dụng theo dự tính.

Nguyên giá TSCĐ vô hình mua dưới hình thức trao đổi với một TSCĐ vô hình tương tự hoặc có thể hình thành do được bán để đổi lấy quyền sở hữu một tài sản vô hình tương tự giá trị còn lại của TSCĐ vô hình đem trao đổi.

c. TSCĐ vô hình được tạo ra từ nội bộ doanh nghiệp

Nguyên giá TSCĐ vô hình được tạo ra từ nội bộ doanh nghiệp là các chi phí liên quan trực tiếp đến khâu thiết kế, xây dựng, sản xuất, thử nghiệm phải chi ra tính đến thời điểm đưa TSCĐ đó vào sử dụng theo dự tính.

Riêng các chi phí phát sinh trong nội bộ để doanh nghiệp có nhãn hiệu hàng hóa, quyền phát hành, danh sách khách hàng, chi phí phát sinh trong giai đoạn nghiên cứu và các khoản mục tương tự không được xác định là TSCĐ vô hình mà hạch toán vào chi phí kinh doanh trong kỳ.

d. TSCĐ vô hình được cấp, được biếu, được tặng...

Nguyên giá TSCĐ vô hình được cấp, được biếu, được tặng là giá trị theo đánh giá thực tế của hội đồng giao nhận cộng các chi phí liên quan trực tiếp phải chi ra tính đến thời điểm đưa TSCĐ vào sử dụng theo dự tính.

e. Quyền sử dụng đất

Nguyên giá TSCĐ là quyền sử dụng đất (bao gồm quyền sử dụng đất có thời hạn và quyền sử dụng đất lâu dài) là tiền chi ra để có quyền sử dụng đất hợp pháp cộng chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ (không bao gồm các chi phí chi ra để xây dựng các công trình trên đất) hoặc là giá trị quyền sử dụng đất nhận vốn góp.

Trường hợp doanh nghiệp thuê đất thì tiền thuê đất được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh, không ghi nhận là TSCĐ vô hình.

f. Quyền phát hành, bản quyền, bằng sáng chế

Nguyên giá của TSCĐ là quyền phát hành, bản quyền, bằng sáng chế là

toàn bộ chi phí thực tế Doanh nghiệp bỏ ra để có quyền phát hành, bản quyền, bằng sáng chế.

g. Nhãn hiệu hàng hóa

Nguyên giá của TSCĐ là nhãn hiệu hàng hóa là các chi phí thực tế liên quan đến việc mua nhãn hiệu hàng hóa.

h. Phần mềm máy tính

Nguyên giá TSCĐ là phần mềm máy tính (trong trường hợp phần mềm là bộ phận có thể tách rời phần cứng có liên quan) là toàn bộ những chi phí thực tế doanh nghiệp chi ra để có phần mềm máy vi tính.

* Nguyên giá TSCĐ trong doanh nghiệp chỉ được thay đổi trong các trường hợp sau:

- Đánh giá lại giá trị TSCĐ theo quy định của pháp luật.
- Nâng cấp tài sản cố định.
- Tháo dỡ một hay một số bộ phận của TSCĐ.
- Khi thay đổi nguyên giá của TSCĐ, doanh nghiệp phải lập các biên bản ghi rõ các căn cứ thay đổi để xác định lại các chỉ tiêu nguyên giá, giá trị còn lại trên sổ kế toán, sổ khấu hao lũy kế của TSCĐ và tiến hành hạch toán theo quy định hiện hành.

Việc phản ánh tăng, giảm nguyên giá TSCĐ được thực hiện tại thời điểm tăng, giảm TSCĐ.

1.3.1.2. Đánh giá TSCĐ theo giá trị hao mòn

Hao mòn TSCĐ là sự giảm dần giá trị khi tham gia vào hoạt động sản xuất kinh doanh, do tác động của điều kiện tự nhiên, của sự tiến bộ khoa học kỹ thuật. Giá trị hao mòn của TSCĐ được phân bổ một cách có hệ thống trong thời gian sử dụng hữu ích của chúng. Số khấu hao từng kỳ được hạch toán vào giá trị của tài sản khác như: khấu hao TSCĐ hữu hình dùng cho các hoạt động trong giai đoạn triển khai là các bộ phận cấu thành nguyên giá TSCĐ vô hình, chi phí TSCĐ hữu hình dùng cho quá trình xây dựng hoặc tự chế các tài sản khác, giá trị

hao mòn phản ánh nguồn vốn đầu tư coi như đã thu hồi của TSCĐ ở thời điểm nhất định.

Khi xác định thời gian sử dụng hữu ích của TSCĐ hữu hình cần xem xét các yếu tố sau:

- +) Mức độ sử dụng ước tính của doanh nghiệp đó;
- +) Mức độ hao mòn phụ thuộc vào các nhân tố liên quan trong quá trình sử dụng tài sản như: số ca làm việc, việc bảo quản TSCĐ...
- +) Hao mòn vô hình phát sinh do việc thay đổi hay cải tiến dây chuyền công nghệ hay do sự thay đổi nhu cầu thị trường;
- +) Giới hạn có tính hợp lý trong việc sử dụng tài sản như ngày hết hạn hợp đồng của TSCĐ thuê tài chính...

Thời gian sử dụng phải được xem xét lại theo định kỳ, thường là cuối năm tài chính. Nếu có sự thay đổi đáng kể trong việc đánh giá thời gian sử dụng hữu ích của TSCĐ thì phải điều chỉnh mức khấu hao.

Công thức tính khấu hao:

$$\text{Mức khấu hao} = \text{Nguyên giá TSCĐ} * \text{Tỷ lệ khấu hao}$$

1.3.1.3. Đánh giá giá trị còn lại của TSCĐ

Bên cạnh việc đánh giá TSCĐ theo nguyên giá, thì TSCĐ còn được đánh giá theo giá trị còn lại. Công thức tính:

$$\text{GTCL của TSCĐ} = \text{Nguyên giá TSCĐ} - \text{Số hao mòn lũy kế TSCĐ}$$

Trường hợp TSCĐ hữu hình được đánh giá lại theo quy định của Nhà nước thì nguyên giá, khấu hao lũy kế và giá trị còn lại phải được điều chỉnh theo kết quả đánh giá lại. Chênh lệch do đánh giá lại TSCĐ hữu hình được xử lý và kế toán theo quy định của Nhà nước.

1.3.2. Khấu hao TSCĐ

1.3.2.1. Khái niệm hao mòn và khấu hao TSCĐ

Bất cứ TSCĐ nào, dù sử dụng hay không sử dụng đều có thể bị hao mòn, làm giảm giá trị của TSCĐ, làm giảm hiệu suất của TSCĐ. Sự hao mòn này có thể là vô hình hoặc hữu hình.

Đối với những TSCĐ tham gia vào quá trình sản xuất thì nó sẽ bị hao mòn dần (hao mòn hữu tính). Mức độ hao mòn khi đó sẽ phụ thuộc vào các nhân tố thuộc về trình độ chế tạo, chất lượng vật liệu, quá trình sử dụng, bảo quản... Tuy nhiên, kể cả những TSCĐ không tham gia vào quá trình sản xuất cũng có thể bị hao mòn (hao mòn vô hình). Lúc đó, TSCĐ có thể bị giảm giá trị do năng suất lao động xã hội tăng lên hoặc do xuất hiện những thiết bị tốt hơn, tính năng kỹ thuật hoàn thiện hơn và có năng suất cao hơn. Tóm lại, hao mòn TSCĐ chính là sự của TSCĐ do tham gia vào hoạt động kinh doanh, do bào mòn tự nhiên, do tiến bộ kỹ thuật... trong quá trình hoạt động của TSCĐ. Chính vì TSCĐ bị giảm dần là phải nhận thức được sự hao mòn cũng như thời gian sử dụng hữu ích của tài sản để từ đó chuyển dần giá trị hao mòn vào giá trị sản phẩm làm ra. Sự chuyển dịch đó chính là khấu hao của TSCĐ. Khấu hao TSCĐ là việc tính toán và phân bổ một cách có hệ thống nguyên giá TSCĐ vào chi phí kinh doanh qua thời gian sử dụng của TSCĐ.

Vì khấu hao chỉ là sự tính toán và phản ánh hao mòn của TSCĐ nên nó không bao giờ phản ánh một cách tuyệt đối chính xác sự hao mòn. Mức độ chính xác của sự phản ánh hao mòn qua khấu hao sẽ bị ảnh hưởng bởi các phương pháp tính khấu hao. Doanh nghiệp càng sử dụng phương pháp tính khấu hao thích hợp với từng loại TSCĐ thì phản ánh càng đúng sự hao mòn của tài sản đó.

1.3.2.2. Phương pháp khấu hao TSCĐ

Có nhiều phương pháp trích khấu hao TSCĐ. Quyết định lựa chọn phương pháp nào tùy thuộc vào điều kiện sản xuất kinh doanh, đặc điểm TSCĐ của mỗi doanh nghiệp. Giá trị phải khấu hao của TSCĐ được phân bổ một cách có hệ thống vào chi phí kinh doanh trong thời gian sử dụng hữu ích của tài sản. Phương pháp khấu hao phải phù hợp với lợi ích kinh tế mà tài sản đem lại cho doanh nghiệp. Khấu hao của từng kỳ được hạch toán vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ trừ khi chúng được tính vào giá trị của tài sản khác như khấu hao TSCĐ hữu hình dùng cho các hoạt động trong giai đoạn triển khai, hay là một bộ phận chi phí cấu thành nguyên giá TSCĐ vô hình hoặc chi phí khấu hao dùng cho quá trình xây dựng hoặc tự chế các tài sản khác.

Căn cứ vào khả năng đáp ứng các điều kiện áp dụng quy định cho từng phương pháp tính khấu hao TSCĐ, doanh nghiệp lựa chọn các phương pháp trích khấu hao phù hợp với từng loại TSCĐ của doanh nghiệp. Theo thông tư 203/2009/TT – BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài Chính có 3 phương pháp khấu hao:

- ❖ Phương pháp khấu hao đường thẳng
- ❖ Phương pháp khấu hao theo số dư giảm dần
- ❖ Phương pháp khấu hao theo số lượng sản phẩm

1.3.2.2.1. Phương pháp khấu hao đường thẳng (phương pháp khấu hao bình quân)

Đây là phương pháp trích khấu hao đơn giản nhất và thường được áp dụng nhiều nhất. Theo phương pháp khấu hao đường thẳng, số khấu hao được chia đều và cố định trong mỗi kỳ kinh doanh. Mức khấu hao tính dựa trên giá trị của TSCĐ và thời gian sử dụng.

Theo phương pháp này người ta dựa vào thời gian sử dụng hữu ích của tài sản để trích khấu hao theo công thức:

$$\text{Mức khấu hao (năm)} = \text{Nguyên giá TSCĐ} * \text{Tỷ lệ khấu hao (năm)}$$

Trong đó tỷ lệ khấu hao (năm):

Tỷ lệ khấu hao	=	$\frac{1}{\text{Số năm sử dụng hữu ích của TSCĐ}}$
----------------	---	--

$$\text{Mức khấu hao năm} = \text{Nguyên giá} * \text{Tỷ lệ khấu hao (năm)}$$

Mức khấu hao tháng	=	$\frac{\text{Mức khấu hao năm}}{12}$
--------------------	---	--------------------------------------

Trường hợp thời gian sử dụng hay nguyên giá TSCĐ thay đổi, doanh nghiệp phải xác định lại mức khấu hao trung bình của TSCĐ bằng cách lấy giá trị còn lại trên sổ kế toán chia cho thời gian sử dụng xác định lại hoặc thời gian sử dụng còn lại (được xác định là chênh lệch giữa thời gian sử dụng đã đăng ký trừ đi thời gian đã dụng) của TSCĐ.

Mức trích khấu hao cho năm cuối cùng của thời gian sử dụng TSCĐ được xác định là hiệu số giữa nguyên giá TSCĐ và số khấu hao lũy kế đã thực hiện đến năm trước năm cuối cùng của TSCĐ đó.

- Đối với TSCĐ đưa vào sử dụng trước ngày 01/01/2009 cách xác định mức trích khấu hao như sau:

+ Căn cứ vào số liệu trên sổ kế toán, hồ sơ của TSCĐ để xác định giá trị còn lại trên sổ kế toán của TSCĐ.

+ Xác định thời gian sử dụng còn lại của TSCĐ theo công thức:

$$N = T' * (1 - t/ T)$$

Trong đó:

N: Thời gian sử dụng còn lại của TSCĐ

T: Thời gian sử dụng của TSCĐ theo quyết định 206/2003/QĐ-BTC

T': Thời gian sử dụng của tài sản cố định xác định theo quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 203/2009/TT-BTC.

t: thời gian thực tế đã tính khấu hao của TSCĐ

Xác định mức khấu hao hằng năm cho những năm còn lại:

$$\text{Mức trích khấu hao hàng năm của TSCĐ} = \frac{\text{Giá trị còn lại của TSCĐ}}{\text{Thời gian sử dụng còn lại của TSCĐ}}$$

$$\text{Mức trích khấu hao tháng} = \frac{\text{Mức trích khấu hao năm}}{12}$$

$$\text{Tỷ lệ khấu hao} = \frac{1}{\text{Số năm sử dụng hữu ích của tài sản}}$$

1.3.2.2.2 Phương pháp theo sản lượng

Khấu hao được tính cho mỗi sản phẩm mà TSCĐ tham gia vào sản xuất kinh doanh.

TSCĐ trong doanh nghiệp được trích khấu hao theo phương pháp khấu hao theo sản lượng, khối lượng sản phẩm như sau:

Căn cứ vào hồ sơ kinh tế kỹ thuật của TSCĐ doanh nghiệp xác định tổng số lượng, khối lượng sản phẩm sản xuất theo công suất thiết kế của TSCĐ, gọi tắt là sản lượng theo công suất thiết kế.

Căn cứ vào tình hình thực tế sản xuất, doanh nghiệp xác định số lượng, khối lượng sản phẩm thực tế sản xuất hàng tháng, hàng năm sử dụng của TSCĐ.

Xác định mức trích khấu hao trong tháng của TSCĐ theo công thức dưới đây:

$$\text{Mức khấu hao trong tháng của TSCĐ} = \frac{\text{Số lượng sản phẩm sản xuất trong tháng}}{\text{Số lượng sản phẩm sản xuất theo công suất thiết kế}} * \text{Mức trích khấu hao bình quân tính cho một đơn vị sản phẩm}$$

Trong đó:

$$\text{Mức trích khấu hao bình quân tính cho một đơn vị sản phẩm} = \frac{\text{Nguyên giá TSCĐ}}{\text{Sản lượng theo công suất thiết kế}}$$

Mức trích khấu hao năm của TSCĐ bằng tổng mức trích khấu hao của 12 tháng trong năm hoặc tính theo công thức sau:

$$\text{Mức trích khấu hao năm của TSCĐ} = \frac{\text{Số lượng sản phẩm sản xuất trong năm}}{\text{Số lượng sản phẩm sản xuất theo công suất thiết kế}} * \text{Mức trích khấu hao bình quân tính cho một đơn vị sản phẩm}$$

Trường hợp công suất thiết kế hoặc nguyên giá TSCĐ thay đổi doanh nghiệp phải xác định lại mức trích khấu hao của TSCĐ.

1.3.2.2.3 Phương pháp khấu hao theo số dư giảm dần

Mức trích khấu hao TSCĐ theo phương pháp số dư giảm dần có điều chỉnh được xác định như sau:

Xác định thời gian sử dụng của TSCĐ theo phương pháp khấu hao đường thẳng. Doanh nghiệp xác định thời gian sử dụng của TSCĐ theo quy định tại chế

độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ ban hành kèm theo quy định tại Thông tư số 203/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Xác định mức trích khấu hao năm của TSCĐ trong các năm dần theo công thức sau:

$$\text{Mức trích khấu hao hàng năm của TSCĐ} = \text{Giá trị còn lại của TSCĐ} * \text{Tỷ lệ khấu hao nhanh}$$

Trong đó:

$$\text{Tỷ lệ khấu hao nhanh} = \text{Tỷ lệ khấu hao TSCĐ theo phương pháp đường thẳng} * \text{Hệ số điều chỉnh}$$

$$\text{Tỷ lệ khấu hao TSCĐ theo phương pháp đường thẳng} = \frac{1}{\text{Thời gian sử dụng của TSCĐ}} * 100$$

Hệ số điều chỉnh thời gian sử dụng của TSCĐ:

Thời gian sử dụng của TSCĐ	Hệ số điều chỉnh (lần)
Đến 4 năm	1.5
Trên 4 đến 6 năm	2.0
Trên 6 năm	2.5

Những năm cuối, mức khấu hao năm xác định theo phương pháp số dư giảm dần nói trên bằng (hoặc thấp hơn) mức khấu hao tính bình quân giữa giá trị còn lại và số năm sử dụng còn lại của TSCĐ, thì kể từ năm đó mức khấu hao được tính bằng giá trị còn lại của TSCĐ chia cho số năm sử dụng còn lại của TSCĐ. Mức trích khấu hao hàng tháng bằng số khấu hao phải trích cả năm chia cho 12 tháng.

1.4 Tổ chức kế toán Tài sản cố định trong Doanh nghiệp

TSCĐ trong doanh nghiệp có nhiều loại khác nhau, mỗi TSCĐ có thể là một hệ thống các bộ phận cấu thành. Do đó một trong những yêu cầu cần thiết trong quản lý TSCĐ trong doanh nghiệp phải hạch toán chi tiết TSCĐ. Thông qua kế toán chi tiết, kế toán sẽ cung cấp những chỉ tiêu về cơ cấu, tình trạng kỹ

thuật của TSCĐ, tình hình huy động và sử dụng TSCĐ cũng như trách nhiệm và tình hình bảo quản và sử dụng TSCĐ.

1.4.1 Chứng từ kế toán TSCĐ

Chứng từ kế toán là cơ sở ban đầu để các nghiệp vụ kinh tế phát sinh về TSCĐ, nó còn là căn cứ để kế toán ghi sổ, tiến hành theo dõi tình hình biến động của TSCĐ, từ đó đưa ra các báo cáo tài chính. Mỗi trường hợp tăng, giảm TSCĐ đều phải lập chứng từ kế toán bao gồm:

- Biên bản giao nhận TSCĐ: Đây là chứng từ xác nhận việc giao nhận TSCĐ sau khi hoàn thành công việc xây dựng, mua sắm, được cấp phát... đưa vào sử dụng tại đơn vị hoặc tài sản của đơn vị bàn giao cho đơn vị khác theo lệnh của cấp trên, theo hợp đồng.

Biên bản giao nhận TSCĐ được lập cho từng TSCĐ: Trường hợp giao nhận cùng một lúc nhiều tài sản cùng loại, cùng giá trị và cho cùng một đơn vị giao có thể lập chung một biên bản giao nhận TSCĐ.

- Biên bản thanh lý TSCĐ: Đây là chứng từ xác nhận việc thanh lý TSCĐ, làm căn cứ cho việc ghi giảm TSCĐ. Biên bản thanh lý TSCĐ do ban thanh lý TSCĐ lập và có đầy đủ chữ ký, họ tên của trưởng ban thanh lý, kế toán trưởng, thủ trưởng đơn vị.

- Biên bản bàn giao TSCĐ sửa chữa lớn hoàn thành: Xác nhận việc giao TSCĐ sau khi hoàn thành việc sửa chữa lớn giữa bên có TSCĐ sửa chữa và bên thực hiện việc sửa chữa. Đây là căn cứ ghi sổ kế toán và thanh toán chi phí sửa chữa TSCĐ.

- Biên bản đánh giá lại TSCĐ: xác nhận việc đánh giá lại TSCĐ và làm căn cứ để ghi sổ kế toán và các tài liệu liên quan đến số chênh lệch do đánh giá lại TSCĐ.

- Biên bản kiểm kê TSCĐ: nhằm xác nhận số lượng, giá trị TSCĐ hiện có, thừa thiếu so với sổ kế toán. Trên cơ sở đó tăng cường quản lý TSCĐ và làm cơ sở quy trách nhiệm vật chất ghi sổ kế toán số chênh lệch.

1.4.2 Tài khoản, Sổ sách sử dụng

- Sổ TSCĐ.
- Sổ theo dõi TSCĐ tại nơi sử dụng.
- Thẻ TSCĐ.
- Sổ chi tiết thanh toán với người bán.

Thực hiện tổng hợp thông tin theo dõi đối tượng chi tiết đối chiếu với kế toán tổng hợp để cung cấp thông tin cho các bộ phận có liên quan.

* Tài khoản sử dụng:

Tài khoản 211 - TSCĐ hữu hình: Tài khoản này dùng để phản ánh nguyên giá của toàn bộ TSCĐ hữu hình thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp hiện có, biến động tăng, giảm trong kỳ.

Kết cấu của TK 211:

Bên nợ: phản ánh các nghiệp vụ làm tăng TSCĐ hữu hình theo nguyên giá (mua sắm, xây dựng...).

Bên có: phản ánh các nghiệp vụ làm giảm TSCĐ hữu hình theo nguyên giá (thanh lý, nhượng bán...)

Dư nợ: phản ánh nguyên giá TSCĐ hữu hình hiện có tại doanh nghiệp.

Các tài khoản cấp 2 của TK 211:

- TK 2111: nhà cửa vật kiến trúc
- TK 2112: máy móc thiết bị
- TK 2113: phương tiện vận tải truyền dẫn
- TK 2114: thiết bị dụng cụ dùng cho quản lí
- TK 2115: cây lâu năm, súc vật làm việc cho sản phẩm
- TK 2118: TSCĐHH khác

Tài khoản 213 - TSCĐ vô hình: Tài khoản này dùng để phản ánh giá trị hiện có và tình hình biến động tăng, giảm TSCĐ vô hình của doanh nghiệp.

Kết cấu TK 213:

Bên nợ: Nguyên giá TSCĐ vô hình tăng.

Bên có: Nguyên giá TSCĐ vô hình giảm.

Số dư bên nợ: Nguyên giá TSCĐ vô hình hiện có của doanh nghiệp.

Các tài khoản cấp 2 của TK 213:

- TK 2131: Quyền sử dụng đất.
- TK 2132: Quyền phát hành.
- TK 2133: Bản quyền, bằng sáng chế.
- TK 2134: Nhãn hiệu hàng hóa.
- TK 2135: Phần mềm máy tính.
- TK 2136: Giấy phép và giấy phép chuyển nhượng.
- TK 2138: TSCĐ vô hình khác.

Tài khoản 214- Hao mòn TSCĐ: tài khoản này dùng để phản ánh tình hình tăng, giảm giá trị hao mòn và giá trị hao mòn lũy kế của các loại TSCĐ, bất động sản (BDS) đầu tư trong quá trình sử dụng do trích khấu hao TSCĐ, bất động sản đầu tư vào những khoản tăng, giảm hao mòn khác của TSCĐ, bất động sản đầu tư.

Kết cấu TK 214:

Bên nợ: giá trị hao mòn TSCĐ, BDS đầu tư giảm do TSCĐ, BDS đầu tư thanh lý nhượng bán, điều động cho đơn vị khác, góp vốn liên doanh.

Bên có: giá trị hao mòn TSCĐ, BDS đầu tư tăng do trích khấu hao TSCĐ, BDS đầu tư.

Số dư bên có: giá trị hao mòn lũy kế của TSCĐ, BDS đầu tư hiện có tại đơn vị.

Tài khoản 214 có các tài khoản cấp 2 sau:

- TK 2141: hao mòn TSCĐHH
- TK 2142: hao mòn TSCĐ thuê tài chính

- TK 2143: hao mòn TSCĐ vô hình
- TK 2147: hao mòn bất động sản đầu tư

Ngoài ra trong quá trình hạch toán, kế toán còn sử dụng một số tài khoản khác có liên quan như: TK 213, 111, 112, 331, 131, 411...

◆ **Khi phát sinh các nghiệp vụ kinh tế làm tăng TSCĐ:**

- Căn vào các chứng từ có liên quan đến việc tăng tài sản như hóa đơn, phiếu chi, ... tiến hành lập biên bản bao nhận TSCĐ, sau khi được giám đốc và kế toán trưởng ký duyệt, chuyển cho phòng kế toán cùng với hồ sơ gốc khác của TSCĐ.

- Kế toán lập thẻ TSCĐ căn cứ vào bộ hồ sơ gốc và lưu giữ tại phòng kế toán tong suốt quá trình sử dụng TSCĐ.

- Căn cứ vào thẻ TSCĐ, đăng ký vào sổ TSCĐ.

◆ **Khi phát sinh các nghiệp vụ làm giảm TSCĐ:**

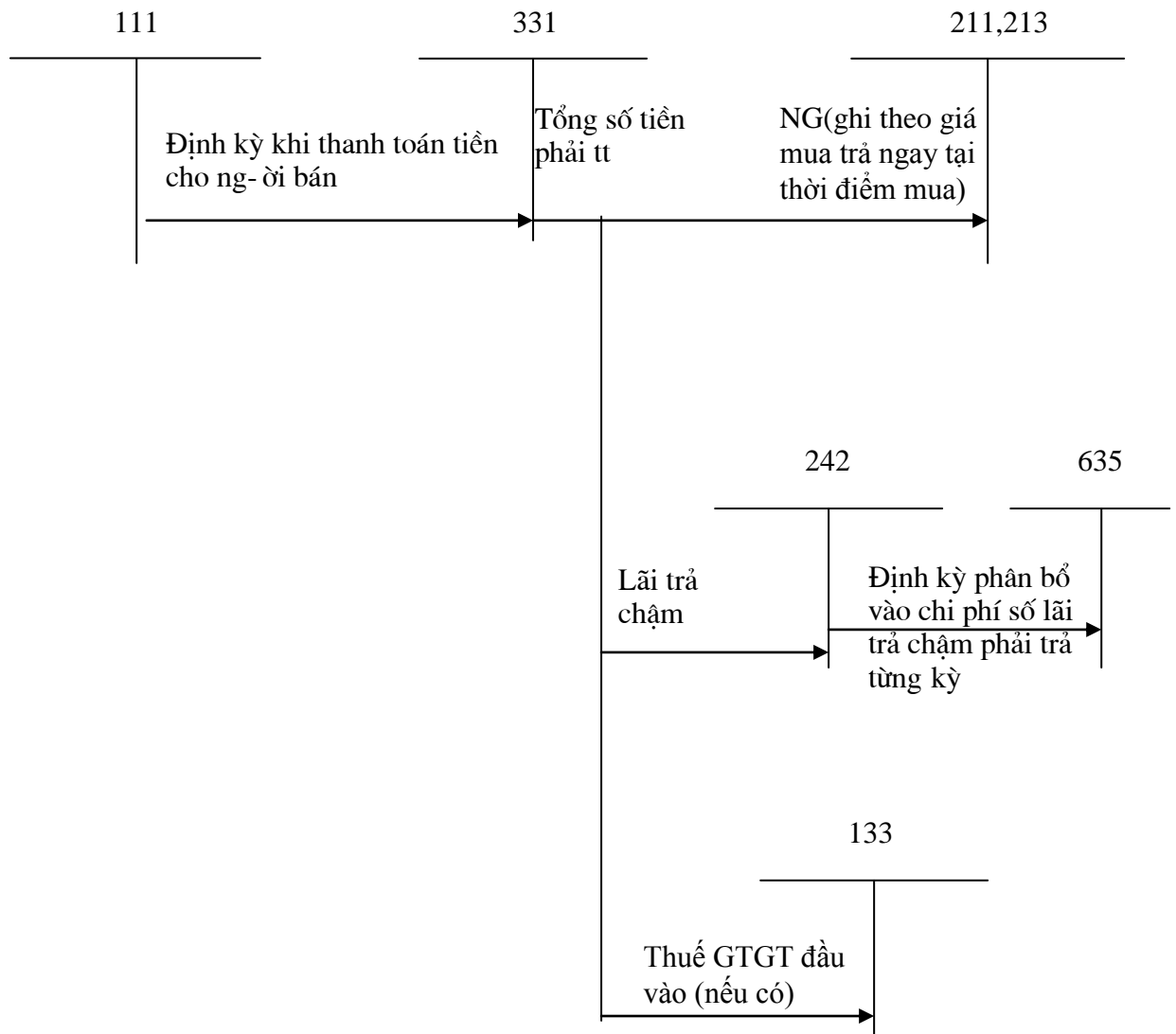
- Thành lập hội đồng đánh giá thực trạng về mặt kỹ thuật và thẩm định giá trước khi nhượng bán, thanh lý TSCĐ đồng thời với việc lập hóa đơn bán TSCĐ hoặc biên bản thanh lý TSCĐ.

- Hoàn tất việc ghi chép trên thẻ TSCĐ (ngày đình chỉ sử dụng và lý do đình chỉ) và tiến hành xóa sổ TSCĐ trên sổ chi tiết TSCĐ.

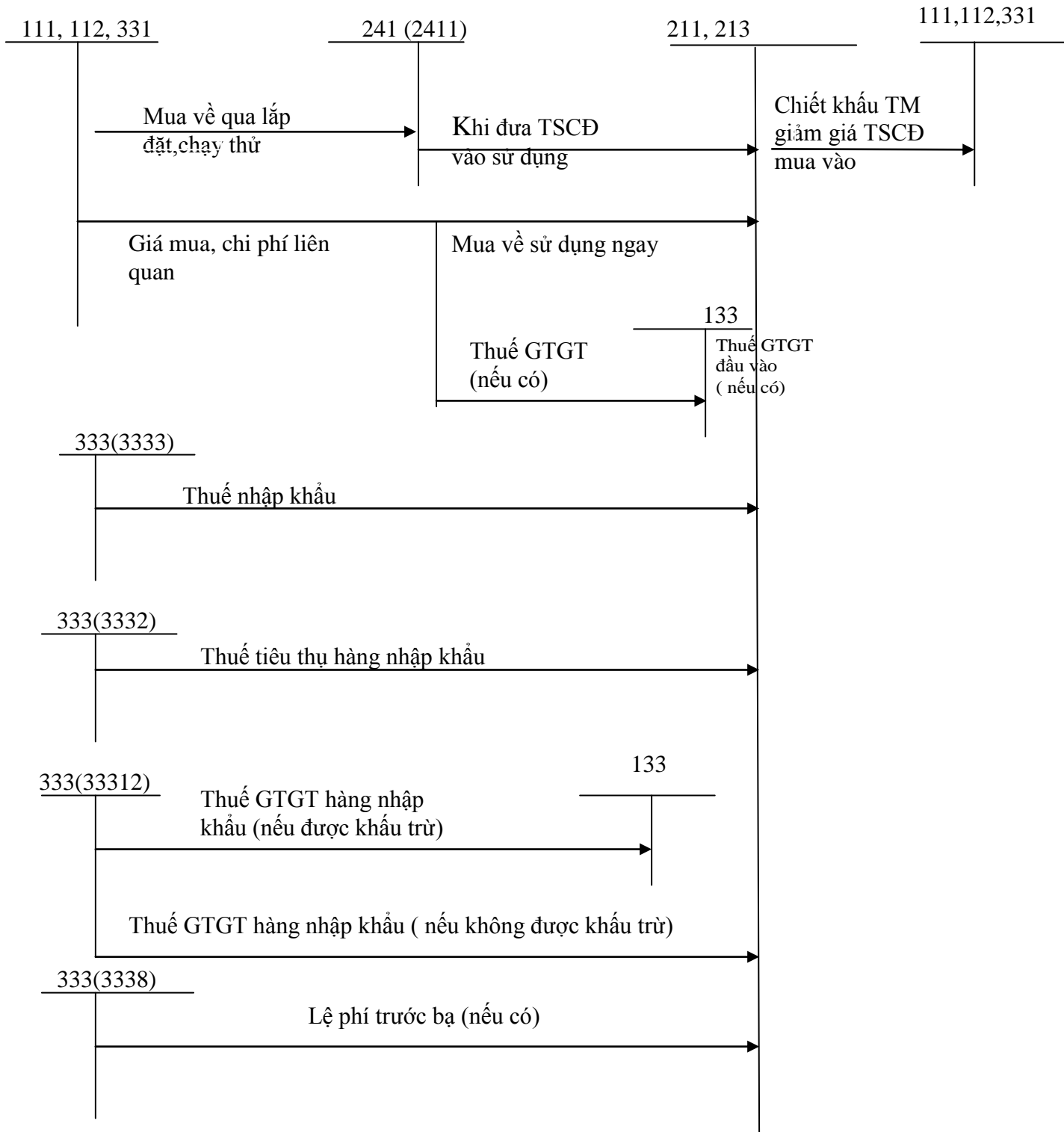
1.4.3 Kế toán tăng, giảm TSCĐ

a. Kế toán tăng TSCĐ

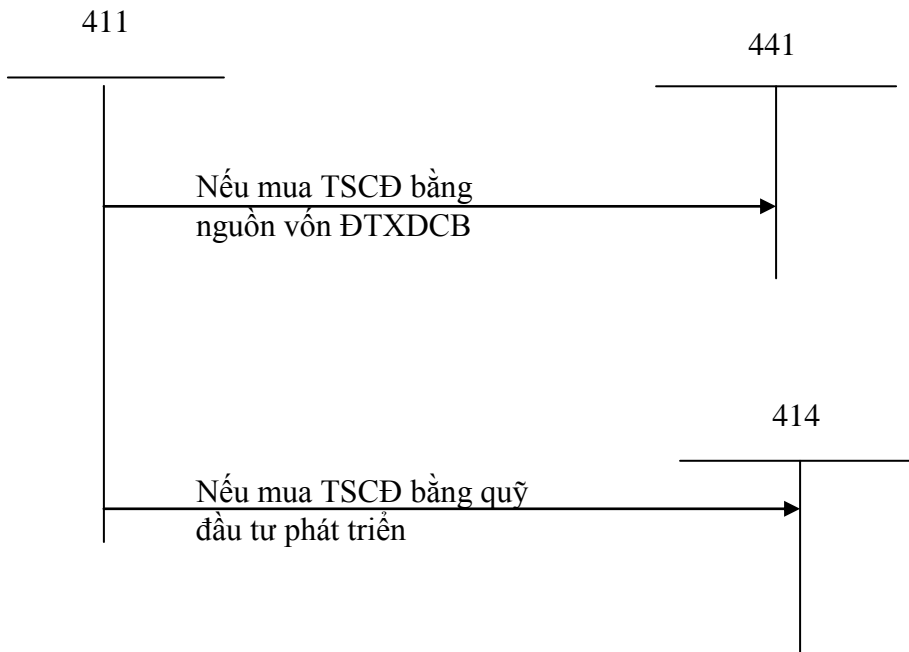
Sơ đồ 1: Kế toán TSCĐ mua ngoài theo phương thức trả chậm, trả góp



Sơ đồ 2: Kế toán TSCĐ tăng do mua ngoài dùng vào hoạt động sản xuất kinh doanh (áp dụng phương pháp khấu trừ)

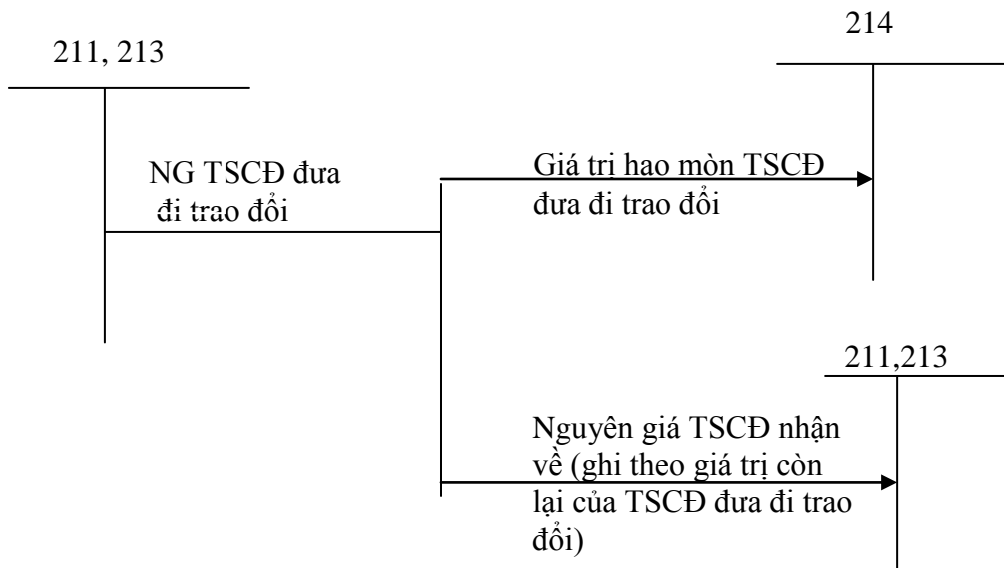


Đồng thời ghi:



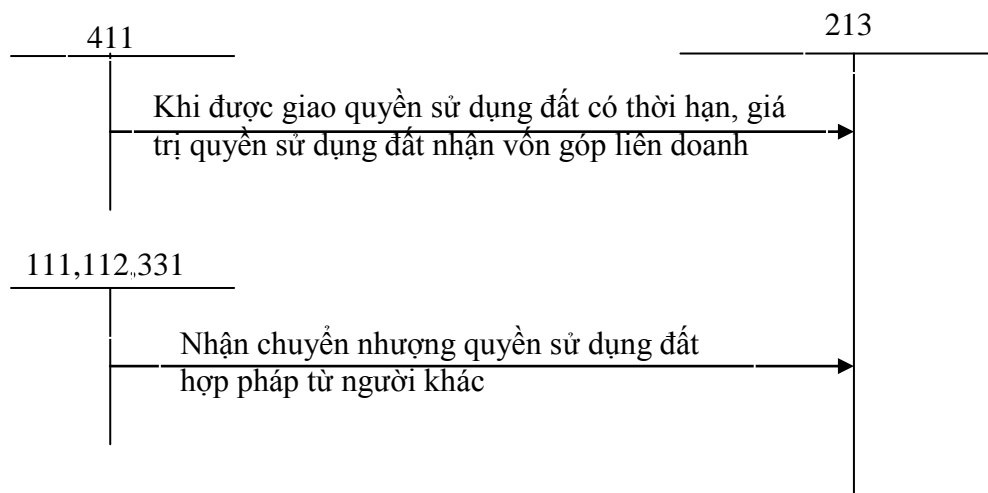
Sơ đồ 3: Kế toán TSCĐ mua dưới hình thức trao đổi

Sơ đồ 3.1: Trường hợp mua dưới hình thức trao đổi với TSCĐ tương tự

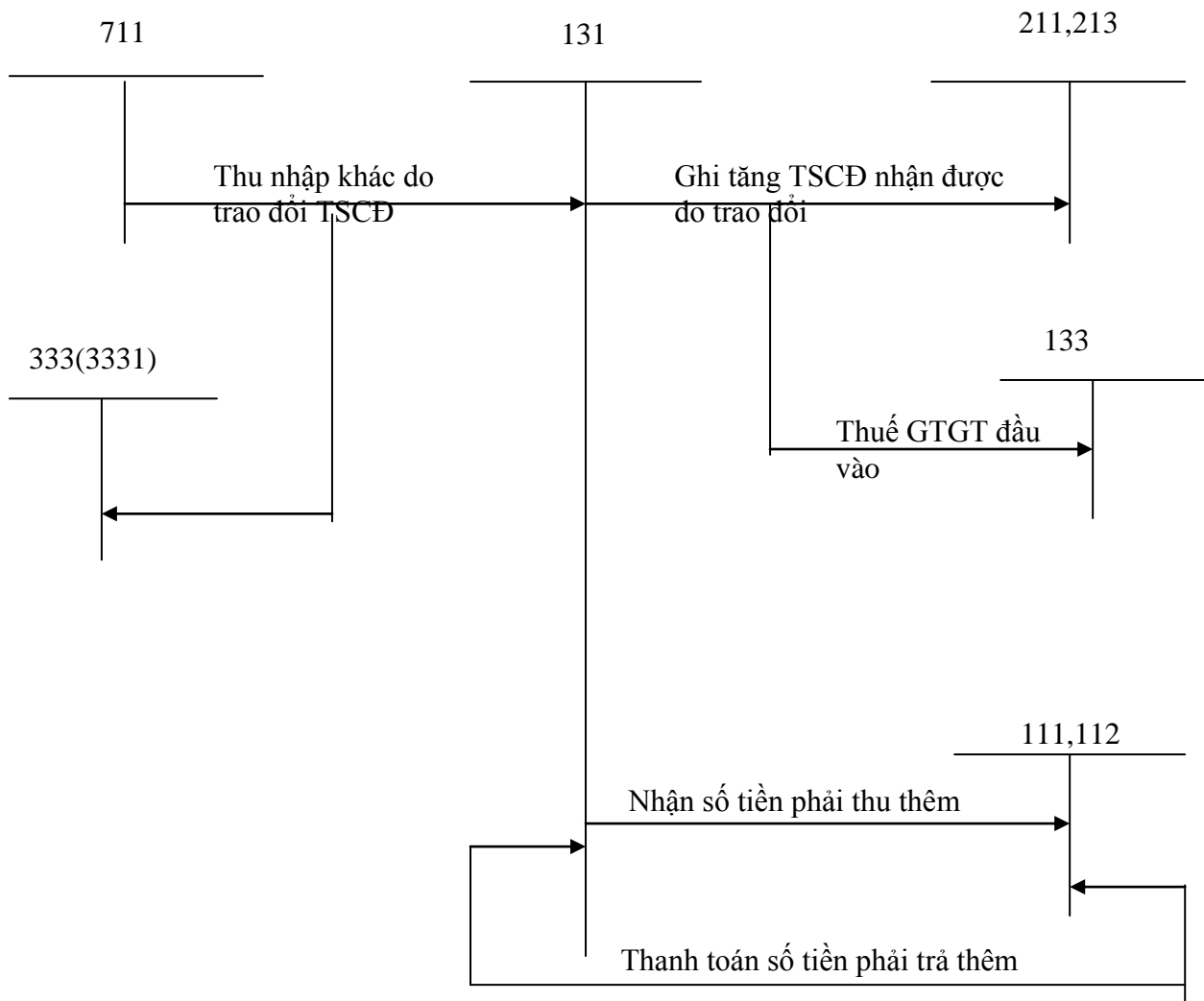


Sơ đồ 3.2 Trường hợp mua dưới hình thức trao đổi với TSCĐ không tương tự

a. Bút toán giảm TSCĐ đưa đi trao đổi

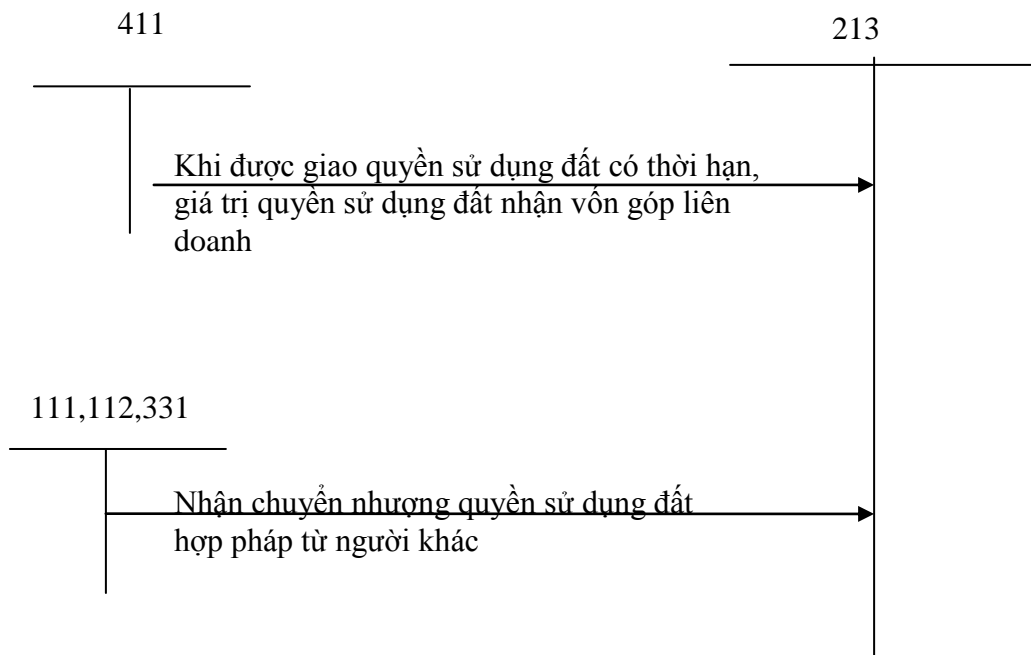


b. Bút toán ghi tăng TSCĐ nhận về

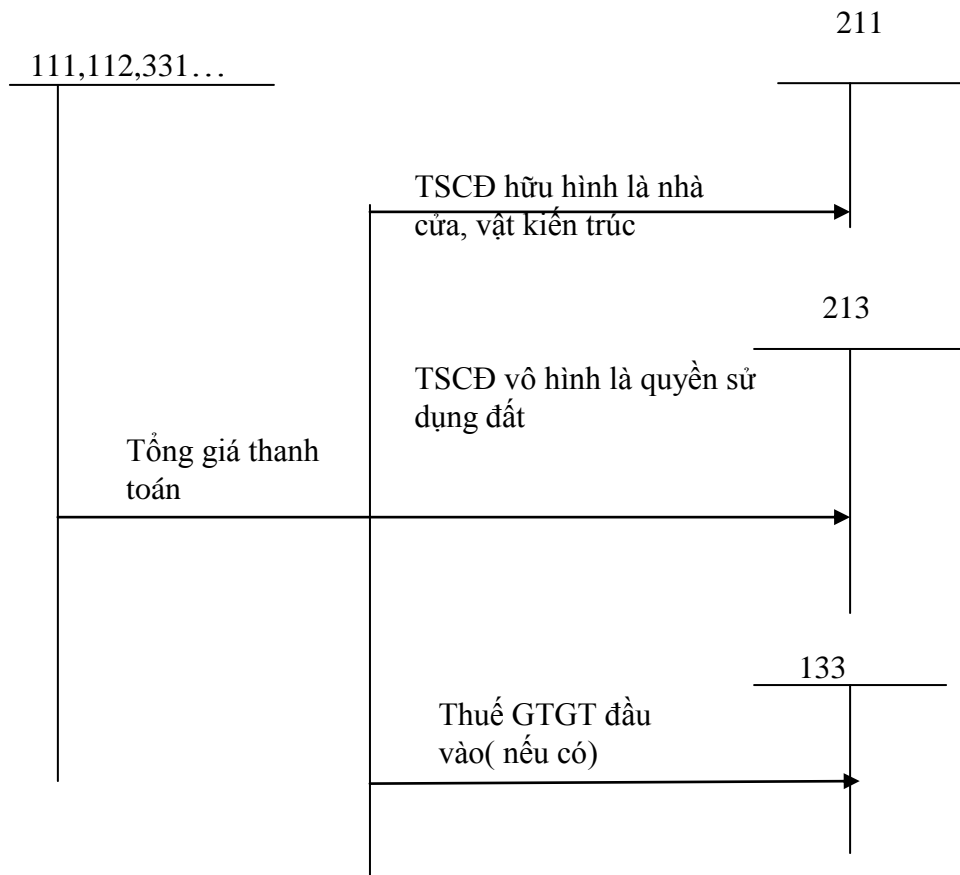


Sơ đồ 4: Kế toán tăng TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất có thời hạn

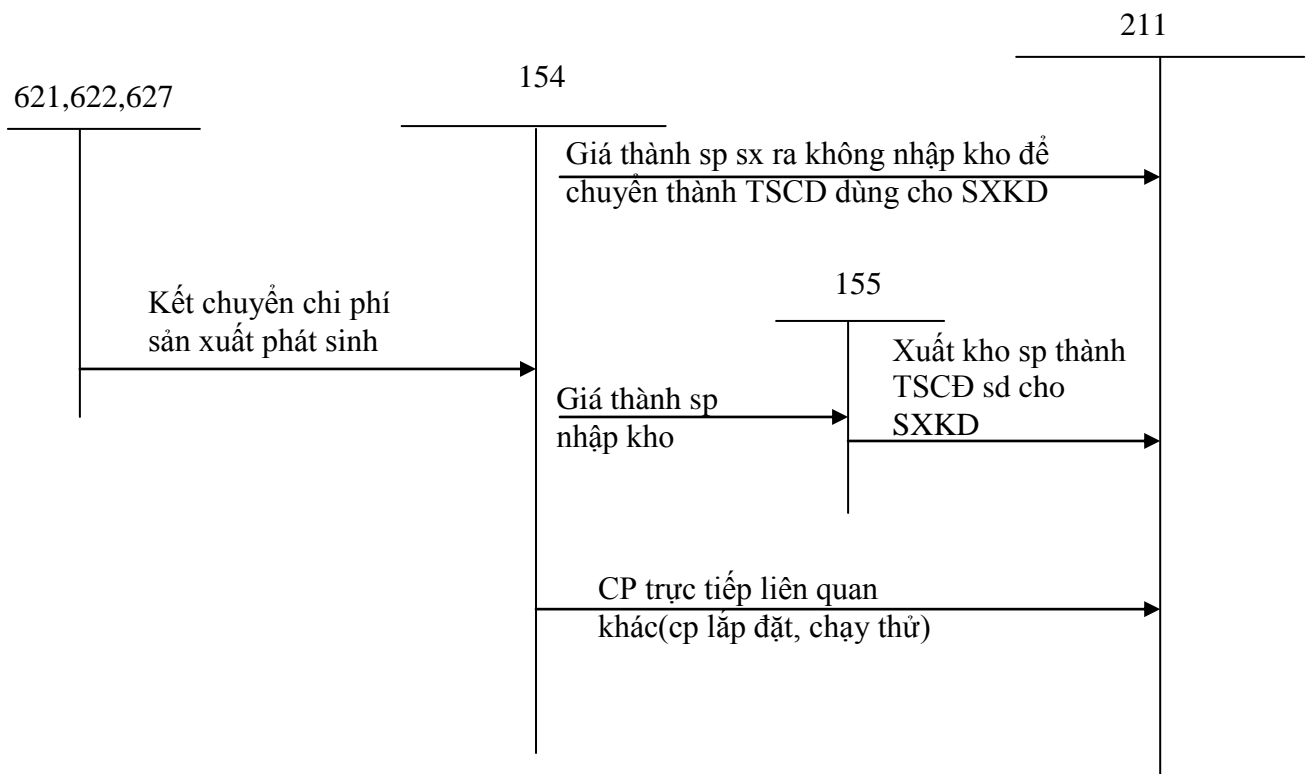
Sơ đồ 4.1: TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất có thời hạn



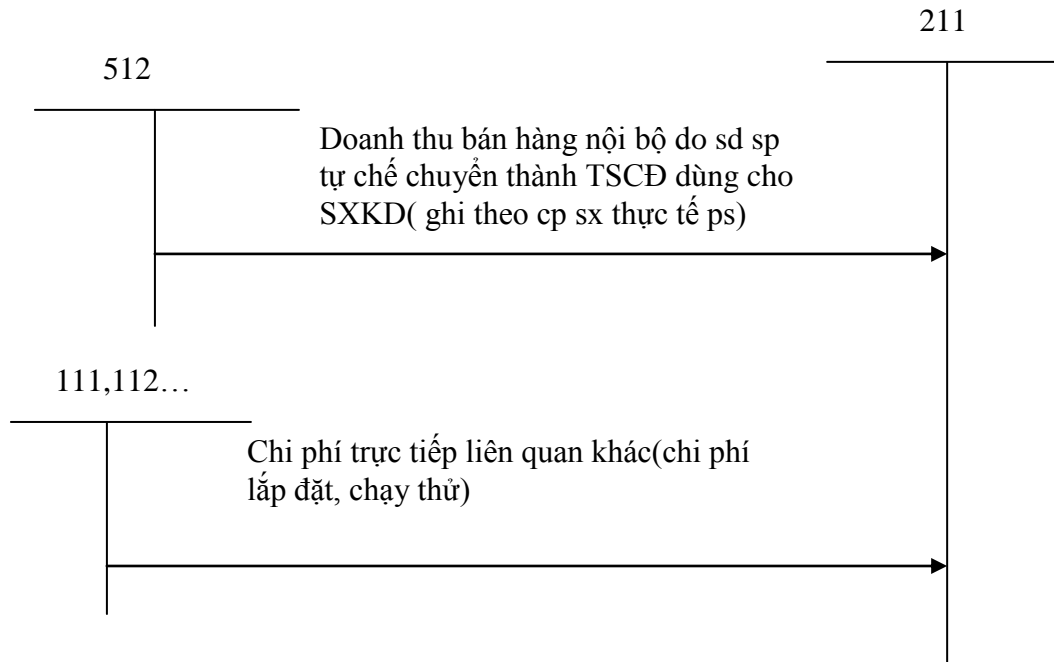
Sơ đồ 4.2: Quyền sử dụng đất được chuyển nhượng cùng với nhà cửa, vật kiến trúc trên đất



Sơ đồ 5: Tài sản cố định hữu hình tự chế

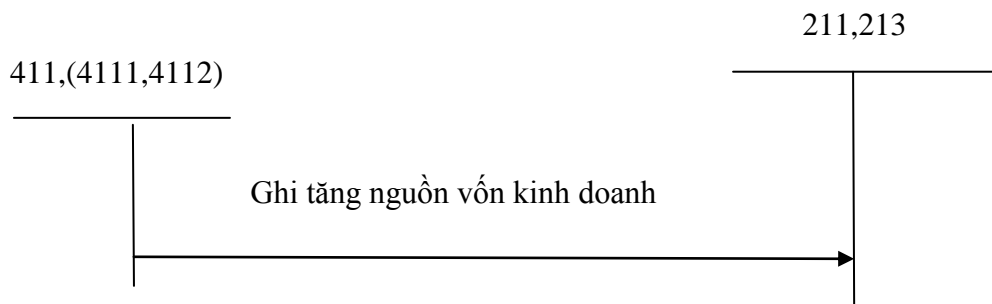


Đồng thời ghi:

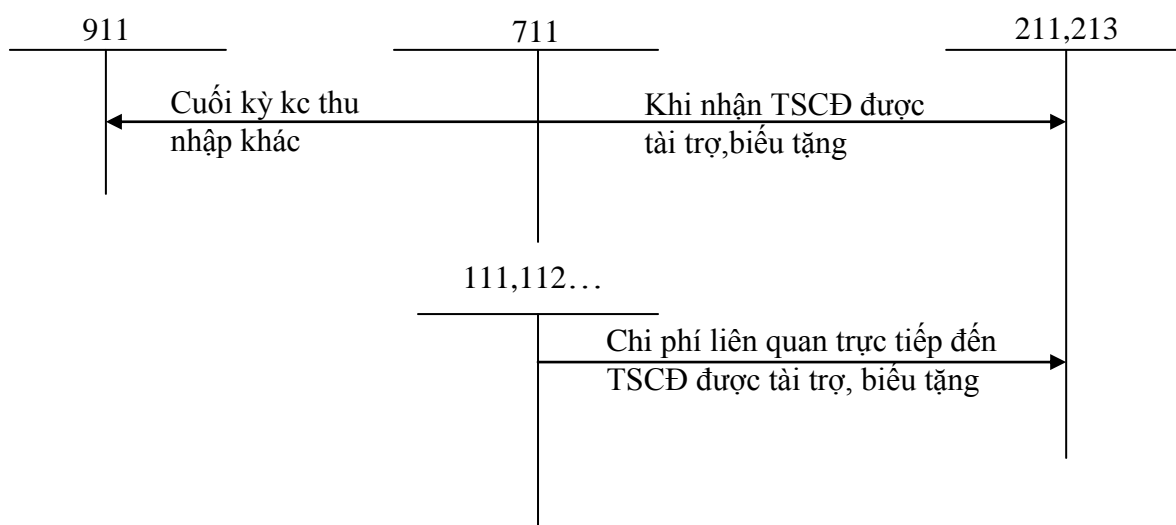


Sơ đồ 6: Kế toán các trường hợp khác ghi tăng TSCĐ

Sơ đồ 6.1: Trường hợp hình thành TSCĐ từ việc trao đổi thanh toán bằng chứng từ liên quan đến quyền sở hữu vốn của các công ty cổ phần

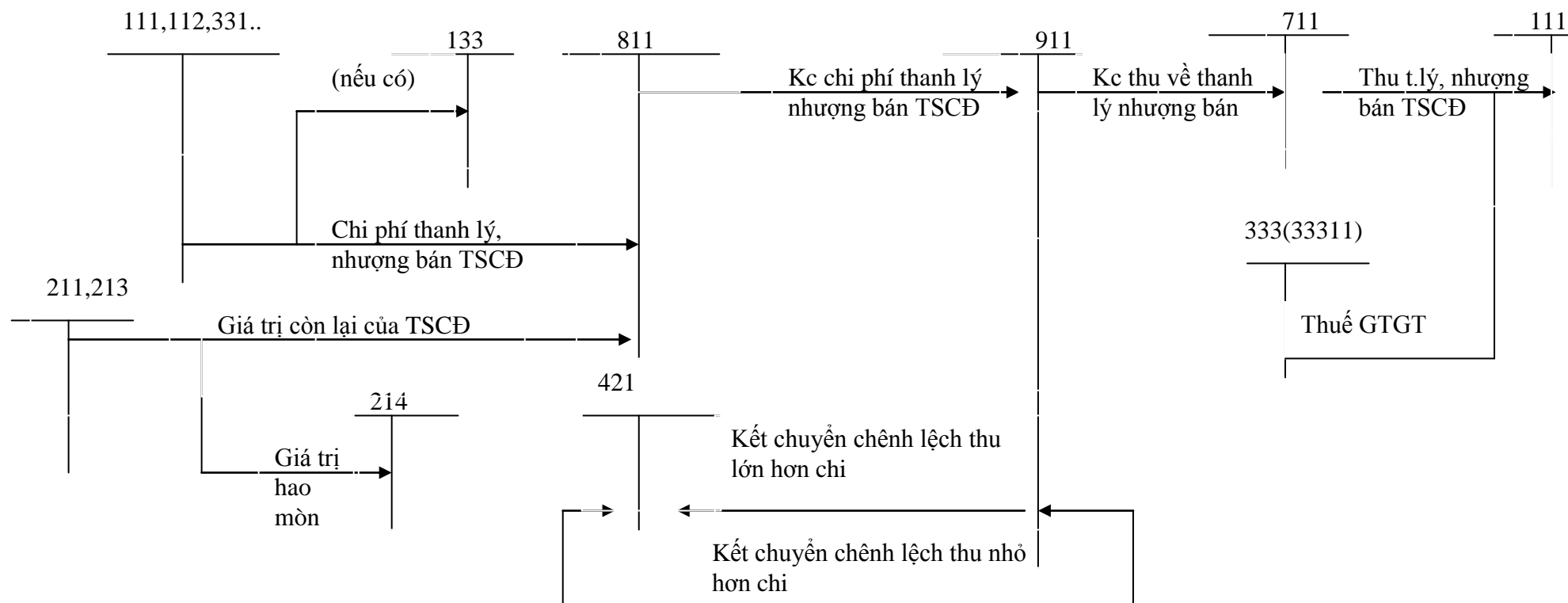


Sơ đồ 6.2: Trường hợp TSCĐ được tài trợ, biếu tặng

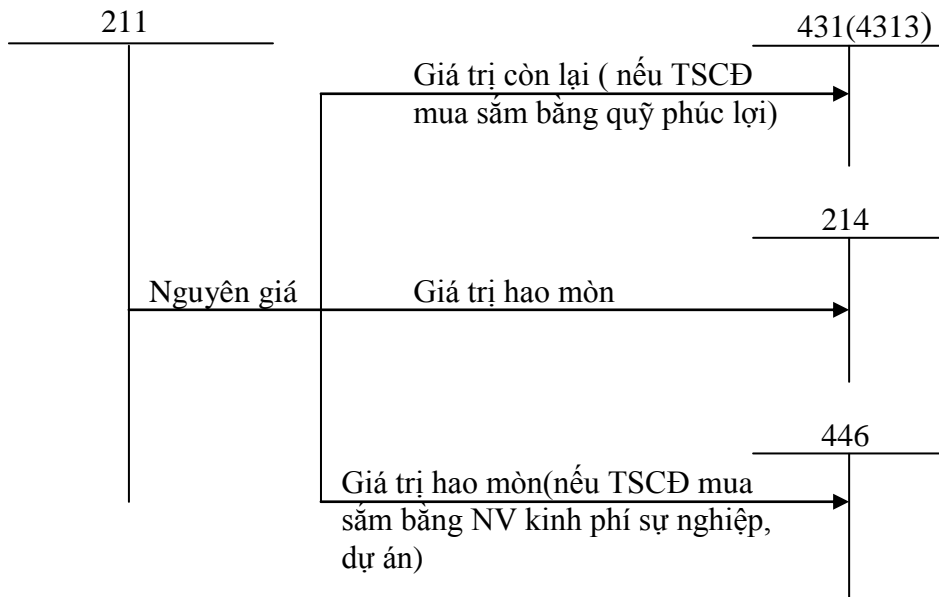


b. Kế toán giảm TSCĐ

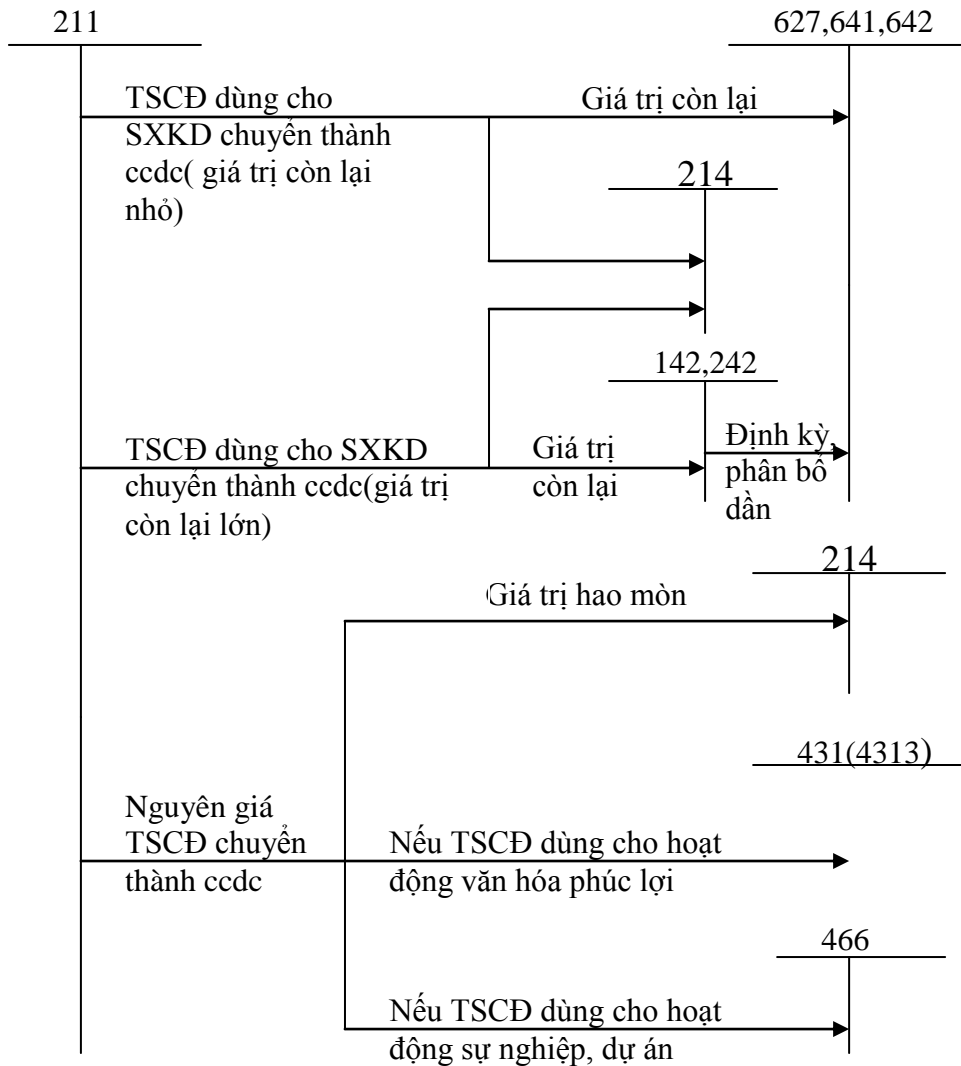
Sơ đồ 7: Hạch toán thanh lý, nhượng bán TSCĐ dùng vào hoạt động SXKD(theo phương pháp khấu trừ)



Sơ đồ 8: Kế toán thanh lý, nhượng bán TSCĐ đầu tư, mua sắm bằng quỹ phúc lợi, bằng nguồn vốn kinh phí sự nghiệp, dự án

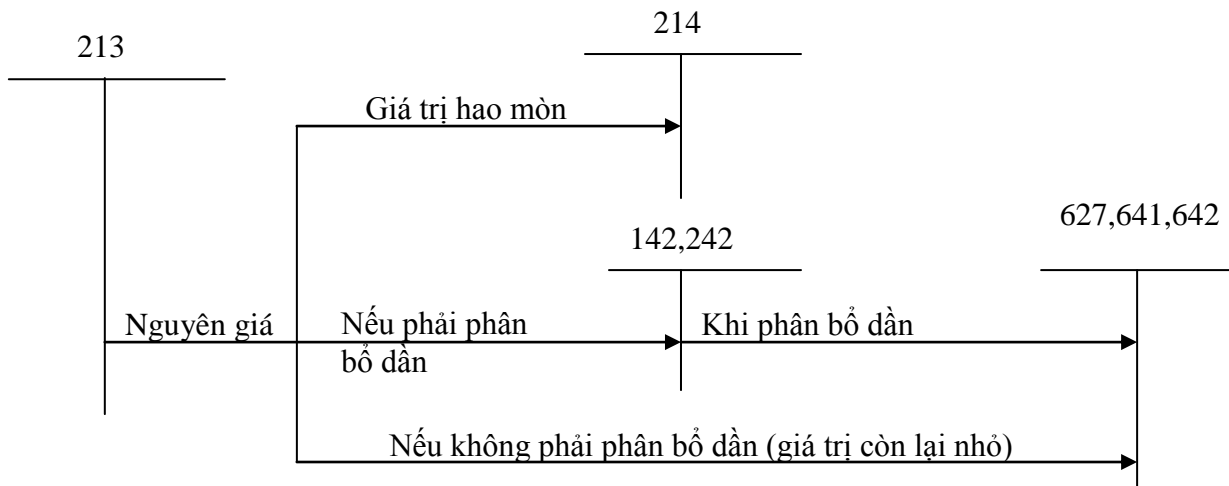


Sơ đồ 9: Kế toán giảm TSCĐ hữu hình chuyển thành công cụ, dụng cụ



Sơ đồ 10: Kế toán giảm TSCĐ vô hình

(do không đủ tiêu chuẩn hoặc khi xét thấy không thu được lợi ích kinh tế từ việc sử dụng tiếp theo)



1.4.4 Kế toán khấu hao TSCĐ

Chúng tôi sử dụng là Bảng tính và phân bổ khấu hao Tài sản cố định (mẫu 06 – TSCĐ)

Tài khoản sử dụng: TK 214 - Hao mòn TSCĐ: tài khoản này dùng để phản ánh tình hình tăng, giảm giá trị hao mòn và giá trị hao mòn lũy kế của các loại TSCĐ, bất động sản (BDS) đầu tư trong quá trình sử dụng do trích khấu hao TSCĐ, bất động sản đầu tư vào những khoản tăng, giảm hao mòn khác của TSCĐ, bất động sản đầu tư.

Kết cấu TK 214:

Bên nợ: giá trị hao mòn TSCĐ, BDS đầu tư giảm do TSCĐ, BDS đầu tư thanh lý nhượng bán, điều động cho đơn vị khác, góp vốn liên doanh.

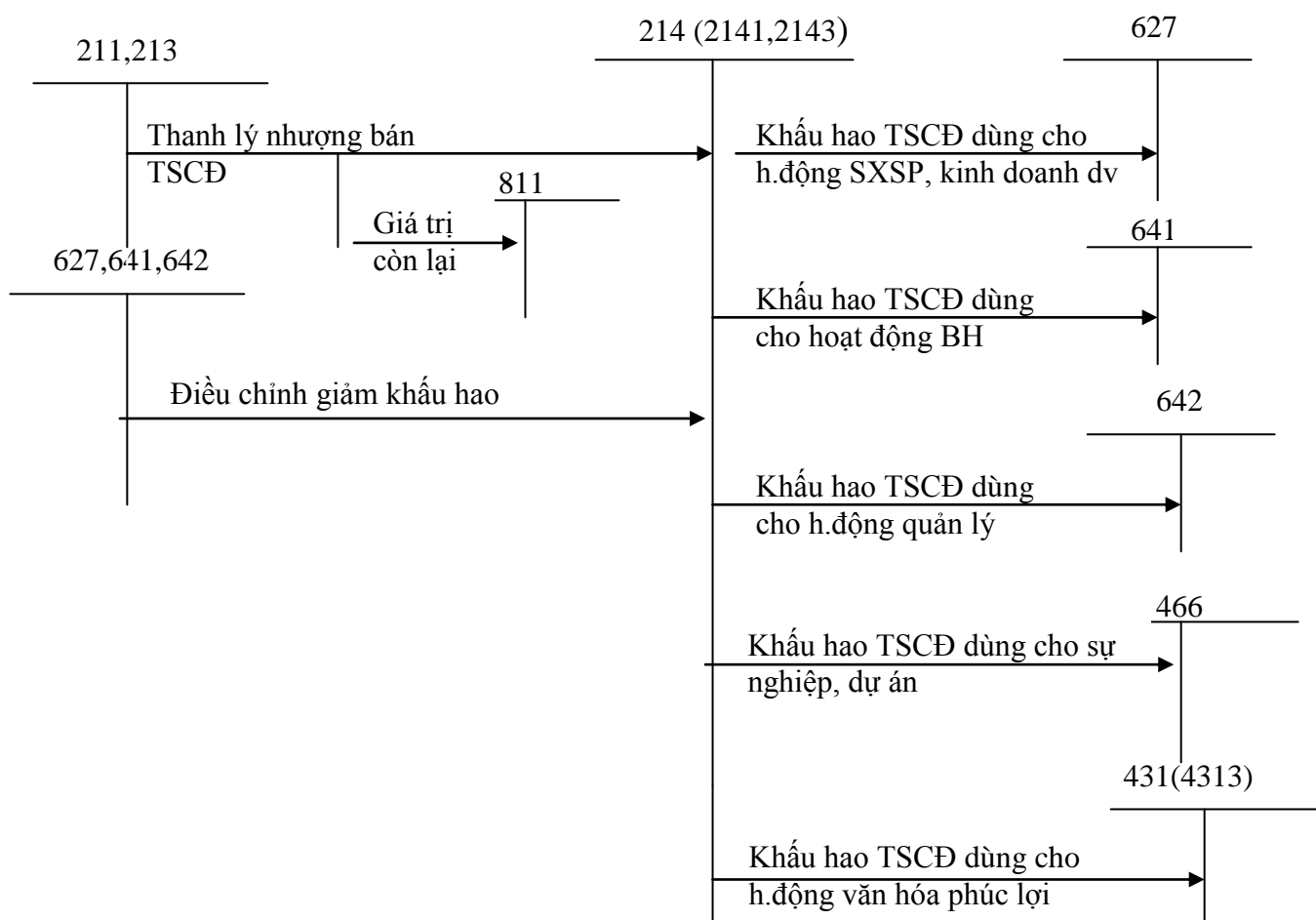
Bên có: giá trị hao mòn TSCĐ, BDS đầu tư tăng do trích khấu hao TSCĐ, BDS đầu tư.

Số dư bên có: giá trị hao mòn lũy kế của TSCĐ, BDS đầu tư hiện có tại đơn vị.

Tài khoản 214 có các tài khoản cấp 2 sau:

- TK 2141: hao mòn TSCĐHH
- TK 2142: hao mòn TSCĐ thuê tài chính
- TK 2143: hao mòn TSCĐ vô hình
- TK 2147: hao mòn bất động sản đầu tư

Sơ đồ 11: Kế toán khấu hao TSCĐ



1.4.5 Kế toán sửa chữa, nâng cấp TSCĐ

Trong quá trình sử dụng TSCĐ cần được tu bổ, sửa chữa để duy trì hoạt động của TSCĐ liên tục, tăng hiệu quả... có 2 loại sửa chữa:

- Sửa chữa nhỏ (Sửa chữa thường xuyên): Chi phí sửa chữa không lớn, chi phí được hạch toán trực tiếp vào các bộ phận sử dụng TSCĐ.

- Sửa chữa lớn (Sửa chữa định kỳ): Chi phí sửa chữa cao, thời gian dài, làm tăng năng lực, công suất của TSCĐ. Ví dụ như đại tu máy móc, phương tiện vận tải, ...

❖ Nguyên tắc hạch toán:

- Theo dõi chặt chẽ chi phí phát sinh trong quá trình sửa chữa lớn, kể cả tự làm hoặc thuê ngoài.

- Quyết toán công trình, biên bản nghiệm thu, bàn giao,... khi công trình sửa chữa xong.

- Chi phí sửa chữa lớn được hạch toán vào các bộ phận sử dụng TSCĐ. Nếu chi phí quá lớn, ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh, kế toán chia ra và phân bổ dần vào nhiều kì (dùng TK 142 “chi phí trả trước”).

- Khi đến định kỳ sửa chữa lớn TSCĐ hoặc đã xác định được kế hoạch sửa chữa lớn TSCĐ, kế toán trích trước chi phí sửa chữa lớn dự kiến để phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kì (dùng TK 335 “chi phí phải trả” hoặc sử dụng TK 242 “chi phí trả trước dài hạn”).

1.4.5.1 Kế toán sửa chữa nhỏ TSCĐ

Sửa chữa nhỏ là loại sửa chữa có đặc điểm, mức độ hư hỏng nhẹ nên kỹ thuật sửa chữa đơn giản, công việc sửa chữa có thể do doanh nghiệp tự thực hiện, thời gian sửa chữa ngắn, chi phí sửa chữa phát sinh ít nên được hạch toán toàn bộ một lần vào chi phí sản xuất kinh doanh của đối tượng sử dụng TSCĐ

- Đối với TSCĐ sửa chữa dùng vào hoạt động sản xuất kinh doanh hàng hóa, dịch vụ không chịu thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp ghi:

Nợ TK 627, 641, 641...

Có TK 111, 112, 152, 153, 334, 331...

- Đối với TSCĐ sửa chữa dùng vào hàng hóa, dịch vụ chịu thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ ghi:

Nợ TK 627, 641, 642...

Nợ TK 133: Thuế GTGT được khấu trừ

Có TK 111, 112, 152, 153, 334, 331,...

1.4.5.2 Kế toán sửa chữa lớn TSCĐ

Sửa chữa lớn là sửa chữa có đặc điểm sau: Mức độ hư hỏng nặng nên kỹ thuật sửa chữa phức tạp, công việc sửa chữa có thể do doanh nghiệp tự thực hiện hoặc phải đi thuê ngoài, thời gian sẽ kéo dài và TSCĐ phải ngưng hoạt động, chi phí sản xuất phát sinh lớn nên không thể tính hết một lần vào chi phí của đối tượng sử dụng TSCĐ mà phải sử dụng phương pháp phân bổ thích ứng

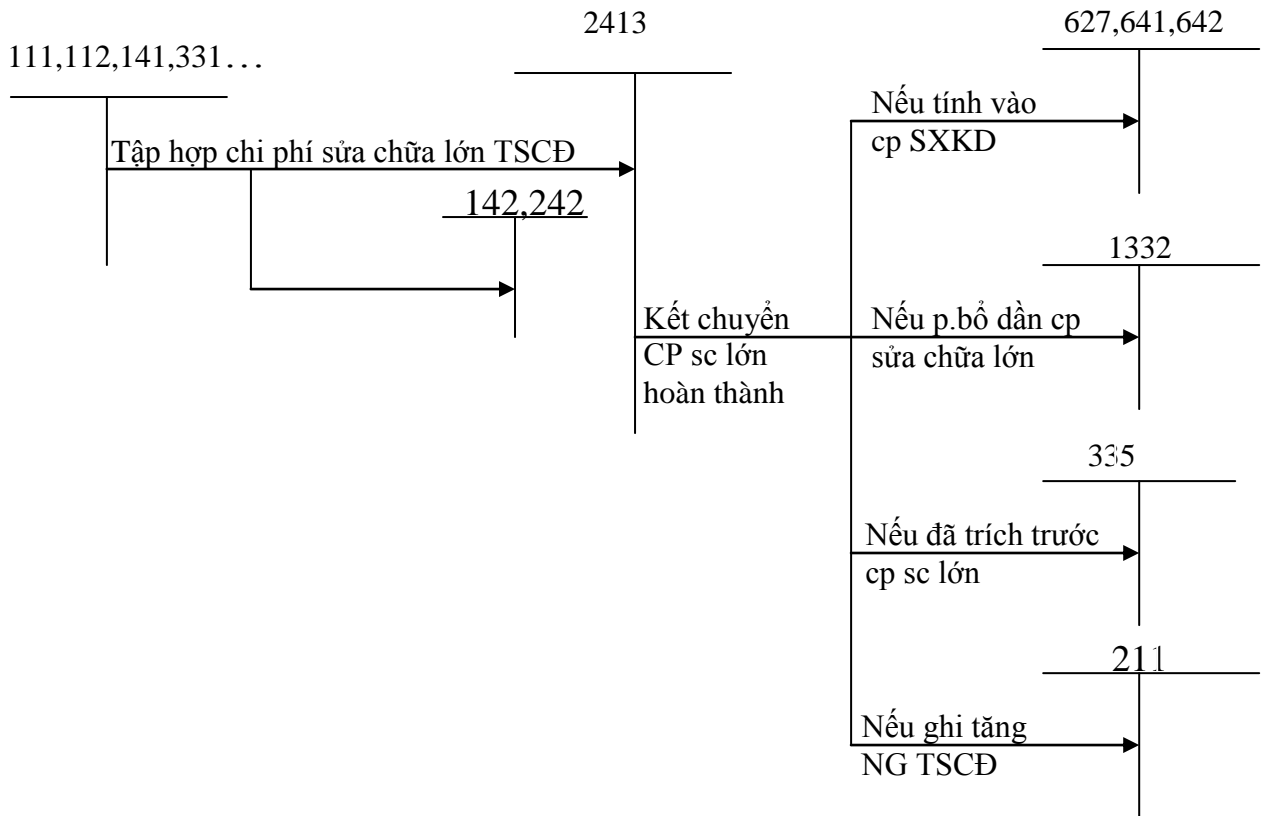
* Chứng từ kế toán sử dụng:

Chứng từ để phản ánh công việc sửa chữa lớn thành là “ biên bản giao nhận tài sản cố định sửa chữa lớn hoàn thành”. Đây là chứng từ xác nhận việc giao nhận tài sản cố định sau khi hoàn thành công việc sửa chữa lớn giữa bên có tài sản cố định và bên thực hiện việc sửa chữa.

* Tài khoản kế toán sử dụng:

Tài khoản chuyên dùng để theo dõi chi phí sửa chữa tài sản cố định, kế toán sử dụng TK 2413 – Sửa chữa lớn tài sản cố định.

Sơ đồ 12: Kế toán sửa chữa lớn TSCĐ



1.4.5.3 Kế toán nâng cấp TSCĐ

Để nâng cao tính năng, tác dụng của TSCĐ cũng như kéo dài thời gian hữu dụng của TSCĐ thì doanh nghiệp phải thực hiện việc nâng cấp TSCĐ. Chi phí nâng cấp TSCĐ được tính vào giá trị của TSCĐ.

- Khi nâng cấp TSCĐ, kế toán căn cứ vào chi phí thực tế phát sinh để tập hợp.

Nợ TK 2412 – Xây dựng cơ bản

Có TK 334, 338, 152, 111...

- Sau đó khi xác định việc nâng cấp hoàn thành, căn cứ vào chi phí thực tế được duyệt tính vào giá trị của TSCĐ để ghi tăng nguyên giá.

Nợ TK 211

Có TK 2412

- Nếu việc nâng cấp được đòi hỏi từ các quỹ chuyên dùng thì phải chuyển các quỹ này thành nguồn vốn kinh doanh.

Nợ TK 414 - Quỹ đầu tư phát triển

Nợ TK 441 - Nguồn vốn xây dựng cơ bản

Có TK 411 - Nguồn vốn kinh doanh

1.4.5.4 Kế toán tài sản cố định đi thuê

Kế toán TSCĐ đi thuê bao gồm 2 loại chính đó là: Kế toán TSCĐ thuê tài chính và kế toán TSCĐ thuê hoạt động.

1.4.5.4.1 Kế toán TSCĐ thuê tài chính

a. Nội dung kế toán TSCĐ thuê tài chính

Theo quy định, kế toán TSCĐ thuê tài chính là những TSCĐ mà doanh nghiệp đã thuê của các công ty thuê tài chính, nếu hợp đồng thỏa mãn năm điều kiện sau:

- Bên cho thuê chuyển giao quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê khi hết thời hạn thuê.

- Bên đi thuê TSCĐ có quyền lựa chọn mua lại TS thuê vào cuối thời hạn thuê với giá ước tính thấp hơn giá trị hợp lý tại ngày mua và vào ngày khởi đầu thuê tài sản, gần như chắc chắn bên đi thuê sẽ mua lại TS thuê.

- Thời gian thuê tài sản chiếm phần lớn thời gian sử dụng kinh tế của tài sản cho dù không có sự chuyển giao quyền sở hữu.

- Vào ngày khởi đầu thuê tài sản, giá trị hiện tại của tiền thuê tối thiểu ít nhất bằng giá trị hợp lý của tài sản thuê.

- Tài sản thuê thuộc loại chuyên dùng, mà chỉ có bên đi thuê có khả năng sử dụng, không cần có sự thay đổi sửa chữa lớn nào.

b. Nguyên tắc đối với TSCĐ đi thuê

- Phải ghi nhận TSCĐ thuê tài chính là tài sản nợ và nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán bằng với giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm bắt đầu thuê tài sản. Nếu giá trị hợp lý của tài sản thuê nhỏ hơn giá trị hiện tại của khoản

thanh toán tiền thuê tối thiểu của việc thuê tài sản thì ghi theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ lãi suất để tính giá hiện tại của khoản thanh toán tối thiểu cho việc thuê tài chính là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản. Trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất cơ bản đi vay của bên đi thuê tài sản để tính giá trị hiện tại của các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu.

- Các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến hoạt động thuê tài chính như: chi phí đàm phán, ký kết hợp đồng,... được ghi nhận như một phần giá trị của tài sản đi thuê.

- Tiền thuê tài sản phải được chia ra thành chi phí tài chính và khoản nợ gốc. Trong đó chi phí tài chính phải được phân bổ cho từng kỳ kế toán trong suốt thời hạn thuê theo tỷ lệ lãi suất cố định cho số dư nợ còn lại cho mỗi kỳ kế toán.

- Tài sản cố định thuê tài chính cũng được tính khấu hao giống như các tài khoản cùng loại thuộc sở hữu của doanh nghiệp đi thuê. Trong trường hợp không chắc chắn, bên đi thuê sẽ có quyền sở hữu khi ký kết hợp đồng thuê tài sản, tài sản sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian sử dụng hữu ích của tài sản đó.

c. Tài khoản sử dụng

Tài khoản 212 – TSCĐ thuê tài chính : tài khoản này dùng để phản ánh giá trị hiện có và tình hình biến động tăng, giảm của toàn bộ TSCĐ thuê tài chính của doanh nghiệp.

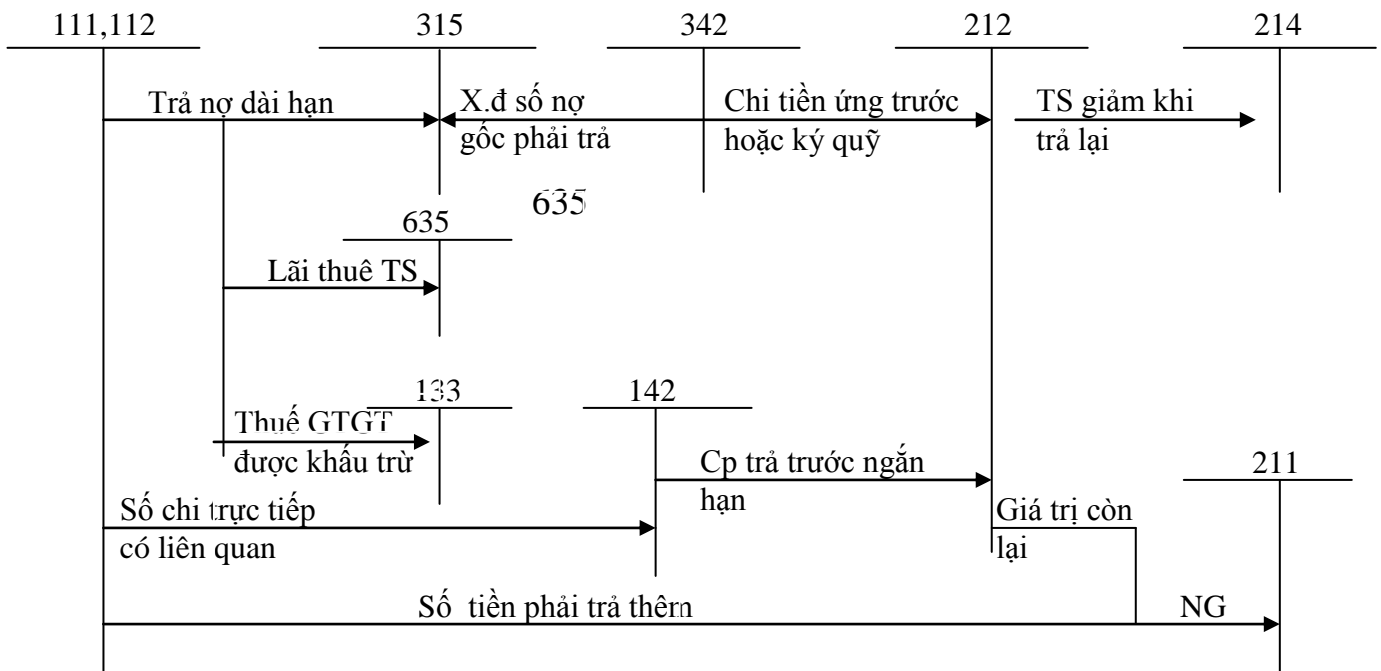
Kết cấu TK 212:

Bên nợ : Nguyên giá của TSCĐ thuê tài chính tăng.

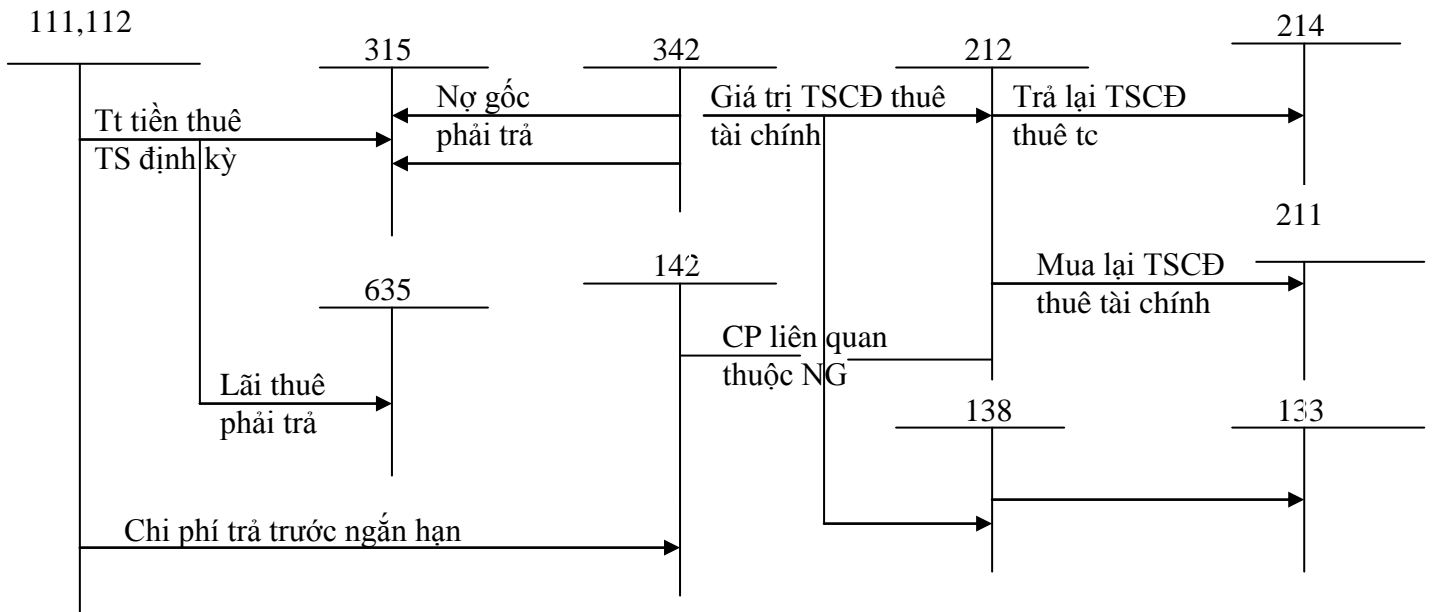
Bên có : Nguyên giá của TSCĐ thuê tài chính giảm do chuyển nhượng lại cho bên cho thuê khi hết hạn hợp đồng hoặc mua lại thành TSCĐ của doanh nghiệp.

Số dư bên nợ : Nguyên giá của TSCĐ thuê tài chính hiện có

Sơ đồ 13 Nợ gốc chưa có thuế giá trị gia tăng



Sơ đồ 14 Nợ gốc có thuế giá trị gia tăng



1.4.5.4.2 Kế toán tài sản cố định thuê hoạt động

Tài sản cố định thuê hoạt động là những TSCĐ mà doanh nghiệp đã đi thuê ở các doanh nghiệp nhưng hợp đồng thuê tài sản không thỏa mãn các điều kiện để được coi là thuê tài chính.

Theo quy định của chế độ kế toán doanh nghiệp, TSCĐ thuê hoạt động không thuộc quyền sở hữu của bên đi thuê, cho nên giá trị của TSCĐ thuê hoạt động không được coi là tài sản doanh nghiệp, không được ghi trên bảng cân đối kế toán, mà chỉ được theo dõi trên tài khoản ngoài bảng TK 001 “ TS thuê ngoài”. Khi thuê TSCĐ hoạt động, bên đi thuê chỉ hạch toán tiền thuê tài sản trả cho bên cho thuê theo đúng hợp đồng quy định để tính vào chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh theo đúng đối tượng phải chịu chi phí và đảm bảo yêu cầu của nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

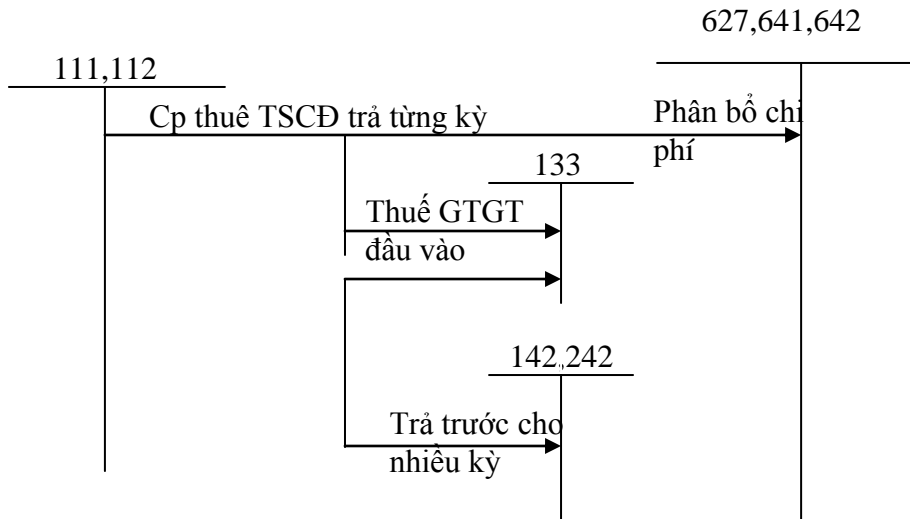
Đối với bên cho thuê, TSCĐ thuê hoạt động vẫn thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp, cho nên TSCĐ thuê hoạt động được trình bày trên bảng cân đối kế toán theo cách phân loại TS của doanh nghiệp.

Doanh thu từ hoạt động cho thuê TSCĐ của doanh nghiệp được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê tài sản, cho dù các khoản thực thu không theo phương pháp đó.

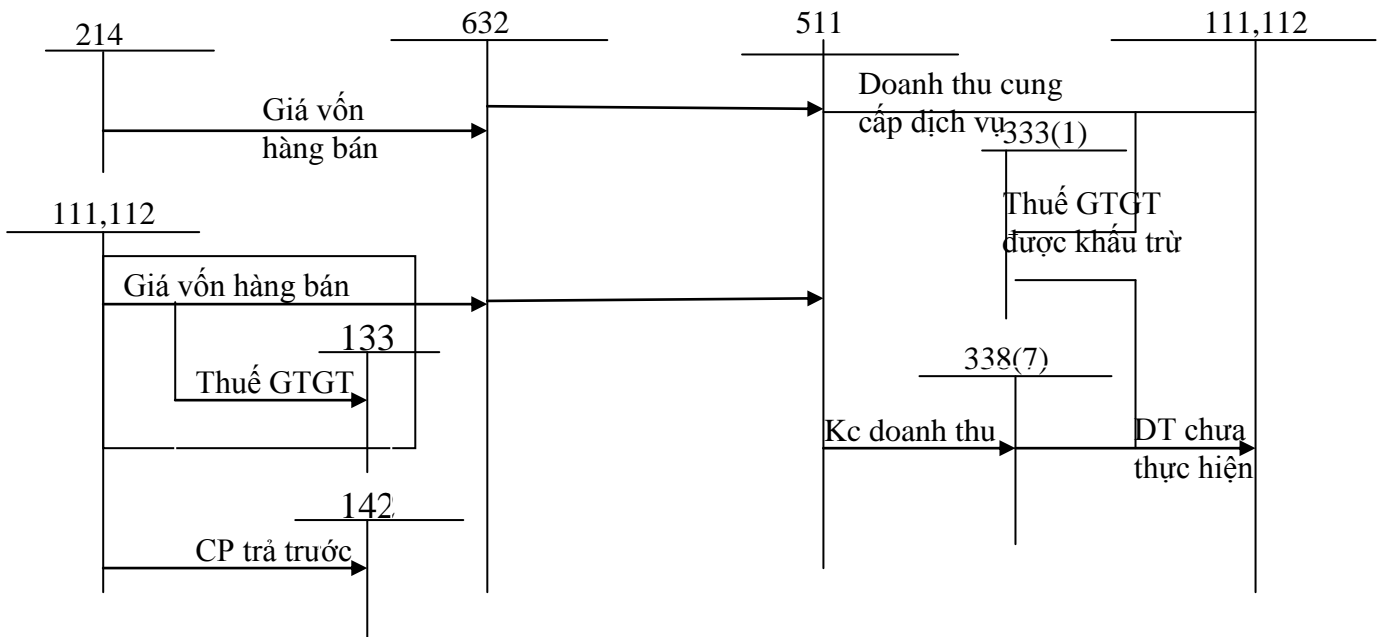
Khấu hao TSCĐ cho thuê hoạt động ghi nhận chi phí trong kỳ. Các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu có liên quan đến nghiệp vụ cho thuê hoạt động được ghi nhận chi phí hoạt động trong kỳ khi phát sinh hoặc được phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời gian cho thuê phù hợp với việc ghi nhận doanh thu cho thuê TSCĐ.

Sơ đồ 15

Trường hợp doanh nghiệp đi thuế chịu thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ



Trường hợp 2: Ở doanh nghiệp cho thuê chịu thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ



1.4.6 Các hình thức sổ kế toán

1.4.6.1. Hình thức kế toán Nhật ký chung

◆ Đặc trưng cơ bản: Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ Nhật ký, mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký để ghi Sổ Cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

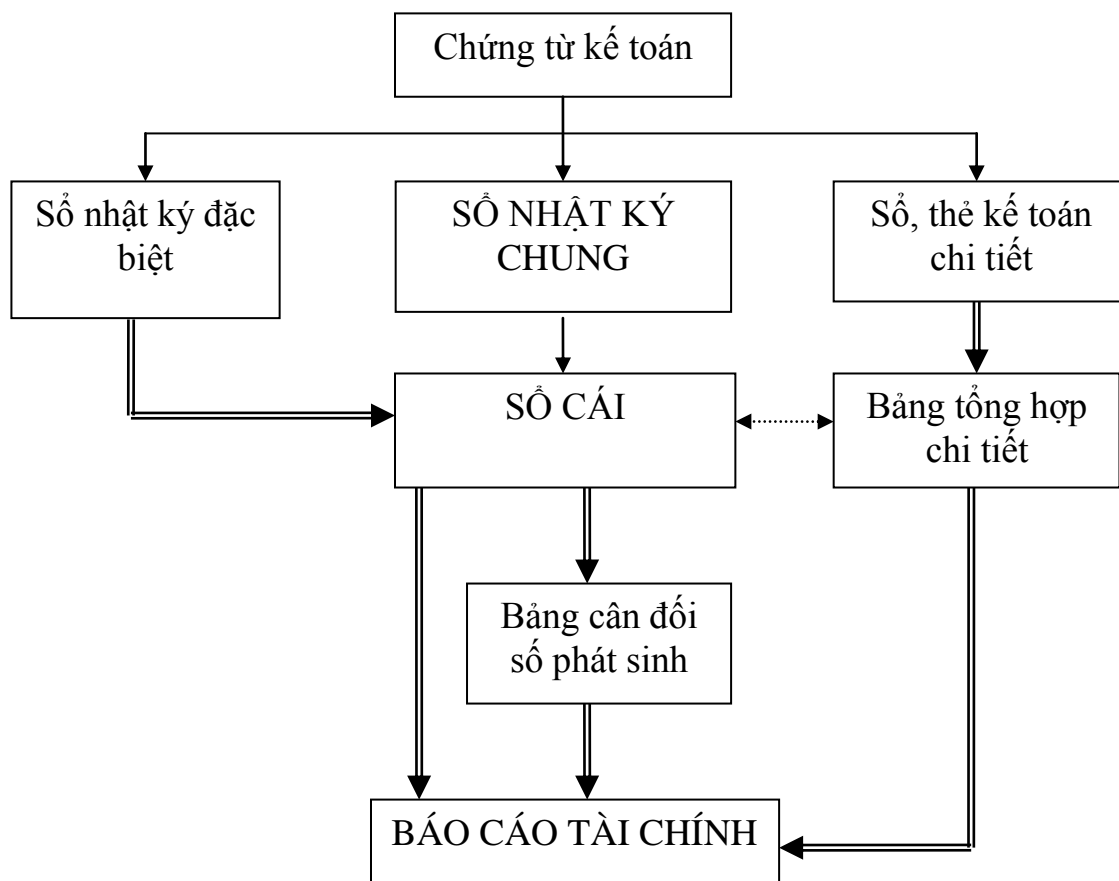
◆ Các loại sổ:

+ Sổ Nhật ký chung

+ Sổ Cái

+ Các sổ, thẻ kế toán chi tiết

TRÌNH TỰ KẾ TOÁN THEO HÌNH THỨC KẾ TOÁN NHẬT KÝ CHUNG



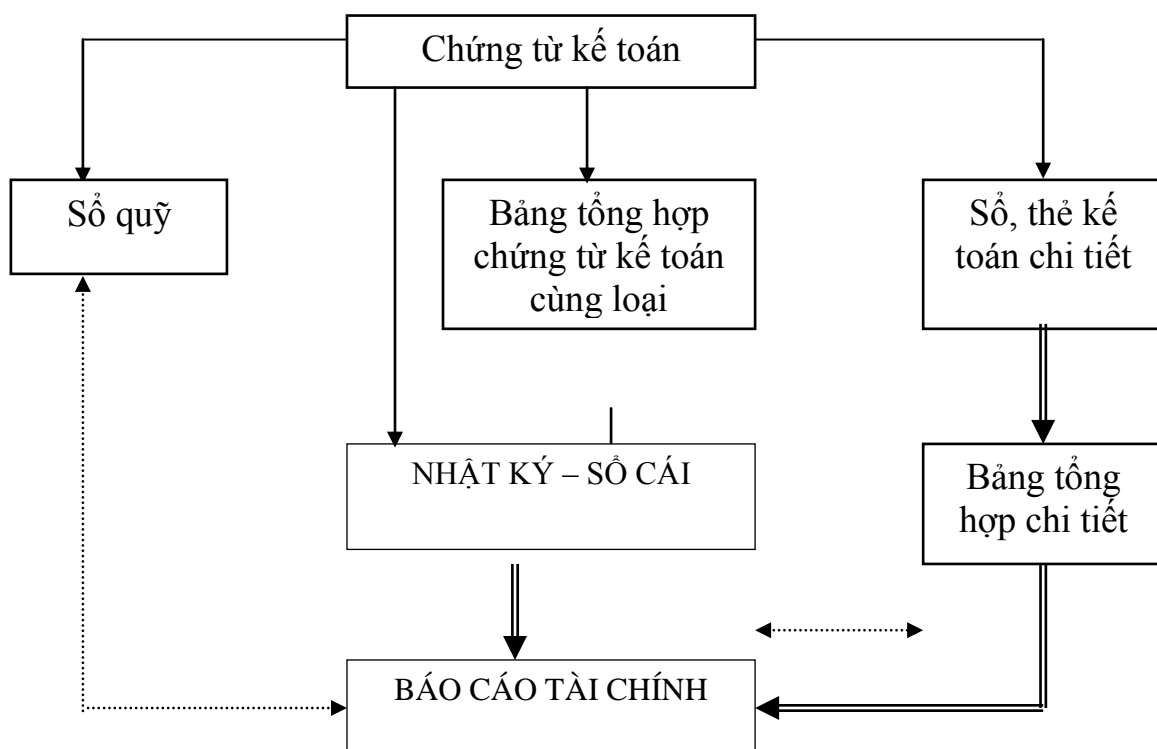
- Ghi hàng ngày →
- Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ ==>
- Quan hệ đối chiếu, kiểm tra <-.->

1.4.6.2 Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái

◆ Đặc trưng cơ bản: Các nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh được kết hợp ghi chép theo trình tự thời gian và theo nội dung kinh tế trên cùng một quyển kế toán tổng hợp duy nhất là sổ Nhật ký - Sổ cái. Căn cứ để ghi vào sổ Nhật ký – Sổ cái là các chứng từ kế toán hoặc bảng chứng từ kế toán cùng loại.

- ◆ Các loại sổ:
 - + Sổ Nhật ký – sổ cái
 - + Các sổ, thẻ kế toán chi tiết

TRÌNH TỰ KẾ TOÁN THEO HÌNH THỨC KẾ TOÁN NHẬT KÝ - SỔ CÁI



Ghi hàng ngày \longrightarrow

Ghi cuối tháng \Longrightarrow

Đối chiếu, kiểm tra \longleftrightarrow

1.4.6.3 Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ

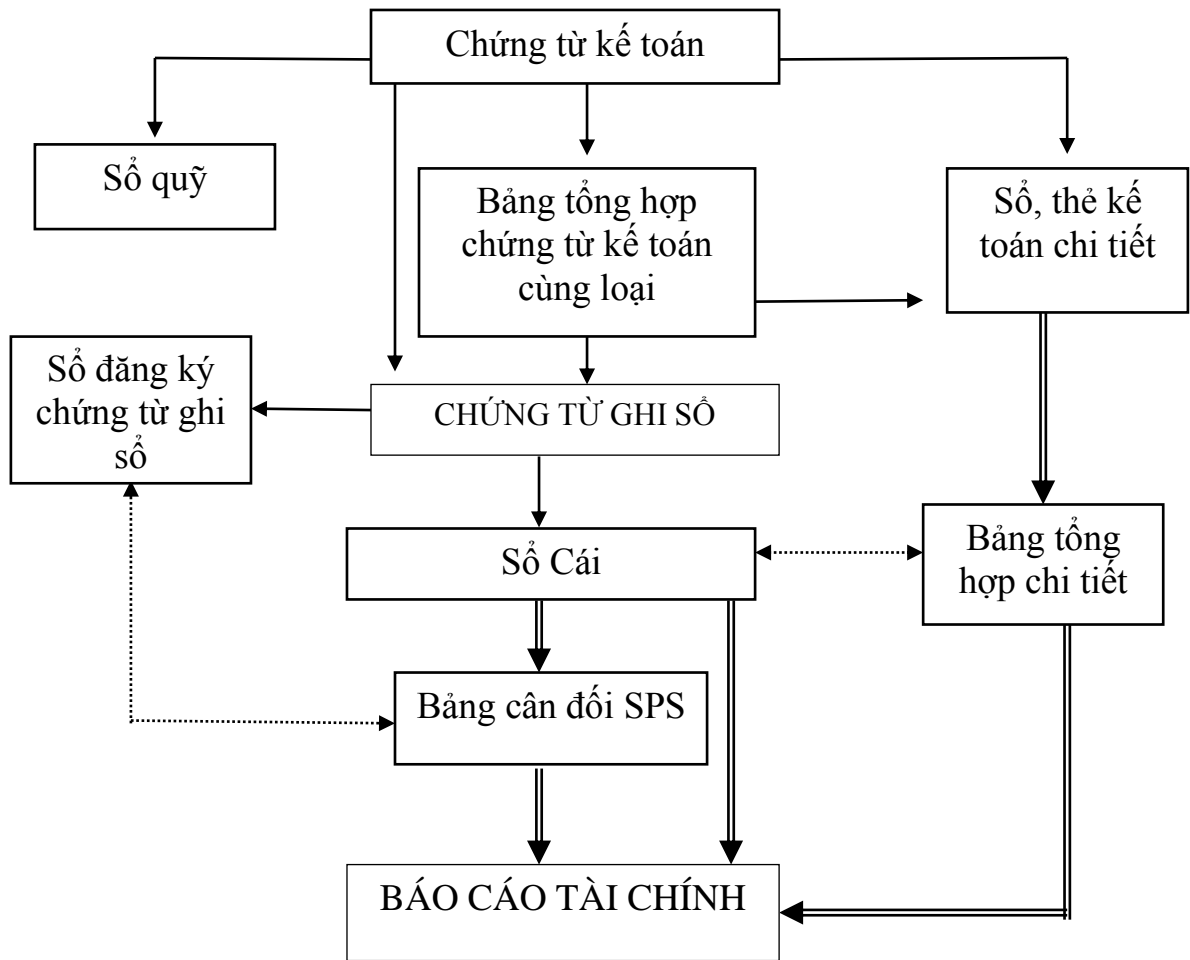
◆ Đặc trưng cơ bản: Căn cứ trực tiếp để ghi sổ kế toán tổng hợp là “Chứng từ ghi sổ”. Ghi sổ kế toán tổng hợp:

- Ghi theo trình tự thời gian trên sổ đăng ký chứng từ ghi sổ.
- Ghi theo nội dung trên sổ cái.

Chứng từ ghi sổ do kế toán lập trên cơ sở từng chứng từ kế toán hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại, có cùng nội dung kinh tế. Chứng từ ghi sổ được đánh số hiệu liên tục trong từng tháng hoặc cả năm (theo số thứ tự trong sổ đăng ký chứng từ ghi sổ) và có chứng từ kế toán đính kèm, phải được kế toán trưởng ký trước khi ghi sổ kế toán.

- ◆ Các loại sổ:
 - + Chứng từ ghi sổ
 - + Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ
 - + Sổ cái
 - + Các sổ, thẻ kế toán chi tiết

TRÌNH TỰ KẾ TOÁN THEO HÌNH THỨC KẾ TOÁN CHỨNG TỪ GHI SỔ



Ghi hàng ngày →

Ghi cuối tháng ==>

Đối chiếu, kiểm tra <-.->

1.4.6.4 Hình thức kế toán Nhật ký chứng từ

◆ Đặc trưng cơ bản: Tập hợp và hệ thống hoá các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo bên Có của các tài khoản kết hợp với việc phân tích các nghiệp vụ kinh tế đó theo các tài khoản đối ứng Nợ.

- Kết hợp chặt chẽ việc ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo trình tự thời gian với việc hệ thống hoá các nghiệp vụ theo nội dung kinh tế (theo định khoản).

- Kết hợp rộng rãi việc hạch toán tổng hợp với việc hạch toán chi tiết trên cùng một sổ kế toán và trong cùng một quy trình ghi chép.

- Sử dụng các mẫu sổ ghi sẵn các quan hệ đứng tài khoản, chỉ tiêu quản lý kinh tế, tài chính và lập báo cáo tài chính.

◆ Các loại sổ:

+ Nhật ký chứng từ

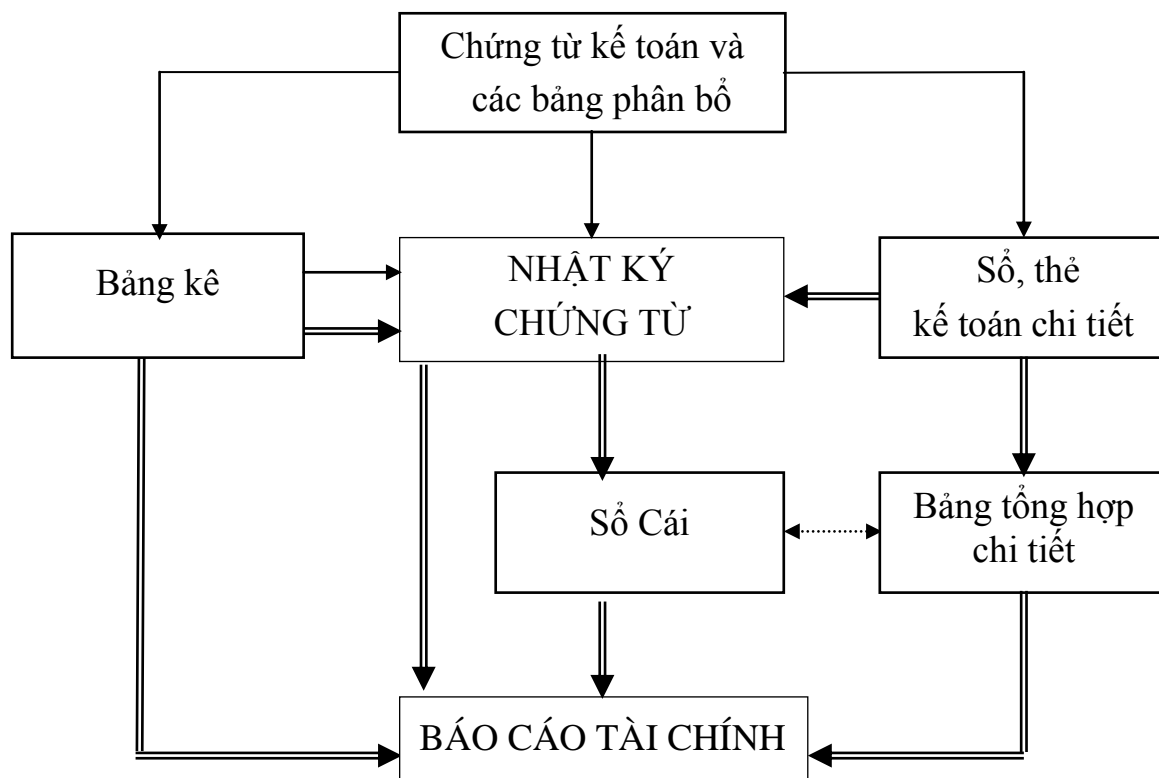
+ Bảng kê

+ Sổ cái

+ Các sổ, thẻ kế toán chi tiết

TRÌNH TỰ KẾ TOÁN THEO HÌNH THỨC KẾ TOÁN

NHẬT KÝ - CHỨNG TỪ



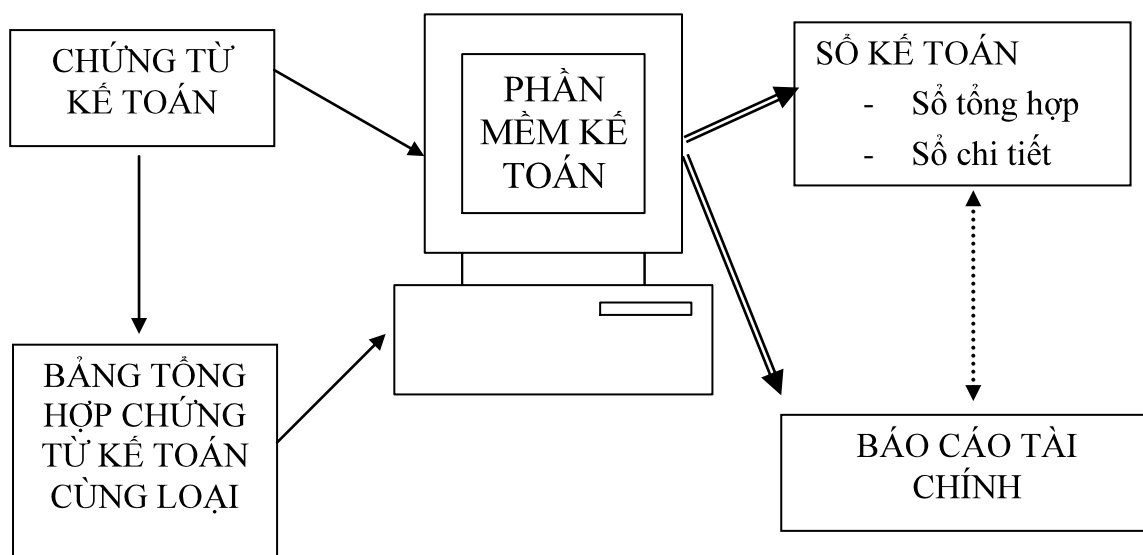
- Ghi hàng ngày \longrightarrow
- Ghi cuối tháng \Longrightarrow
- Đối chiếu, kiểm tra \longleftrightarrow

1.4.6.5 Hình thức kế toán trên máy vi tính

◆ Đặc trưng cơ bản: hình thức kế toán trên máy vi tính là công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định trên đây. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán, nhưng phải in được đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy định.

◆ Các loại sổ: Phần mềm kế toán được thiết kế theo hình thức kế toán nào sẽ có các loại sổ của hình thức kế toán đó nhưng không hoàn toàn giống mẫu sổ kế toán ghi bằng tay.

TRÌNH TỰ KẾ TOÁN THEO HÌNH THỨC KẾ TOÁN TRÊN MÁY VI TÍNH



- Nhập số liệu hàng ngày →
- In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm ⇒
- Quan hệ đối chiếu, kiểm tra ↔

Chương II : Thực trạng kế toán Tài sản cố định tại Công ty Cổ phần Thép Việt Nhật

2.1. Giới thiệu chung về Công ty Cổ phần Thép Việt Nhật

2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của công ty

2.1.1.1 Quá trình hình thành và phát triển của Công ty Cổ phần Thép Việt Nhật

Công ty Cổ Phần Thép Việt Nhật, tên giao dịch quốc tế là VIETNAM-JAPAN STEEL CORPORATION, được thành lập theo giấy phép thành lập doanh nghiệp số 000668 GP/TLDN-03 ngày 27/11/1998 của UBND tỉnh Hải Phòng.

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 055556 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp ngày 08/12/1998. Công ty Cổ phần thép Việt Nhật là công ty cổ phần, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp và các quy định hiện hành khác của nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Công ty có trụ sở chính được đặt địa điểm tại km số 09, khu Vật Cách, phường Quán Toan, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

- ◆ Điện thoại: 031.3749998 Fax: 031.3749051
- ◆ Email: hps@hn.vnn.vn
- ◆ Website: www.VijaGroup.com.vn; www.ThepVietNhat.com.vn

Công ty có tư cách pháp nhân và chịu trách nhiệm về toàn bộ hoạt động kinh doanh. Công ty được sử dụng con dấu riêng và mở tài khoản riêng tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam, Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam. Công ty tự chịu trách nhiệm về kết quả kinh doanh bảo toàn và phát triển vốn theo quy định của nhà nước. Công ty thực hiện chức năng kinh doanh theo điều lệ pháp luật Việt Nam và thông lệ quốc tế hiện hành.

Trải qua hơn 10 năm trưởng thành và phát triển, hiện nay công ty đã khẳng định được vị trí của mình trên thị trường và không ngừng mở rộng quy mô và lĩnh vực hoạt động. Công ty đã sử dụng và khai thác các nguồn lực về vốn, lao động, tài sản có hiệu quả. Đồng thời công ty cũng mở rộng quan hệ với các đơn vị bạn, các tổ chức kinh tế trong nước và đã tạo được lòng tin đối với khách hàng. Bên cạnh đó công ty không ngừng hoàn thiện và nâng cao chất lượng, số lượng đội ngũ công nhân viên, phương tiện, trang bị kỹ thuật phục vụ sản xuất và kết quả đạt được là lợi nhuận của công ty không ngừng tăng lên hàng năm, điều đó đã đảm bảo đời sống cho cán bộ công nhân viên trong công ty và giúp công ty phục vụ tái sản xuất. Kể từ ngày thành lập và đi vào hoạt động sản xuất đến nay, Công ty đã không ngừng phát triển, cải tiến dây chuyền công nghệ và từng bước khẳng định vị thế của mình trên thị trường.

Cụ thể từng giai đoạn phát triển của doanh nghiệp như sau:

❖ Công ty Cổ phần Thép Việt tiền thân là Công ty Cổ phần Thương mại Thép Hải Phòng được thành lập theo giấy phép số 055556 ngày 08 tháng 12 năm 1998 với vốn điều lệ ban đầu là 10 tỷ đồng.

❖ Ngày 30 tháng 07 năm 2002 Công ty Cổ phần Thương mại Thép Hải Phòng được đổi tên thành Công ty CP thép HPS – tên giao dịch HPS STEEL CORPORATION. Vốn điều lệ được tăng lên 30 tỷ đồng.

❖ Ngày 19 tháng 11 năm 2004 Công ty Cổ phần thép HPS được đổi tên thành công ty Cổ phần thép Việt Nhật và mang tên giao dịch VIET NAM – JAPAN STEEL CORPORATION.

❖ Ngày 05 tháng 04 năm 2006 Đại Hội Đồng Cổ Đông đã thống nhất tăng vốn điều lệ lên 60 tỷ đồng.

❖ Ngày 21 tháng 05 năm 2007 Đại Hội Đồng Cổ Đông đã thống nhất tăng vốn điều lệ lên 302 tỷ đồng.

❖ Năm 2007 Ông Nguyễn Văn Bình – Chủ tịch HĐQT kiêm TGĐ Công ty Cổ phần Thép Việt Nhật đã sáng lập ra Tập đoàn Thép Việt Nhật –

VIJAGROUP tạo một sức mạnh tập thể trước thềm hội nhập WTO của Việt Nam. Tập đoàn Thép Việt Nhật bao gồm các thành viên:

- Công ty Cổ phần Thép Việt Nhật
- Công ty Xuất Nhập Khẩu Việt Nhật.
- Công ty Công Nghệ Tự Động Việt Nhật.
- Công ty cổ phần Thép và Cơ khí VLXD Hải Phòng.
- Công ty TNHH Thương Mại Hải Nguyên.
- Nhà máy Đóng tàu Đông Á.

2.1.1.2 Một số thành tựu mà Công ty đã đạt được

Các đối tượng sở hữu trí tuệ Công ty đã đăng ký

✚ Thương hiệu được đăng ký trên sản phẩm: Thép Việt Nhật, HPS, Tập đoàn Việt Nhật, Việt Nam – Japan Steel, VijaGroup.

✚ Thương hiệu tên miền quốc tế: hps.com.vn; hps.vn; ThépVietNhat.com.vn; ThépVietNhat.vn TapdoanVietNhat.com.vn; VijaGroup.com.vn.

✚ Biểu tượng HPS được dập nổi trên từng thanh thép và được Đăng ký bảo hộ độc quyền SHTT.



Áp dụng các khoa học kỹ thuật kinh doanh tiên tiến trong mô hình sản xuất kinh doanh

✚ ISO 14001: 1996 được chứng nhận bởi tổ chức TUV Cộng Hoà Liên Bang Đức năm 2003

✚ ISO 9001: 2000 được chứng nhận bởi tổ chức TUV Cộng Hoà Liên Bang Đức năm 2003

✚ ISO 14001: 2004 được chứng nhận bởi tổ chức NQA Vương Quốc Anh năm 2007

✚ ISO 9001: 2004 được chứng nhận bởi tổ chức NQA Vương Quốc Anh năm 2007

✚ ISO 14001: 2004 được chứng nhận bởi tổ chức NQA Vương Quốc Anh năm 2010

✚ ISO 9001: 2008 được chứng nhận bởi tổ chức NQA Vương Quốc Anh năm 20010

✚ VLAS 156 ISO/IEC 17025:2005 được chứng nhận bởi Tổng cục đo lường chất lượng.

Một số thành tích mà Công ty Cổ phần Thép Việt Nhật đã đạt được:

- ♣ Một trong mười doanh nghiệp tiêu biểu của Thành phố Hải Phòng.
- ♣ Giải thưởng Sao Vàng đất Việt.
- ♣ Giải thưởng Môi trường do Bộ Tài Nguyên Môi trường trao tặng.
- ♣ Cờ thi đua “*Đơn vị dẫn đầu phong trào thi đua năm 2005*” do Thủ tướng chính phủ tặng.
- ♣ Chủ tịch nước cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam tặng huân chương lao động hạng 3 cho tập thể CBNV Công ty Cổ phần Thép Việt Nhật.
- ♣ *Một số kết quả hoạt động kinh doanh đạt được trong 3 năm gần đây: (ĐVT: Đồng)*

Biểu 2.1 Một số kết quả hoạt động kinh doanh đạt được trong 3 năm gần đây

Chỉ tiêu	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2010
Doanh thu thuần	643.403.603.403	1.142.096.710.145	1.145.261.249.221
Lợi nhuận trước thuế	22.472.831.800	11.562.401.342	24.900.348.781
Thuế TNDN	5.618.207.950	2.890.600.335	6.225.087.195
Lợi nhuận sau thuế	16.854.623.850	8.671.801.005	18.675.261.586

(Nguồn Hành chính – Tổng hợp)

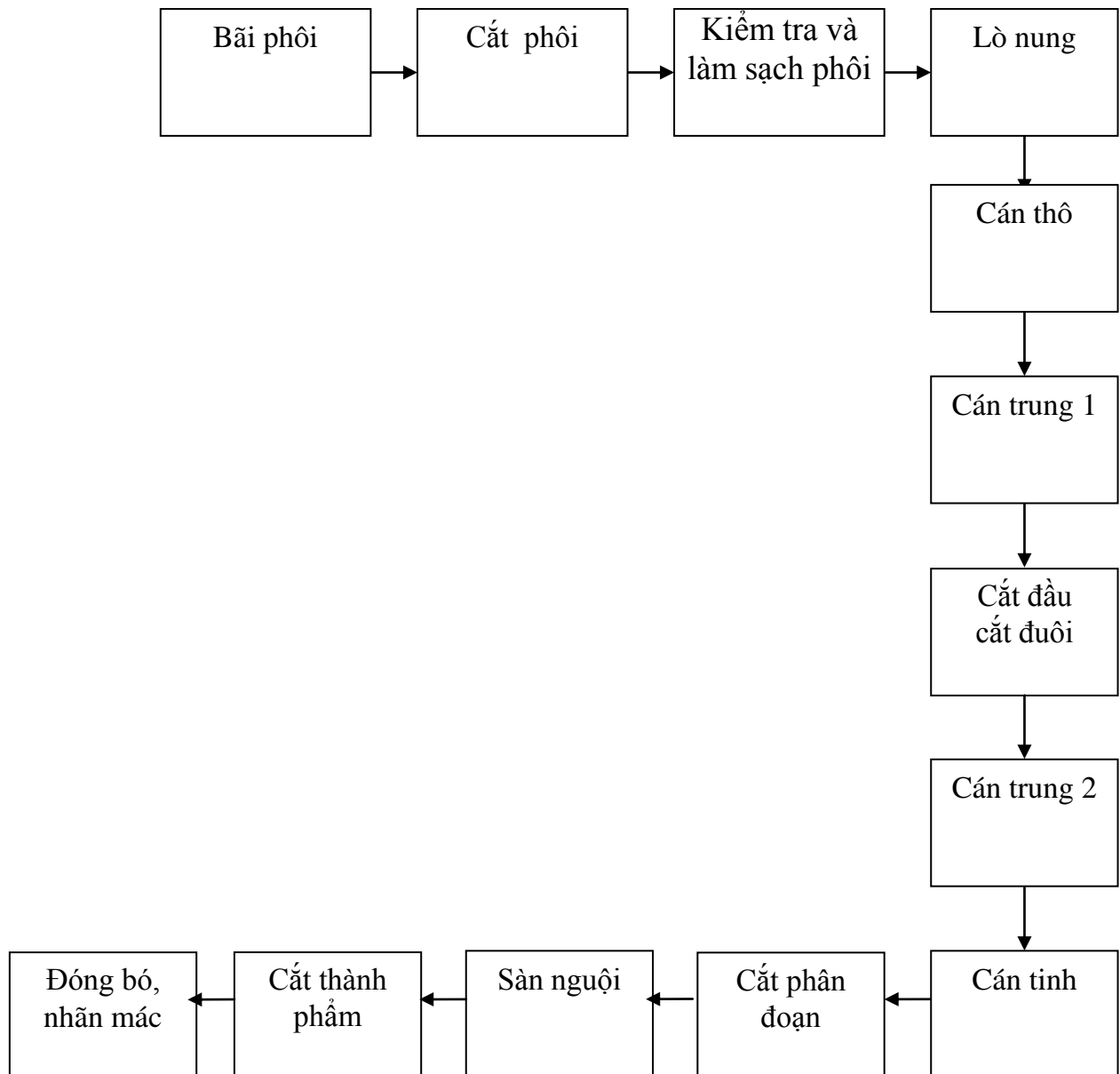
Qua bảng trên ta thấy lợi nhuận của Công ty sau 3 năm đã ngày càng tăng, việc kinh doanh của Công ty hoạt động ngày càng có hiệu quả.

Các công trình trọng điểm sản có sự góp mặt của Sản phẩm thép Việt Nhật

- Sản phẩm của Công ty đã được người dùng và các chủ đầu tư, dự án tín nhiệm. Đặc biệt đã tham gia vào các công trình lớn, trọng điểm của cả nước như Cầu Thanh Trì, Cầu Vĩnh Tuy, Cầu Bính, Cầu Bãi Cháy, Cảng Đình Vũ, Cảng Cái Lân, Thủy điện Sơn La, Nhiệt điện Na Dương, Sân Vận động Chi Lăng, Hàm Đèo Hải Vân, Trung tâm Hội chợ Triển Lãm Hải Phòng, Đường Hồ Chí Minh, Khu Đô thị Nam Trung Yên, Khu Đô thị Trung Hoà Nhân Chính .v.v.

Tất cả các công trình tham gia đều được đánh giá chất lượng Thép đạt tiêu chuẩn và yêu cầu và trong quá trình xây dựng cũng như Bảo Hành của Công Sản phẩm của công ty luôn đạt được những yêu cầu đề ra.

2.1.2 Quy trình công nghệ sản xuất sản phẩm



Hệ thống công nghệ sản xuất thép của nhà máy cán thép gồm :

a. Chuẩn bị phôi:

- Phôi dùng cho cán 120*120*6m

Phôi được cắt theo đoạn tùy theo yêu cầu công nghệ cán các sản phẩm.

- Công nhân tổ phôi có trách nhiệm chuẩn bị phôi cho quá trình sản xuất.

Đối với hồ sơ lô sản phẩm, sau khi ghép xong phải chuyển sang tổ lò nung để ghi phần tiếp theo vào hồ sơ.

b. Nung thép:

- Công nhân lò nung nhận phôi do tổ cắt phôi cung cấp , tiến hành nạp liệu, vận hành lò cung cấp cho cán kịp thời , đầy đủ phôi cán, nhiệt độ từ 1150 ÷ 1200°C.

c. Tại máy cán thô ϕ 480:

- Tại máy cán thô phôi có kích thước 120*120 thực hiện 7 lần cán .
- Hệ lè 1,3,5,7 ăn qua trục trên.
- Vật cán sau khi đi qua K7 phải đạt được kích thước theo thiết kế tiết diện cân đối, không bị Bavaria, vặn xoắn, cong vênh, phải đạt nhiệt độ $\geq 1100^{\circ}\text{C}$.
- Công nhân lái máy trên đài số 3 phải thao tác nhịp nhàng đảm bảo quá trình cán ổn định, an toàn.
- Thực hiện đúng hướng dẫn vận hành.
- Việc thay trục cán, cán thử sản phẩm cũng như trong quá trình cán bình thường người công nhân công nghệ phải thực hiện đầy đủ các hướng dẫn có liên quan.

d. Máy cán trung (M2)

- Tại máy cán trung M2, ϕ 430*2 tiến hành 2 lần cán thẳng . Vật cán đi qua K10,K11, kích thước sản phẩm phải điều chỉnh đúng theo thiết kế vật cán, không được cong vênh, vặn xoắn, Ba via.

e. Máy cắt bay (máy cắt đầu)

Máy cắt đầu làm việc ở chế độ tự động có nhiệm vụ cắt bỏ các khuyết tật ở đầu thanh thép khi cán qua K11.

f. Máy cắt đuôi:

Cắt đuôi sản phẩm nhằm loại bỏ hết các khuyết tật ở đuôi sản phẩm.

g. Máy cán bán tinh M4,M5,M6-Máy cán tinh M7,M8,M9,M10.

- Trên đường cán liên tục từ cụm máy cán M4 ÷ M10.
- Công nhân thao tác tại các máy phải luôn quan tâm đến kích thước vật cán tại các giá máy cán , bảo đảm theo yêu cầu thiết kế để quá trình cán được ổn định và sản phẩm có kích thước , chất lượng đúng theo yêu cầu.

- Công nhân điều chỉnh phải thường xuyên (10 ÷ 15'). Kiểm tra kích thước sản phẩm trao đổi nhân viên KCS trực tiếp theo dõi sản phẩm để kịp thời điều chỉnh , khắc phục các khuyết tật của sản phẩm.

- Khi gặp sự cố thép bật khỏi đường cán (không ăn vào lỗ hình) phải nhanh chóng khắc phục để cán hết các thoi thép đang nằm trên giá cán thô . Sau đó cần thiết mới dừng cán để sửa chữa cho chắc chắn .

- Công nhân điều chỉnh thường xuyên liên hệ với công nhân điều khiển trên đài điều khiển để xác định các thông số tốc độ (đặc biệt là các trường hợp sự cố để tìm nguyên nhân đưa biện pháp khắc phục cho phù hợp). Các trường hợp xảy ra sự cố phải chủ động phòng tránh xử lý đảm bảo an toàn tuyệt đối cho người và thiết bị , thu dọn gọn, sạch sẽ các sản phẩm về nơi tập kết.

h. Máy cắt đĩa (Máy cắt chia)

- Máy cắt đĩa ở vị trí cắt phân đoạn sản phẩm từ D10 – D32.

- Máy cắt đĩa làm việc ở chế độ tự động , nó được cài đặt chiều dài của đoạn cắt là bội số chiều dài thành phẩm đóng bó và số lần cắt đủ để cắt hết chiều dài sản phẩm cán.

- Không cắt những thanh thép bị kẹt đã dừng lại và những thanh thép nguội nhiệt độ dưới 800°C.

- Tốc độ cắt phải nhanh hơn tốc độ cán $5 \div 10\%$

i. Máy đẩy tiếp

- Máy đẩy tiếp đẩy sản phẩm lên các máng kín trên tường đứng sàn nguội khi máy cắt đĩa đã chia đoạn. Công nhân vận hành phối hợp cùng công nhân sửa chữa cơ điện, công nhân sàn nguội trong lúc giải quyết sự cố thiết bị cũng như sự cố công nghệ.

j. Sàn nguội

Thép qua máy đẩy tiếp, lên các máng ở tường đứng sàn nguội, hệ thống phanh, hệ thống đóng mở máng làm việc ở chế độ tự động, rồi thép xuống sàn làm nguội cố định, lần lượt, hệ thống thanh răng động mang thép đi với bước chuyển 50mm qua hết chiều ngang của sàn.

k. Máy cắt nguội 600T

Máy cắt nguội 600T dùng để cắt sản phẩm theo các chiều dài đã được khách hàng đặt trước.

l. Đóng bó, cân nhập kho

Sau cắt nguội, thép thành phẩm được con lăn sàn nguội chuyển đến vị trí, thiết bị chuyển tới hồ gom, để đóng bó, công việc bó buộc xong sản phẩm chuyển sang cân xác định trọng lượng.

2.1.3 Đặc điểm về tổ chức quản lý và tổ chức kinh doanh của công ty

2.1.3.1 Tổ chức quản lý của công ty

Là một doanh nghiệp liên doanh sản xuất và cung cấp sản phẩm thép với các chủng loại, kích cỡ khác nhau cho ngành xây dựng lại vừa sản xuất vừa kinh doanh do đó công tác quản lý hết sức được coi trọng. Có thể nói, chất lượng công tác quản lý ảnh hưởng trực tiếp đến sự tồn tại và phát triển của công ty. Hiện nay, bộ máy quản lý của công ty gồm 50 người và toàn hệ thống tập đoàn là hơn 100 người được tổ chức theo mô hình trực tuyến chức năng.

▪ **Hội đồng quản trị**

- ❖ Ông Nguyễn Văn Bình (Chủ tịch HĐQT kiêm TGD)
- ❖ Ông Nguyễn Văn Nhất (Phó Tổng Giám đốc)
- ❖ Công ty TNHH Thương Mại Hải Nguyên do Bà Lê Thị Anh Đào làm đại diện.
- ❖ Công ty Cổ Phần Công nghệ Việt Nhật do Ông Đặng Việt Bách làm đại diện.
- ❖ Ông Kiều Hữu Trung

HĐQT là cơ quan quản lý cao nhất có quyền quyết định mọi vấn đề liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty như phê chuẩn ngân sách kế hoạch tài chính, kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh, phê duyệt báo cáo tài chính, bổ sung, sửa đổi điều lệ của công ty, quyết định thành lập, giải thể các chi nhánh, văn phòng đại diện của công ty.

▪ **Ban giám đốc**

Tổng giám đốc: Là người đại diện về mặt pháp lý của công ty trước Pháp luật và cơ quan Nhà nước. Tổng giám đốc được Hội đồng quản trị uỷ quyền quản lý và chịu mọi trách nhiệm về tất cả mọi hoạt động của công ty.

Phó tổng giám đốc: là người giúp việc cho Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc thứ nhất phụ trách về tài chính. Phó tổng giám đốc phụ trách về kỹ thuật sản xuất.

▪ **Các bộ phận phòng ban trong công tác hành chính.**

Hiện nay, bộ máy quản lý của công ty gồm 4 bộ phận thực hiện những nhiệm vụ riêng đồng thời có quan hệ mật thiết với nhau trong quy trình quản lý. Đúng đầu mỗi bộ phận là một giám đốc bộ phận. Các giám đốc bộ phận nhận lệnh từ Tổng giám đốc lên kế hoạch cụ thể, đệ trình Tổng giám đốc xét duyệt, từ đó triển khai, giám sát chặt chẽ các hoạt động trong phòng ban của mình, chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc về công việc được giao.

✓ *Bộ phận Kinh doanh:*

- Là bộ phận tham mưu chính cho Ban lãnh đạo về hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Bộ phận có nhiệm vụ tìm hiểu chung về nhu cầu thị trường, thu thập kịp thời những thông tin liên quan đến hoạt động kinh doanh của công ty trên cơ sở đó tổng hợp, phân tích những dữ liệu thông tin cần thiết cho việc biên lập và quản lý kế hoạch sản xuất và tiêu thụ sản phẩm, phối hợp với bộ phận Marketing xúc tiến việc bán hàng. Cân đối kế hoạch nhập khẩu nguyên nhiên vật liệu, phụ tùng bị kiện phục vụ cho sản xuất.

✓ *Bộ phận Kế toán tài chính:*

- Trợ giúp cho lãnh đạo công ty công tác quản lý, sử dụng vốn và nguồn vốn để đạt được hiệu quả đề ra, phù hợp với chủ trương, chính sách quy định của nhà nước.

- Tổ chức tốt công tác thu thập, xử lý các thông tin có liên quan đến nghiệp vụ kinh tế – tài chính phát sinh của công ty.

- Lên kế hoạch tài chính cho từng tuần, tháng, năm, quý.

- Báo cáo các thông tin kế toán tài chính cho lãnh đạo công ty và các cơ quan quản lý chức năng.

- Kế toán kho hàng

✓ *Bộ phận Nhân sự - Hành chính:*

- Tham mưu và lập kế hoạch, quy trình tuyển dụng nhân sự trình lãnh đạo công ty

- Quản lý lương, thưởng, các khoản bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế.

- Quản trị văn phòng

- Quản lý và lưu trữ hồ sơ, chứng từ, văn thư

- Thư ký văn phòng Ban Giám Đốc.

- Vệ sinh lao động, bảo hộ lao động, an toàn lao động

- Quản lý xây dựng cơ bản.

- Quản lý tổ bảo vệ bếp ăn tập thể
 - ✓ *Bộ phận kỹ thuật – công nghệ và Bộ phận quản lý chất lượng vật tư*
- Tổ chức quản lý việc thực hiện quy trình công nghệ
- Tổ chức theo dõi việc quản lý bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị, lên kế hoạch dự toán các hạng mục đại tu, trung tu dây chuyền thiết bị
- Tổ chức theo dõi, bảo dưỡng kiểm định định kỳ các thiết bị cân kiểm, thiết bị phải kiểm định theo quy định hiện hành của nhà nước
- Đăng ký theo định kỳ chất lượng sản phẩm sản xuất tại nhà máy
- Thiết kế công nghệ mới, thiết kế thiết bị mới phục vụ sản xuất.
- Kiểm tra nghiệm thu chất lượng sản phẩm
- Kiểm tra nghiệm thu một số hạng mục cần thiết về vật tư, thiết bị, dây chuyền công nghệ
- Lưu trữ tất cả các tài liệu kỹ thuật liên quan đến quản lý, bảo dưỡng vận hành dây chuyền thiết bị.
- An toàn lao động
- Lập và quản lý hệ thống chất lượng của công ty.
- Theo dõi áp dụng và duy trì hệ thống chất lượng của công ty, tổng hợp đề xuất phương án cải tiến chất lượng.
- Tổ chức đánh giá nội bộ định kỳ giữa các bộ phận.
- Kiểm soát, quản lý chất lượng toàn bộ vật tư đầu vào, báo cáo Tổng Giám Đốc.
- Kiểm soát quá trình cán thép, sản phẩm cán thép, báo cáo đề xuất phương án cải tiến hệ thống trình Tổng Giám Đốc.
- Lên kế hoạch và thực hiện mua vật tư, máy móc, nguyên liệu.

▪ **Nhà máy cán thép**

Tổ chức thực hiện kế hoạch sản xuất, sửa chữa và bảo trì thiết bị và quản lý toàn bộ mọi hoạt động trong Xưởng. Qua việc tìm hiểu khái quát đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý của công ty, có thể đưa ra kết luận: Việc bố trí, sắp xếp cơ cấu tổ chức hoạt động của công ty đã đảm bảo tính gọn nhẹ, khoa học, tận dụng được tối đa hiệu quả công việc.

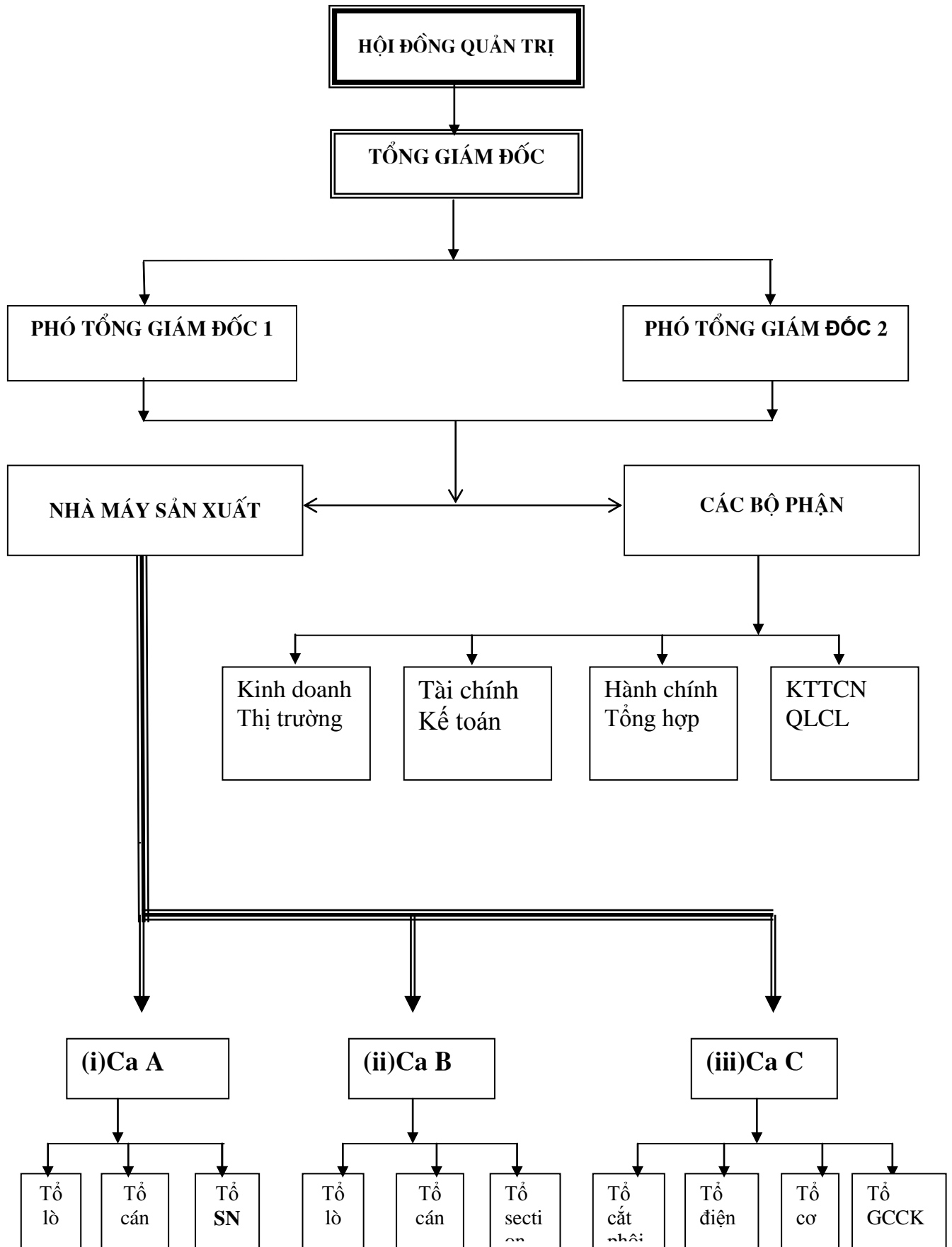
- Tổ chức thực hiện kế hoạch sản xuất do Ban Giám Đốc đề ra.
- Quản lý hệ thống dây chuyền sản xuất.
- Lập hồ sơ thiết bị.
- Quản lý công nhân phân xưởng cán.

BẢNG SỐ LƯỢNG CÔNG NHÂN

STT	TIÊU CHÍ	SỐ LƯỢNG (NGƯỜI)	TỶ LỆ (%)
01	Trên đại học	15	6
02	Đại học	81	32,4
03	Cao đẳng	40	16
04	Trung cấp	114	40.5
05	Sơ cấp	0	0

(Nguồn Hành chính – Tổng hợp)

Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý Công ty



2.1.3.2 Đặc điểm công tác kế toán tại Công ty Cổ phần Thép Việt Nhật

2.1.3.2.1 Tổ chức bộ máy kế toán

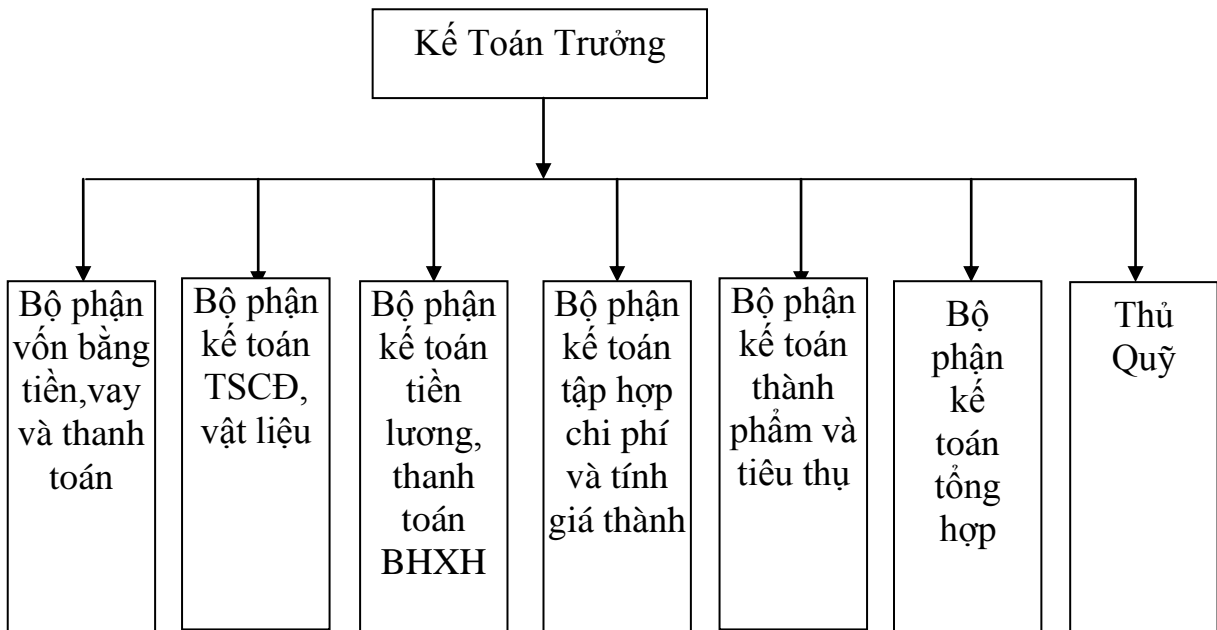
Phòng kế toán của Công ty gồm 8 người cùng với trang bị phương tiện kỹ thuật tính toán để thực hiện toàn bộ công tác kế toán của Công ty.

Công ty thực hiện công tác kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính.

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán Việt Nam. Báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với các quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp được ban hành tại Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính ; Thông tư 89/2002/TT-BTC ngày 09/10/2002; Thông tư số 105/2006/TT-BTC ngày 04/11/2006; Thông tư số 23/2005/TT-BTC ngày 30/3/2005 và Thông tư số 20/2006/TT-BTC ngày 20/3/2006 ; Thông tư số 21/2006/TT-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ tài chính về việc hướng dẫn thực hiện các Chuẩn mực kế toán

Hình thức kế toán áp dụng : Nhật ký chung.

SƠ ĐỒ BỘ MÁY KẾ TOÁN CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VIỆT NHẬT



Trong đó nhiệm vụ của từng bộ phận như sau:

** Kế toán trưởng:*

Kế toán trưởng là người giúp giám đốc công ty tổ chức thực hiện toàn bộ công tác kế toán, thống kê, tài chính ở công ty đồng thời thực hiện việc kiểm tra kiểm soát toàn bộ hoạt động kinh tế, tài chính ở công ty.

- Thực hiện các quy định của pháp luật về kế toán, tài chính trong công ty.
- Tổ chức điều hành bộ máy kế toán của công ty theo quy định của pháp luật.
- Lập hệ thống báo cáo tài chính, kế toán trưởng chịu trách nhiệm về hệ thống báo cáo tài chính của công ty hàng năm.

** Bộ phận tài chính, kế toán vốn bằng tiền, vay và thanh toán:*

- Giúp kế toán trưởng xây dựng và quản lý kế hoạch tài chính của công ty.
- Ghi chép phản ánh số hiện có và tình hình biến động của khoản vốn bằng tiền.

- Ghi chép kế toán tổng hợp và kế toán chi tiết các khoản vay, các khoản công nợ.

- Lập báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các báo cáo nội bộ về các khoản công nợ, về các nguồn vốn.

** Bộ phận kế toán TSCĐ, vật liệu:*

- Ghi chép kế toán tổng hợp và kế toán chi tiết TSCĐ, công cụ dụng cụ tồn kho, nguyên liệu vật liệu tồn kho.

- Tính khấu hao TSCĐ, phân bổ công cụ dụng cụ, tính trị giá vốn vật liệu xuất kho.

- Lập các báo cáo kế toán nội bộ về tăng giảm TSCĐ, báo cáo nguyên liệu tồn kho.

- Theo dõi TSCĐ và công cụ dụng cụ đang sử dụng ở các bộ phận trong công ty.

** Bộ phận kế toán tiền lương, thanh toán BHXH:*

- Tính lương và BHXH phải trả cho người lao động trong công ty.

- Ghi chép kế toán tổng hợp, tiền lương quỹ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và kinh phí công đoàn.

** Bộ phận kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành:*

- Ghi chép kế toán tổng hợp và kế toán chi tiết chi phí sản xuất trực tiếp phát sinh trong kỳ và tính giá thành sản xuất của sản phẩm, đánh giá sản phẩm dở dang.

- Lập các báo cáo nội bộ phục vụ yêu cầu quản lý chi phí sản xuất và giá thành sản xuất sản phẩm.

** Bộ phận kế toán thành phẩm và tiêu thụ:*

- Ghi chép kế toán tổng hợp và chi tiết thành phẩm tồn kho.

- Ghi chép phản ánh doanh thu bán hàng và các khoản điều chỉnh doanh thu.

- Ghi chép kế toán tổng hợp và kế toán chi tiết bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp.

- Lập các báo cáo nội bộ về tình hình thực hiện kế hoạch chi phí bán hàng, chi phí quản lý, về kết quả kinh doanh của từng nhóm hàng, mặt hàng tiêu thụ chủ yếu, báo cáo về thành phẩm tồn kho.

** Bộ phận kế toán tổng hợp:*

- Thực hiện các phần hành kế toán còn lại mà chưa phân công, phân nhiệm cho các bộ phận trên như : hoạt động tài chính, hoạt động bất thường.

- Lập các bút toán khoá sổ kế toán cuối kì.

- Lập bảng cân đối tài khoản, lập bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả kinh doanh của công ty.

** Thủ quỹ:*

Có nhiệm vụ thu chi tiền mặt trên cơ sở chứng từ thu chi, giấy đề nghị thanh toán, tạm ứng và lập báo cáo quỹ tiền mặt theo quy định.

2.1.3.2.2 Chế độ kế toán áp dụng tại công ty

a. Đặc điểm các chứng từ kế toán

- Công ty hiện đang áp dụng chế độ kế toán áp dụng cho tất cả các doanh nghiệp theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ban hành ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

- Kỳ kế toán năm (bắt đầu từ 01/01 đến hết 31/12 hàng năm)

- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam

- Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kê khai thường xuyên

+ Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Ghi theo giá gốc

+ Phương pháp tính giá trị hàng xuất kho: tính theo giá bình quân gia quyền cả kỳ.

- Phương pháp khấu hao tài sản cố định áp dụng: Khấu hao đường thẳng

- Phương pháp tính thuế GTGT: Phương pháp khấu trừ

b. Hệ thống sổ kế toán tại công ty

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán Việt Nam. Báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với các quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp được ban hành tại Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

Hệ thống chứng từ kế toán của Công ty bao gồm các mẫu bắt buộc và mẫu hướng dẫn bao gồm:

+ Hoá đơn GTGT	Mẫu bắt buộc
+ Phiếu thu	Mẫu bắt buộc.
+ Phiếu chi	Mẫu bắt buộc.
+ Biên bản giao, nhận TSCĐ	Mẫu hướng dẫn.
+ Biên bản kiểm kê TSCĐ	Mẫu hướng dẫn.
+ Biên bản đánh giá TSCĐ	Mẫu hướng dẫn.
+ Biên bản thanh lý TSCĐ	Mẫu hướng dẫn.
+ Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ	Mẫu hướng dẫn.

2.1.3.2.3 Một số nguyên tắc ghi nhận

a. Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định

- Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế theo nguyên tắc giá gốc.

- Khấu hao theo phương pháp đường thẳng, tỉ lệ khấu hao phù hợp với chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ ban hành theo Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính về việc ban hành chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ.

b. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các chi phí đi vay

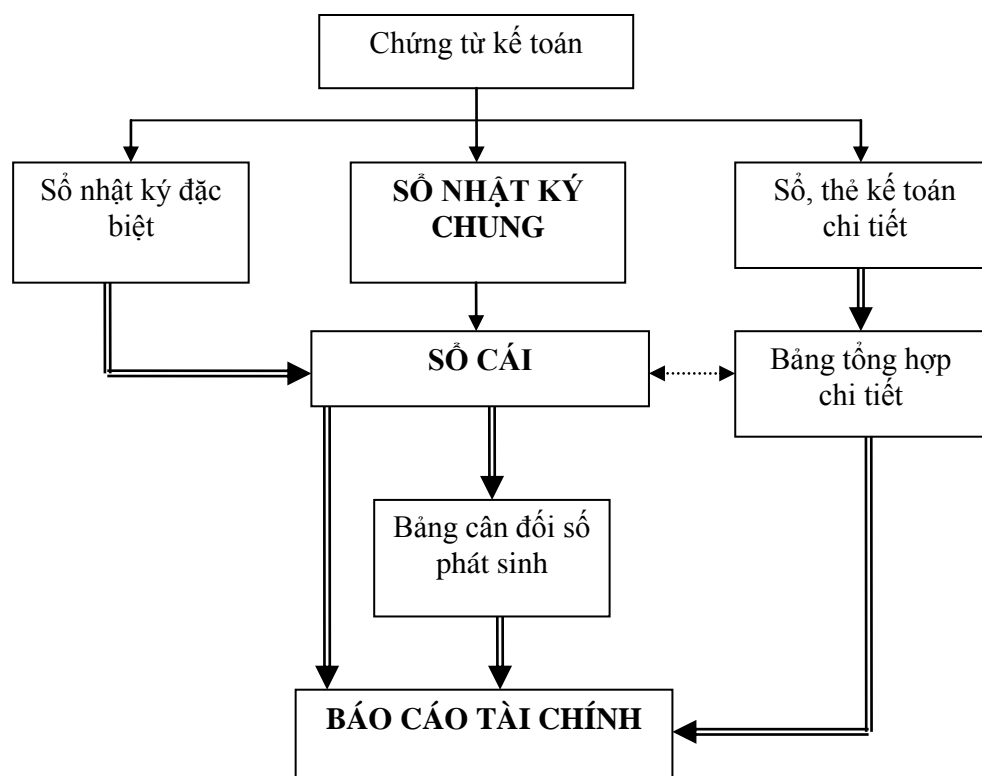
- Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay: chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của chuẩn mực kế toán số 16 – chi phí đi vay

c. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các chi phí khác

- Chi phí trả trước: Chi phí trả trước được vốn hóa để phân bổ vào sản xuất, kinh doanh bao gồm: chi phí sửa chữa lớn TSCĐ, công cụ dụng cụ xuất dùng 1 lần với giá trị lớn và bản thân công cụ dụng cụ tham gia vào hoạt động kinh doanh trên 1 năm tài chính cần phân bổ dần và các đối tượng chịu chi phí nhiều kỳ kế toán.

Hình thức kế toán áp dụng tại Công ty

Để đảm bảo việc tổ chức kế toán phù hợp với quy mô hoạt động kinh doanh của công ty Cổ phần Thép Việt Nhật đã lựa chọn hình thức kế toán “Nhật ký chung” là căn cứ trực tiếp để ghi sổ kế toán tổng hợp.



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- ====→ Ghi cuối tháng hoặc định kỳ
- ←-----> Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

(1) Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ Cái theo các tài khoản kế toán phù hợp.

(2) Hàng ngày, cũng căn cứ vào các chứng từ được dùng làm căn cứ ghi sổ, ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký đặc biệt liên quan. Định kỳ cuối tháng, tùy khối lượng nghiệp vụ phát sinh, tổng hợp từng sổ Nhật ký đặc biệt, lấy số liệu để ghi vào các tài khoản phù hợp trên sổ cái, sau khi đã loại trừ số trùng lặp do một nghiệp vụ được ghi đồng thời vào nhiều sổ nhật ký đặc biệt (nếu có).

(3) Cuối tháng, cuối quý, cuối năm, cộng số liệu trên Sổ Cái, lập bảng cân

đối số phát sinh. Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên sổ Cái và bảng tổng hợp chi tiết được dùng để lập các Báo cáo tài chính.

2.2 Kế toán Tài sản cố định tại Công ty Cổ phần Thép Việt Nhật.

2.2.1 Đặc điểm tình hình quản lý và sử dụng TSCĐ

2.2.1.1 Phân loại TSCĐ

Trong những năm qua, bên cạnh sự kế thừa các thành tựu đã đạt được, công ty cổ phần Thép Việt Nhật đã không ngừng lớn mạnh, khẳng định vị trí quan trọng của mình trong nền kinh tế. Do ngành nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty là sản xuất nên TSCĐ chiếm tỉ trọng lớn. Nó đóng vai trò quan trọng trong việc phục vụ hoạt động kinh doanh và thực hiện nhiệm vụ mà Nhà nước giao cho.

Với một khối lượng TSCĐ lớn, công ty cổ phần thép Việt Nhật đã tiến hành phân loại TSCĐ phù hợp với đặc điểm và tổ chức kinh doanh của đơn vị mình theo kết cấu:

Đơn vị tính: đồng

- Nhà cửa vật kiến trúc: 43.667.828.771
- Máy móc, thiết bị: 218.598.025.263
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn: 9.792.829.107
- Thiết bị dụng cụ quản lý: 9.177.260.437
- TSCĐ khác: 264.989.773

Qua số liệu trên cho thấy TSCĐ của công ty có số giá trị lớn, cách phân loại rõ ràng cho việc thống kê, quản lý TSCĐ.

TSCĐ của công ty bao gồm hai loại: TSCĐ hữu hình (TSCĐHH) và TSCĐ vô hình (TSCĐVH). Công ty không có tài sản thuê tài chính. Hai loại này được kế toán theo dõi trên các TK 211, TK213, phần hao mòn giá trị TSCĐ được theo dõi trên tài khoản tương ứng là TK 2141 và TK 2143.

Khấu hao Tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng, căn cứ trên thời gian sử dụng ước tính của TSCĐ phù hợp với Thông tư

203/2009/TT – BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài Chính, cụ thể như sau:

Loại TSCĐ	Năm khấu hao (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	25 – 50
Máy móc thiết bị	8 - 12
Phương tiện vận tải truyền dẫn	6 - 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 - 5

2.2.1.2 Đánh giá và quản lý TSCĐ tại công ty

- Để xác định chính xác giá ghi sổ chi TSCĐ, công ty tiến hành đánh giá TSCĐ ngay khi đưa vào sử dụng. Tùy theo từng loại TSCĐ mà công ty có cách đánh giá thích hợp. Việc tính giá TSCĐ tại công ty được thực hiện như sau:

$$NG\ TSCĐ = \frac{\text{Giá mua TSCĐ}}{\text{theo HĐ}} + \frac{\text{Chi phí vận chuyển, lắp đặt chạy thử}}{\text{theo HĐ}} + \text{Thuế (nếu có)}$$

Việc tính giá TSCĐ tại công ty được thực hiện dựa trên các HĐ GTGT, các chứng từ liên quan đến nguyên nhân dẫn đến làm tăng nguyên giá TSCĐ. Để chứng minh rõ hơn về cách tính nguyên giá TSCĐ tại công ty Cổ phần Thép Việt Nhật ta có ví dụ sau:

Do nhu cầu phòng kế toán trưởng cần một máy photo copy TOSHIBA E-STUDIO 166 theo hóa đơn GTGT ngày 22/10/2010, trị giá theo hóa đơn GTGT (chưa bao gồm cả thuế GTGT 10%) là 29.820.000 đồng. Kế toán xác định nguyên giá TSCĐ như sau:

$$\text{Nguyên giá TSCĐ của máy photo TOSHIBA} = 29.820.000 \text{ đồng}$$

- Trong quá trình sử dụng, TSCĐ bị hao mòn dần và giá trị của TSCĐ được dịch chuyển dần vào giá trị sản phẩm, TSCĐ hư hỏng dần tạo ra giá trị hao mòn. Do đó trong quá trình quản lý và sử dụng TSCĐ bên cạnh việc đánh giá TSCĐ theo nguyên giá, công ty còn xác định giá trị còn lại của TSCĐ. Để xác định giá trị còn lại của TSCĐ công ty sử dụng công thức:

$$\text{Giá trị còn lại của TSCĐ} = \frac{\text{Nguyên giá của TSCĐ}}{\text{TSCĐ}} - \frac{\text{Giá trị hao mòn của TSCĐ}}{\text{TSCĐ}}$$

Ví dụ: Ngày 24/10/2010, công ty mua mới 1 máy điều hòa Panasonic 2 cục 2 chiều nguyên giá là 17.600.000 đồng thời gian sử dụng 7 năm, VAT 10% công ty đã thanh toán bằng tiền mặt.

Trích khấu hao tháng 11 và tháng 12

$$= 17.600.000 / (7 * 12) * 2 = 419.048 \text{ đồng}$$

$$\text{Giá trị còn lại của TSCĐ} = 17.600.000 - 419.048 = 17.180.952 \text{ đồng}$$

Như vậy tất cả TSCĐ hiện có của công ty Cổ phần Thép Việt Nhật đều được theo dõi đầy đủ và chặt chẽ. Chính vì vậy công tác hạch toán TSCĐ ở công ty luôn đảm bảo tính nhất quán, chính xác giữa các số liệu thực tế và số liệu ghi trên sổ sách, chứng từ.

2.2.2 Thực trạng kế toán TSCĐ tại công ty

2.2.2.1 Kế toán tình hình tăng, giảm TSCĐ tại công ty

Trong quá trình hoạt động, TSCĐ của công ty luôn luôn biến động. Để phản ánh chặt chẽ mọi biến động của TSCĐ trước hết phòng tổ chức sản xuất kiểm tra tình trạng kỹ thuật, năng lực hoạt động của tài sản, nghiệm thu và lập biên bản bàn giao TSCĐ, lập hồ sơ tăng, giảm TSCĐ. Sau đó gửi hồ sơ TSCĐ cùng các chứng từ, hóa đơn liên quan về phòng Tài chính – Kế toán. Phòng Tài chính – Kế toán căn cứ vào đó để hạch toán chi tiết và tổng hợp TSCĐ.

Quy trình mua sắm, thanh lý, nhượng bán TSCĐ

Trách nhiệm	Trình tự công việc
Các đơn vị	- Đề nghị mua , Giám đốc duyệt
Phòng vật tư và các đơn vị có liên quan	- Đơn vị mua làm đầy đủ thủ tục, có biên bản giao nhận TSCĐ
Phòng tài chính- kế toán	- Thanh toán theo thanh lý hợp đồng, vào thẻ TSCĐ
Phòng tài chính kỹ thuật	Thanh lý tài sản cố định

Mua sắm tài sản cố định:

- Đơn vị căn cứ vào kế hoạch công tác năm và nhu cầu sử dụng làm đề nghị trình Giám đốc duyệt.

- Thủ tục mua: Đơn vị mua ký hợp đồng với bên bán hàng gồm các nội dung sau: tên mặt hàng, chủng loại, xuất xứ, số lượng, chất lượng, đơn giá, thành tiền, hình thức và điều kiện thanh toán.

Khi đơn vị nhận TSCĐ tiến hành các thủ tục:

- Biên bản giao nhận TSCĐ
- Hoá đơn giá trị gia tăng
- Biên bản nghiệm thu, bàn giao có các chữ ký xác nhận của các thành phần: Giám đốc, phòng kỹ thuật, đơn vị sử dụng TSCĐ, phòng tài chính kế toán.

- Biên bản thanh lý hợp đồng với bên cung cấp

Phòng tài chính kế toán lưu toàn bộ hồ sơ của TSCĐ đó vào thẻ tài sản

***Tài khoản sử dụng**

Kế toán tài sản cố định của công ty được theo dõi trên các tài khoản

_ TK 211 : Tài sản cố định hữu hình .TK này có các tài khoản cấp 2 như sau

- TK 2111 : Nhà cửa, vật kiến trúc
- TK 2112 : Máy móc thiết bị
- TK 2113 : Phương tiện vận tải
- TK 2115 : Thiết bị dụng cụ quản lý
- TK 2118 : Tài sản cố định khác

_ TK 214 : Hao mòn tài sản cố định. TK này có các tài khoản cấp 2 như sau

- TK 2141 : Hao mòn tài sản cố định hữu hình

_ Và các TK có liên quan như TK 133...

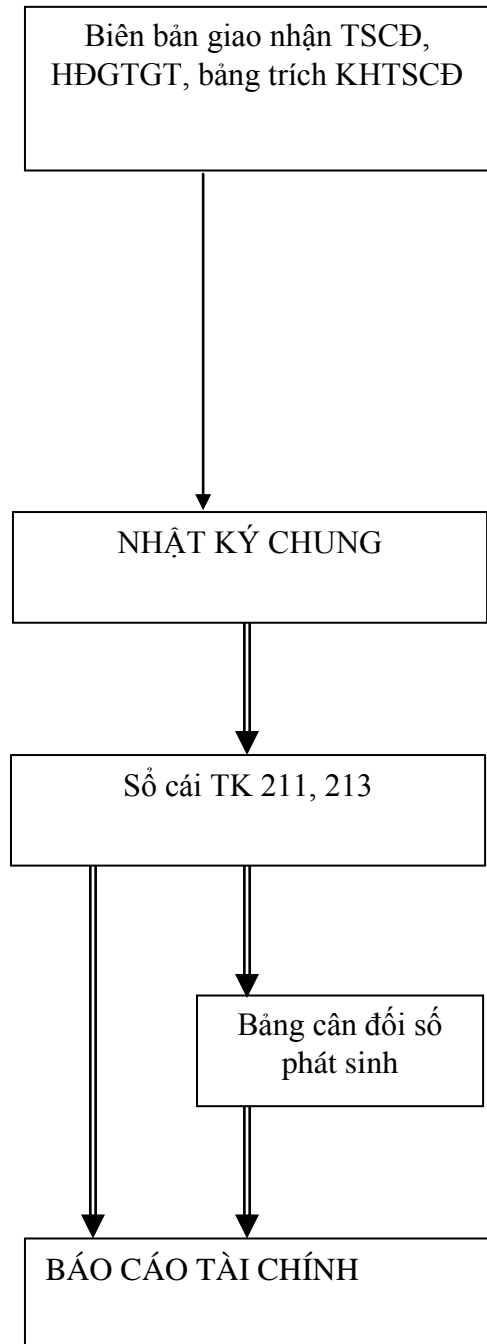
Kế toán sử dụng TK 211 là tài khoản tổng hợp

Tài sản cố định có đặc thù riêng biệt đó là thời gian sử dụng lâu dài, có giá trị lớn. Chính vì thế, trong các doanh nghiệp sự biến động của TSCĐ là không nhiều, các nghiệp vụ kinh tế chủ yếu là tăng, giảm nguyên giá và tăng, giảm khấu hao TSCĐ.

*** Chứng từ kế toán sử dụng**

- Biên bản giao nhận TSCĐ.
- Hoá đơn mua TSCĐ, hoá đơn chi phí vận chuyển, chi phí lắp đặt chạy thử...
- Biên bản thanh lý TSCĐ
- Thẻ TSCĐ: Do phòng kế toán lập dùng để theo dõi quá trình sử dụng của từng TSCĐ trong công ty, ghi chép quá trình mua vào, khấu hao từng tài sản dùng trong kỳ, các chi phí sửa chữa phát sinh trong kỳ đến khi thanh lý nhượng bán(nếu có).
- Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ
- Sổ cái TK 211,214...

* Quy trình luân chuyển chứng từ



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- ==> Ghi cuối tháng, quý

Căn cứ vào các biên bản bàn giao, biên bản giao nhận, hoá đơn mua hàng... để ghi vào sổ nhật ký chung. Sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào sổ cái TK 211, 213,... Đồng thời ghi các nghiệp vụ phát sinh vào các sổ, thẻ chi tiết liên quan cùng với việc ghi sổ nhật ký chung.

Cuối quý, cộng số liệu trên sổ cái, lập bảng cân đối số phát sinh, sau khi đã đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên sổ cái và bảng tổng hợp chi tiết để lập Báo cáo tài chính rõ ràng cho việc thống kê, quản lý TSCĐ.

a. Kế toán tăng TSCĐ

Đáp ứng nhu cầu đổi mới trang thiết bị, áp dụng kỹ thuật tiên tiến vào sản xuất, công ty đã không ngừng đầu tư mua sắm trang thiết bị đưa vào sử dụng nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.. Công ty tiến hành huy động từ nhiều nguồn khác nhau như vốn tự có, vốn đi vay....

* Khi đơn vị nhận TSCĐ tiến hành các thủ tục:

- Biên bản giao nhận TSCĐ
- Hóa đơn GTGT
- Biên bản nghiệm thu, bàn giao có các chữ kí xác nhận của các thành phần: Giám đốc, phòng Kỹ thuật, đơn vị sử dụng TSCĐ, phòng Tài chính – Kế toán.
- Biên bản thanh lý hợp đồng với bên cung cấp.
- Phòng Tài chính – Kế toán lưu toàn bộ hồ sơ của TSCĐ đó vào thẻ tài sản

Trong năm 2010 thì TSCĐHH của Công ty Cổ phần Thép Việt Nhật tăng chủ yếu là do được mua sắm mới. Đối với TSCĐ tăng do mua sắm thì thủ tục bao gồm: Hợp đồng kinh tế giữa bên bán và bên mua TSCĐ, hoá đơn GTGT (liên độ), Phiếu nhập kho, Biên bản giao nhận TSCĐ....và TSCĐVH của công ty không có nghiệp vụ phát sinh nên không có biến động.

Ví dụ: Ngày 4/10/2010, công ty mua mới 1 máy điều hòa Panasonic 2 cục 2 chiều nguyên giá là 17.600.000 thời gian sử dụng 7 năm, VAT 10% công ty đã thanh toán bằng tiền mặt.

Kế toán định khoản như sau

Nợ TK 211 : 17.600.000

Nợ Tk 133 : 1.760.000

Có Tk 111 : 19.360.000

Đồng thời ghi vào sổ nhật kí chung, thẻ TSCĐ và sổ cái TK theo ngày của TK 211, 214.

HOÁ ĐƠN		Mẫu số: 01 GTKT-3LL			
GIÁ TRỊ GIA TĂNG		AB/2010B			
Liên 2 : Giao khách hàng		0041094			
<i>Ngày 4 tháng 10 năm 2010</i>					
Đơn vị bán hàng: công ty TNHH SAMNEC					
Địa chỉ: Số 4, Hồ Sen, Lê Chân Hải Phòng					
Số tài khoản:					
Điện thoại: 0313751111			MST:0201281254		
Họ tên người mua hàng: Công ty cổ phần thép Việt Nhật					
Địa chỉ: Km 9, Quốc lộ 5, Quán Toan, Hồng Bàng, Hải Phòng					
Số tài khoản: 11000004642					
Điện thoại: 0313749051			MST:0200289981		
Hình thức thanh toán:					
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3
01	Máy điều hòa Panasonic	Cái	01	17.600.000	17.600.000
Cộng tiền hàng					17.600.000
Thuế suất GTGT 10 % Tiền thuế GTGT					1.760.000
Tổng cộng tiền thanh toán					19.360.000
Số tiền viết bằng chữ: Mười chín triệu ba trăm sáu mươi nghìn đồng chẵn ./					
Người mua hàng <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>		Người bán hàng <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>		Thủ trưởng đơn vị <i>(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)</i>	

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VIỆT NHẬT

Km 9, Quốc lộ 5, Quán Toan, Hồng bàng, Hải Phòng

Mẫu số 02 – TT

(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU CHI

Ngày 4 tháng 10 năm 2010

Số: 06/10

Nợ 211: 17.600.000

Nợ 1331: 1.760.000

Có1111: 19.360.000

Họ tên người nhận tiền: *Nguyễn Hoài Anh*

Địa chỉ: *Công ty TNHH SAMNEC*

Lí do chi: *Thanh toán tiền mua máy điều hòa Panasonic*

Số tiền: *19.360.000*

Bằng chữ: *Mười chín triệu ba trăm sáu mươi nghìn đồng chẵn.*

Kèm theo: *Biên bản giao TSCĐ, 01HDGTGT, phiếu bảo hành*

Ngày 4 tháng 10 năm 2010

Chủ tịch HĐQT Kế toán trưởng Thủ quỹ Người lập phiếu Người nhận tiền

(Ký, họ tên) (Ký, họ tên) (Ký, họ tên) (Ký, họ tên) (Ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ):

.....

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VIỆT NHẬT
Km 9, Quốc lộ 5, Quán Toan, Hồng bàng, Hải Phòng

Mẫu số 01 – TSCĐ
(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC ngày
20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

BIÊN BẢN BÀN GIAO TSCĐ

Ngày 4 tháng 10 năm 2010

Hôm nay, ngày 4 tháng 10 năm 2010, tại công ty cổ phần thép Việt Nhật.

Chúng tôi gồm có:

1. Bà: Nguyễn Thị Hạnh – Phó phòng hành chính công ty cổ phần thép Việt Nhật - Đại diện bên nhận.
2. Bà : Nguyễn Hoài Anh – Phó Giám đốc công ty TNHH SAMNEC - Đại diện bên giao.
3. Ông: Tạ Văn An - Phó phòng quản lý dự án.

Cùng tiến hành lập biên bản giao nhận TSCĐ : là 01 máy điều hòa Panasonic

+ Tình trạng kỹ thuật: tốt

+ Lý do giao nhận: Mua máy điều hòa

Đơn vị tính: Đồng

STT	Tên TS	Đơn vị tính	Số lượng	Tính nguyên giá TSCĐ		
				Giá mua	CF lắp đặt	Nguyên giá
1	Máy điều hòa	Cái	01	17.600.000	0	17.600.000
2	HDGTGT	Cái	01			
3	Phiếu bảo hành	Cái	01			
	Cộng			17.600.000	0	17.600.000

Ngày 4 tháng 10 năm 2010

Đại diện công ty
(đã ký)

Người bàn giao
(đã ký)

Người nhận bàn giao
(đã ký)

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VIỆT NHẬT
 Km 9, Quốc lộ 5, Quán Toan, Hồng bàng, Hải Phòng

Mẫu số 02 – TT
 (Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC
 ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

THẺ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

Số: 0056

Ngày 4 tháng 10 năm 2010

Căn cứ biên bản giao nhận tài sản số định ngày 4 tháng 10 năm 2010

Tên, quy cách TSCĐ : Máy điều hòa Panasonic

Nước sản xuất: Nhật Bản

Năm sản xuất 2009

Bộ phận quản lý sử dụng: Phòng kế toán.

Năm đưa vào sử dụng: 2010

Công suất (diện tích) thiết kế

Đình chỉ sử dụng TSCĐ ngày ...tháng ... năm ...

Lý do đình chỉ.....

Số hiệu chứng từ	Nguyên giá TSCĐ			Giá trị hao mòn TSCĐ		
	Ngày, tháng, năm	Diễn giải	Nguyên giá	Năm	Giá trị hao mòn	Cộng dồn
A	B	C	1	2	3	4
	04/10/2010	Mua máy điều hòa	17.600.000			

Phụ tùng kèm theo:

Số TT	Tên, quy cách phụ tùng, dụng cụ	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trị

Ghi giảm TSCĐ, chứng từ số ngàytháng....năm....

Lý do ghi giảm:.....

Người lập
 (Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
 (Ký, họ tên)

Giám đốc
 (Ký, họ tên)

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VIỆT NHẬT

Mẫu số S02c1 – DN

Km9, Quốc lộ 5, Quán Toan, Hồng Bàng, Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

Năm : 2010

Loại tài sản: Máy móc thiết bị

Đơn vị tính: đồng

STT	Chứng từ		Ghi tăng TSCĐ					Khấu hao TSCĐ			Giảm TSCĐ		
	SH	NT	Tên, đặc điểm, kí hiệu	Nước sản xuất	Tháng đưa vào sử dụng	Số hiệu TSCĐ	Nguyên giá TSCĐ	Khấu hao		Số đã tính KH đến khi ghi giảm	Chứng từ		Lý do giảm TSCĐ
								Tỷ lệ	Mức KH năm		SH	NT	
1	56		Máy điều hòa	Nhật	10/2010		17.600.000		7				
Cộng							17.600.000						

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên)

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VIỆT NHẬT

Km9, Quốc lộ 5, Quán Toan, Hồng Bàng, Hải Phòng

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2010

Tháng 10 năm 2010

Đơn vị tính: đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SHTK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
					
4/10/2010	PC06/10	4/10/2010	Mua máy điều hòa trả bằng TM	211	17.600.000	
				133	1.760.000	
				1111		19.360.000
					
					
			Cộng phát sinh tháng 10			

Ngày 31 tháng 10 năm 2010

Người lập biểu

(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VIỆT NHẬT

Km9, Quốc lộ 5, Quán Toan, Hồng Bàng, Hải Phòng

SỔ CÁI

Năm 2010

Tên tài khoản: Tài sản cố định hữu hình

Số hiệu: 211

Tháng 10 năm 2010

Đơn vị tính: đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		SHTK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang	Dòng		Nợ	Có
			Số dư đầu tháng 10				<u>223.128.763.182</u>	
							
4/10/2010	PC06/10	4/10/2010	Mua máy điều hòa trả bằng tiền mặt	12		1111	17.600.000	
							
			Cộng phát sinh tháng				150.476.384	25.723.500
			Số dư cuối tháng 10				<u>223.253.516.660</u>	

Ngày 31 tháng 10 năm 2010

Người lập biểu

(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VIỆT NHẬT

Km9, Quốc lộ 5, Quán Toan, Hồng Bàng, Hải Phòng

SỔ CÁI

Năm 2010

Tên tài khoản: Hao mòn tài sản cố định

Số hiệu : 214

Tháng 10 năm 2010

Đơn vị tính: đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		SHT K đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang	Dòng		Nợ	Có
			Số dư đầu tháng 10					<u>81.432.564.890</u>
							
31/10/ 2010	KH10	31/10/ 2010	Trích KH T10 cho máy điều hòa	80		642		209.524
							
			Cộng phát sinh tháng				259.723.500	23.475.435.085
			Số dư cuối tháng 10					<u>82.361.276.475</u>

Ngày 31 tháng 10 năm 2010

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

b. Kế toán giảm TSCĐ

❖ TSCĐ giảm do thanh lý.

Ngày 28/11/2010 công ty tiến hành thanh lý xe Toyota CAMRY nguyên giá 1.390.000.000 đồng. Biên bản thanh lý xe được lập như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VIỆT NHẬT
Km 9, Quốc lộ 5, Quán Toan, Hồng bàng, Hải Phòng

Mẫu số 02 – TT
(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

BIÊN BẢN THANH LÝ TSCĐ

Ngày 28/11/2010

Số:221

Nợ : 214,811

Có : 211

Căn cứ Quyết định số 241 ngày 28/11/2010 của công ty Cổ phần Thép Việt Nhật về việc thanh lý tài sản cố định.

1. Ban thanh lý gồm có:

- Ông: Nguyễn Văn Nhất Chức vụ: Giám đốc Đại diện bên giao TSCĐ
- Bà: Nguyễn Thị Ngọc Chức vụ: KT trưởng Đại diện bên nhận TSCĐ
- Bà: Tạ Thúy An Chức vụ: Trưởng phòng Đại diện bên nhận

TSCĐ

2. Tiến hành thanh lý TSCĐ:

- _ Tên tài sản cố định: xe TOYOTA CAMRY
- _ Số hiệu TSCĐ:
- _ Nước sản xuất: Nhật bản
- _ Năm đưa vào sử dụng: 2002
- _ Nguyên giá TSCĐ: 1.390.000.000 đồng
- _ Giá trị hao mòn đã trích đến thời điểm thanh lý: 1.135.000.000 đồng
- _ Giá trị còn lại: 255.000.000 đồng

3. Kết luận của ban thanh lý:

Tài sản cố định đã cũ, đủ điều kiện để thanh lý.

Ngày 28 tháng 11 năm 2010
Trưởng ban thanh lý
(ký, họ tên)

THẺ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

Số : 0063

Ngày 28 tháng 11 năm 2010

Căn cứ biên bản giao nhận tài sản số định số 241 ngày 28 tháng 11 năm 2010

Tên, quy cách TSCĐ : Xe ô tô TOYOTA CAMRY

Nước sản xuất: Nhật, năm sản xuất 2002

Bộ phận quản lý sử dụng: Bộ phận Văn phòng, năm đưa vào sử dụng : 2002

Công suất (diện tích) thiết kế

Đình chỉ sử dụng ngày ...tháng ... năm ...

Lý do đình chỉ.....

Số hiệu chứng từ	Nguyên giá TSCĐ			Giá trị hao mòn TSCĐ		
	Ngày, tháng, năm	Diễn giải	Nguyên giá	Năm	Giá trị hao mòn	Cộng dồn
A	B	C	1	2	3	4
	28/12/2010	Thanh lý TSCĐ	1.390.000.000	2010	1.135.000.000	

Phụ tùng kèm theo:

Số TT	Tên, quy cách phụ tùng, dụng cụ	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trị

Ghi giảm TSCĐ, chứng từ số ngàytháng....năm....

Lý do ghi giảm:.....

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VIỆT NHẬT

Mẫu số S02c1 – DN

Km9, Quốc lộ 5, Quán Toan, Hồng Bàng, Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

Năm : 2010

Loại tài sản: Phương tiện vận tải

Đơn vị tính: đồng

STT	Chứng từ		Ghi tăng TSCĐ					Khấu hao TSCĐ			Giảm TSCĐ		
	SH	NT	Tên, đặc điểm, kí hiệu	Nước sản xuất	Tháng đưa vào sử dụng	Số hiệu TSCĐ	Nguyên giá TSCĐ	Khấu hao		Số đã tính KH đến khi ghi giảm	Chứng từ		Lý do giảm TSCĐ
								Tỷ lệ	Mức KH năm		SH	NT	
1	146	28/11/2010	Xe ô tô TOYOTA CAMRY	Nhật	2002		1.390.000.000	0.1	10	1.135.000.000			Thanh lý tài sản
Cộng							1.390.000.000			1.135.000.000			

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

❖ TSCĐ giảm do nhượng bán:

Ngày 25/11/2010 Công ty Cổ phần Sơn Thép Việt Nhật tiến hành nhượng bán một cầu trục dầm đôi 100 tấn. Công ty thành lập hội đồng định giá TSCĐ, trên cơ sở kiểm tra, thẩm định dựa vào hồ sơ kỹ thuật và tình trạng thực tế của TSCĐ, hội đồng định giá xác định:

- TSCĐ: Cầu trục dầm đôi tiêu chuẩn 100 tấn
- Nguyên giá: 95.500.000 đồng
- Giá trị hao mòn: 59.687.500 đồng
- Giá trị còn lại: 35.812.500 đồng
- Giá bán thực tế (Có thuế 10%): 27.500.000 đồng

Căn cứ vào hóa đơn nhượng bán TSCĐ kế toán tiến hành lập phiếu thu, phiếu chi về nhượng bán như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VIỆT NHẬT
Km9, Quốc lộ 5, Quán Toan, Hồng Bàng, Hải Phòng

Mẫu số 01 – TT
(Ban hành theo QĐ số 15/ 2006/ QĐ - BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU THU

Ngày 25 tháng 11 năm 2010

Số: 059/11

Nợ :

Có :

Họ tên người nộp tiền: Phan Văn Cường

Địa chỉ: Công ty TNHH và Vận tải Hoa Dương - Nam Sơn, Lê Chân, Hải Phòng

Lí do nộp : Mua cầu trục dầm đôi

Số tiền: 27.500.000

Bằng chữ: Hai mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng chẵn.

Kèm theo: 02 chứng từ gốc

Ngày 25 tháng 11 năm 2010

Chủ tịch HĐQT	Kế toán trưởng	Thủ quỹ	Người lập phiếu	Người nhận tiền
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ) :.....
.....

Kế toán căn cứ vào phiếu thu, phiếu chi, và các biên bản của hội đồng
thẩm định để ghi giảm TSCĐ trong sổ TSCĐ tương tự như trường hợp thanh lý
TSCĐ.

PHIẾU CHI

Ngày 25 tháng 11 năm 2010

Số: 076/11

Nợ :

Có :

Họ tên người nhận tiền: Phạm Thúy Quỳnh
Địa chỉ: Công ty Cổ phần Thép Việt Nhật
Lí do chi: Chi tiền bán máy cầu trục
Số tiền: 1.500.000
Bằng chữ: Một triệu năm trăm nghìn đồng chẵn
Kèm theo: 01 *chứng từ gốc*

Ngày 25 tháng 11 năm 2010

Chủ tịch HĐQT Kế toán trưởng Thủ quỹ Người lập phiếu Người nhận tiền
(Ký, họ tên) (Ký, họ tên) (Ký, họ tên) (Ký, họ tên) (Ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (*viết bằng chữ*) :

.....

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VIỆT NHẬT
Km9, Quốc lộ 5, Quán Toan, Hồng Bàng, Hải Phòng

Mẫu số S02c1 – DN
(Ban hành theo QĐ số 15/ 2006/ QĐ - BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH
Năm : 2010
Loại tài sản: Máy móc thiết bị

Đơn vị tính : đồng

STT	Chứng từ		Ghi tăng TSCĐ					Khấu hao TSCĐ			Giảm TSCĐ		Lý do giảm TSCĐ
	SH	NT	Tên, đặc điểm, kí hiệu	Nước sản xuất	Tháng đưa vào sử dụng	Số hiệu TSCĐ	Nguyên giá TSCĐ	Khấu hao		Số đã tính KH đến khi ghi giảm	Chứng từ		
								Tỷ lệ	Mức KH năm		SH	NT	
1	76	25/11/2010	Máy cầu trục dầm đôi	Hàn Quốc	2005		95.500.000	0.1	8	59.687.500			Nhượng bán tài sản
Cộng							95.500.000			59.687.500			

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

2.2.2.2 Kế toán khấu hao TSCĐ

Căn cứ để kế toán tiến hành công tác hạch toán khấu hao TSCĐ là chế độ quản lý “khấu hao TSCĐ” ban hành kèm theo thông tư 203/2009/TT – BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ tài chính kết hợp với chế độ tài chính của ngành và chế độ chu kỳ kế toán của công ty là quý nên khấu hao cơ bản lũy kế của TSCĐ được để lại cho Doanh nghiệp đầu tư, thay thế đổi mới theo điều lệ quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành. Căn cứ vào quy chế quản lý tài chính hiện hành của Nhà nước, doanh nghiệp xác định và đăng ký mức trích khấu hao chi tiết cho từng TSCĐ trình cấp có thẩm quyền phê duyệt, hàng tháng doanh nghiệp lập bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ cho các đối tượng sử dụng làm căn cứ hạch toán khấu hao TSCĐ.

TSCĐ ở công ty được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng, theo phương pháp này, công ty xác định mức trích khấu hao căn cứ vào nguyên giá TSCĐ, thời gian sử dụng.

Xác định mức trích khấu hao trung bình hàng năm cho TSCĐ theo công thức sau:

$$\text{Mức trích khấu hao trung bình hàng năm} = \frac{\text{Nguyên giá TSCĐ}}{\text{Thời gian sử dụng}}$$

VD: Hiện nay phòng hành chính tổng hợp của công ty có một máy photocopy, nguyên giá là 26.800.000 VNĐ, thời gian sử dụng dự kiến là 8 năm. Tài sản cố định này được đưa vào sử dụng từ năm 2008.

Theo công thức tính khấu hao trên, công ty đã tiến hành tính khấu hao cho tài sản cố định như sau:

$$\text{Mức trích khấu hao trung bình hàng năm} = 26.800.000 : 8 = 3.350.000$$

$$\text{Mức trích khấu hao hàng tháng là} = 3.350.000 : 12 = 279.167$$

Định kỳ căn cứ vào bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ, kế toán công ty trích khấu hao và chi phí sản xuất kinh doanh đồng thời phản ánh hao mòn TSCĐ.

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VIỆT NHẬT

Km9, Quốc lộ 5, Quán Toan, Hồng Bàng, Hải Phòng

BẢNG PHÂN BỐ KHẤU HAO TSCĐ

Nhóm tscđ: tất cả

Quý IV năm 2010

Đơn vị tính : đồng

Số thẻ	Tên tài sản	TL/s ố tháng KH	Nguyên giá	Số KH	13681	6274	6414	6424	811	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
00 1	Nhà văn phòng	300	1.394.515.168	46.483.840				46.483.84 0		672.466.211	722.048.957
										
00 6	Hệ thống móng thiết bị nhà xưởng	240	4.708.602.019	196.191.750		196.191.75 0				3.256.783.061	1.451.818.958
00 9	Hệ thống sườn kê sản phẩm	120	72.028.127	6.002.340			6.002.340			68.265.535	3.762.592
10 3	Container	60	83.549.277	1.392.488	1.392.488					18.102.344	65.446.933
										
14 5	Máy photocop y	96	26.800.000	279.167				279.167		13.400.016	13.399.984
	Cộng		235.357.436.96 6	1.639.934.06 2	1.267.234.15 3	987.684.97 4	78.924.27 9	62.987.24 7	80.282.72 9	133.143.775.49 2	102.213.661.47 4

2.2.3 Kế toán sửa chữa, đánh giá lại TSCĐ tại công ty cổ phần Thép Việt Nhật

2.2.3.1 Kế toán sửa chữa TSCĐ

Sửa chữa TSCĐ là việc bảo dưỡng, sửa chữa những hư hỏng phát sinh trong quá trình hoạt động, nhằm khôi phục năng lực hoạt động bình thường cho TSCĐ. Việc bảo dưỡng, sửa chữa có thể tự làm hoặc thuê ngoài và được tiến hành theo kế hoạch hoặc ngoài kế hoạch.

Sửa chữa TSCĐ gồm có sửa chữa nhỏ và sửa chữa lớn TSCĐ.

Sửa chữa nhỏ là loại sửa chữa có đặc điểm, mức độ hư hỏng nhẹ nên kỹ thuật sửa chữa đơn giản, công việc sửa chữa có thể do doanh nghiệp tự thực hiện, thời gian sửa chữa ngắn, chi phí sửa chữa phát sinh ít nên được hạch toán toàn bộ một lần vào chi phí của đối tượng sử dụng TSCĐ. Khi sửa chữa nhỏ TSCĐ, kế toán căn cứ vào chi phí sửa chữa thực tế phát sinh để phản ánh.

Nợ TK 627 - nếu TSCĐ cho hoạt động sản xuất

Nợ TK 641 - nếu TSCĐ cho hoạt động bán hàng

Nợ TK 642 - nếu TSCĐ cho hoạt động QLKD

Có TK 334,338,152- chi phí sửa chữa

Sửa chữa lớn là loại sửa chữa có đặc điểm hư hỏng nặng nên kỹ thuật sửa chữa phức tạp, công việc sửa chữa có thể do doanh nghiệp tự thực hiện hoặc phải thuê ngoài, thời gian sửa chữa kéo dài và TSCĐ phải ngừng hoạt động, chi phí sửa chữa phát sinh lớn nên không thể tính hết vào chi phí của đối tượng sử dụng mà phải sử dụng phương pháp phân bổ thích hợp.

Chứng từ kế toán để phản ánh công việc sửa chữa lớn hoàn thành là “biên bản giao nhận TSCĐ sửa chữa lớn hoàn thành”. Đây là chứng từ xác nhận việc giao nhận TSCĐ sau khi hoàn thành công việc sửa chữa lớn giữa bên có TSCĐ và bên thực hiện việc sửa chữa.

Tài khoản chuyên dùng để theo dõi chi phí sửa chữa lớn TSCĐ là TK 2413- sửa chữa lớn TSCĐ.

Bên cạnh đó, để nâng cao tính năng, tác dụng của TSCĐ cũng như kéo dài thời gian hữu dụng của TSCĐ thi doanh nghiệp thực hiện việc nâng cấp TSCĐ. Chi phí nâng cấp TSCĐ được tính vào giá trị của TSCĐ.

- Khi nâng cấp TSCĐ, kế toán căn cứ vào chi phí thực tế phát sinh để tập hợp:

Nợ TK 2412 – Xây dựng cơ bản

Có TK 334, 338, 152, 111

- Sau đó khi xây dựng việc nâng cấp hoàn thành, căn cứ vào chi phí thực tế được duyệt tính vào giá trị của TSCĐ để ghi tăng nguyên giá.

Nợ TK 211

Có TK 2412

- Nếu việc nâng cấp được đòi hỏi từ các quỹ chuyên dụng thì phải chuyển các quỹ này thành nguồn vốn kinh doanh.

Nợ TK 414 - Quỹ đầu tư phát triển

Nợ TK 441 - Nguồn vốn xây dựng cơ bản

Có TK 411 - Nguồn vốn kinh doanh

2.2.3.2 Kế toán đánh giá lại TSCĐ

Kế toán đánh giá lại TSCĐ theo quyết định của Nhà nước. Trong điều kiện giá cả bất ổn định công ty phải thường xuyên đánh giá lại TSCĐ.

Quy trình đánh giá lại TSCĐ của công ty cổ phần Thép Việt Nhật. Khi thấy trên thị trường có biến động giá cả liên quan đến TSCĐ, kế toán TSCĐ có trách nhiệm đi tìm hiểu thực tế một cách thật chính xác, sau đó làm đơn trình lên tổng giám đốc về việc đánh giá lại một số tài sản có liên quan.

Sau khi tổng giám đốc đã duyệt đơn, cán bộ văn thư sẽ thảo ngay một bộ quyết định của TSCĐ về việc lập hợp đồng đánh giá lại TSCĐ. Thông thường hội đồng có từ 3 người trở lên.

Kế toán TSCĐ làm biên bản đánh giá lại TSCĐ theo giá đã đi khảo sát trên thị trường. Biên bản phải có đầy đủ chữ ký của các thành viên trong hội

đồng đánh giá lại TSCĐ. Biên bản đánh giá lại TSCĐ sẽ là cơ sở để kế toán hạch toán và vào sổ kế toán.

Kế toán hạch toán:

Nợ TK 211

Có TK 412

Cuối năm kế toán xử lý chênh lệch đánh giá lại TSCĐ theo quyết định của Tổng giám đốc là bổ sung nguồn vốn kinh doanh.

Nợ TK 412

Có TK 411

Chương III: Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện kế toán tài sản cố định tại công ty cổ phần Thép Việt Nhật

3.1. Ưu điểm

- Doanh nghiệp áp dụng chế độ kế toán theo quyết định 15/2006/QĐ – BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính.

- Về bộ máy kế toán: Bộ máy kế toán gọn nhẹ phù hợp với đặc điểm quy mô, yêu cầu sản xuất kinh doanh của công ty. Các nhân viên trong phòng kế toán được phân công phân nhiệm vụ rõ ràng, tạo điều kiện phát huy trình độ cũng như kinh nghiệm của mỗi người.

- Về hệ thống sổ sách kế toán: Công ty áp dụng hình thức Nhật ký chung là hình thức có nhiều ưu điểm hợp với đặc điểm và điều kiện sản xuất, kinh doanh của công ty. Hệ thống sổ sách, tài khoản, chứng từ và các bảng biểu công ty sử dụng đều đúng theo chế độ tài chính đã ban hành của Nhà nước.

Công tác phân loại tài sản cố định được công ty tổ chức một cách rõ ràng, minh bạch. Qua đó phản ánh được số hiện còn của tài sản cố định trong công tác kế toán tại công ty. Cách phân loại trên đã giúp cho công ty quản lý được một lượng lớn tài sản cố định, dựa vào đó kế toán về tài sản cố định đã theo dõi, quản lý và hạch toán chúng một cách chính xác và có hiệu quả.

- Về công tác khấu hao tài sản cố định: Việc công ty áp dụng nhất quán chế độ tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản cố định là phù hợp với thông tư 203/2009/TT – BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài Chính, các tính khấu hao theo thông tư mới đã giúp cho công ty phản ánh đúng số khấu hao hiện có, tránh tình trạng phản ánh số khấu hao không chính xác với thời gian thực tế sử dụng tài sản cố định. Việc này đã thể hiện tính linh hoạt trong công tác kế toán của công ty Cổ phần Thép Việt Nhật.

- Về công tác tổ chức hạch toán tăng, giảm tài sản cố định: Công ty tổ chức các nghiệp vụ tăng giảm theo đúng chế độ hiện hành khi tăng do mua sắm hay xây dựng cơ bản hoàn thành bàn giao cũng như việc thanh lý nhượng bán tài sản cố định đều có các chứng từ hợp lệ cần thiết trước khi đưa tài sản cố định vào sử dụng.

3.2. Nhược điểm

Thứ nhất: Về sổ sách kế toán

Công ty chưa mở đầy đủ các sổ theo dõi tình hình tăng, giảm TSCĐ mới chỉ mở thẻ TSCĐ để theo dõi từng TSCĐ trong công ty mà chưa mở Bảng tổng hợp tăng giảm TSCĐ.

Thứ hai: Về việc đánh giá lại TSCĐ

Công ty chưa tiến hành đánh giá lại TSCĐ khi cần thiết theo quyết định của nhà nước. Ví dụ như khi tiến hành các hoạt động liên quan đến TSCĐ như thanh lý, nhượng bán, ... thì công ty không tổ chức đánh giá lại TSCĐ mà chỉ ghi theo giá trị còn lại trên sổ sách. Trên thực tế, giá trị còn lại của TSCĐ trên sổ sách luôn khác với giá thị trường của TSCĐ tại thời điểm thanh lý, nhượng bán.

Thứ ba: Về việc thực hiện chế độ khấu hao TSCĐ

Hiện nay công ty đang sử dụng chế độ khấu hao theo đường thẳng. Đây là phương pháp khấu hao đơn giản và được sử dụng rộng rãi nhất. Tuy nhiên phương pháp này sẽ làm chậm thời gian thu hồi vốn, chi phí khấu hao tính cho các thời điểm là không phù hợp.

TSCĐ tại công ty có nhiều loại, nhiều nhóm khác nhau nên công dụng của TSCĐ cũng như cách thức phát huy tác dụng của TSCĐ trong quá trình hoạt động kinh doanh khác nhau. Vì vậy, phương pháp khấu hao theo đường thẳng (cố định mức khấu hao theo thời gian, có tác dụng thúc đẩy doanh nghiệp nâng cao năng suất lao động nhưng việc thu hồi vốn chậm, không theo kịp mức hao mòn thực tế, nhất là hao mòn vô hình do tiến bộ khoa học kỹ thuật). Vì vậy dẫn

đến việc thu hồi vốn chậm, không theo kịp mức hao mòn vô hình nên đã hạn chế việc đầu tư trang thiết bị, TSCĐ mới của doanh nghiệp.

Thứ năm: Về công tác hạch toán TSCĐ

Khi phát sinh các nghiệp vụ kinh tế liên quan đến TSCĐ, một số nghiệp vụ chưa được kế toán phản ánh ngay vì vậy dễ dẫn đến việc bỏ sót nghiệp vụ. Đây cũng chính là một trong các nguyên nhân dẫn đến sự chênh lệch giữa số liệu trên sổ với số liệu ngoài thực tế, đồng thời cũng dẫn đến việc tính giá thành sản phẩm không chính xác, ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

3.3. Nguyên nhân tồn tại

a. Nguyên nhân khách quan

- Do sự thay đổi liên tục của các quyết định, thông tư liên quan đến tài sản cố định làm cho kế toán công ty khó khăn trong việc quản lý cũng như hạch toán khấu hao tài sản cố định.

- Do sự phát triển của xã hội, sự thay đổi nhanh chóng của khoa học công nghệ làm cho Cán bộ nhân viên trong công ty chưa bắt kịp sự biến đổi đó.

b. Nguyên nhân chủ quan

- Thời gian thành lập tuy không hẳn là lâu đời nhưng cán bộ công nhân đã làm việc theo thói quen. Vì vậy khi áp dụng nhưng hình thức làm việc mới cũng như việc đưa tiến bộ khoa học vào công việc chưa thể thích ứng kịp thời.

- Quá trình quản lý còn chưa chặt chẽ, khi có nghiệp vụ phát sinh thường không được giải quyết một cách kịp thời.

3.4. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện kế toán tài sản cố định tại công ty cổ phần Thép Việt Nhật.

Kiến nghị 1: Về đánh số TSCĐ

Khi hạch toán tăng giảm TSCĐ kế toán phải thu thập đầy đủ chứng từ kế toán có liên quan vào hồ sơ lưu tại phòng kế toán. Sau khi bộ hồ sơ đầy đủ, kế

toán nhất thiết phải đánh số TSCĐ theo từng nhóm từng loại TSCĐ để thuận lợi cho công tác thống kê và quản lí tài sản tránh nhầm lẫn.

Tác dụng của việc đánh số này giúp cho kế toán viên nhanh chóng nắm bắt được số lượng TSCĐ đang có ở công ty khi kiểm kê, tiết kiệm được thời gian và công sức của con người đồng thời nâng cao hiệu quả công việc.

Kiến nghị 2: Việc kiểm kê tài sản

Công ty nên tiến hành kiểm kê tài sản định kì mỗi năm một lần theo quy định của Bộ tài chính. Tiến hành lập "biên bản kiểm kê TSCĐ" nhằm xác nhận số lượng, giá trị TSCĐ hiện có, thừa thiếu so với sổ kế toán trên cơ sở đó tăng cường quản lí TSCĐ và làm cơ sở quy trách nhiệm vật chất, ghi sổ kế toán số chênh lệch.

Kiến nghị 3: Về đánh giá lại tài sản

Công ty nên tiến hành đánh giá lại TSCĐ theo quy định của Nhà nước hoặc vào cuối niên độ kế toán. Việc đánh giá lại TSCĐ là một cách thường xuyên và chính xác có lợi cho công ty. Hiện nay do khoa học công nghệ ngày càng tiến bộ làm cho TSCĐ không tránh khỏi sự hao mòn vô hình. Đồng thời với một cơ chế thị trường như hiện nay giá cả thường xuyên biến động. Điều này làm cho việc phản ánh giá trị còn lại của TSCĐ trên sổ sách kế toán bị sai lệch đi so với thực tế. Việc thường xuyên đánh giá lại TSCĐ sẽ giúp cho việc tính khấu hao chính xác, đảm bảo thu hồi vốn cố định nâng cao hiệu quả sử dụng TSCĐ hoặc có biện pháp xử lí nhưng TSCĐ bị mất giá nghiêm trọng chống thất thoát vốn. Làm được điều này sẽ tạo điều kiện cho việc đánh giá năng lực sản xuất thực của TSCĐ hiện có từ đó những quyết định đầu tư đổi mới TSCĐ một cách đúng đắn và như vậy mới nâng cao được hiệu quả sử dụng TSCĐ.

Kiến nghị 4: Về việc theo dõi hao mòn và phương pháp tính khấu hao TSCĐ

Về phương pháp tính khấu hao TSCĐ theo thông tư 203/2009/TT – BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài Chính các doanh nghiệp phải trích khấu hao theo phương pháp khấu hao theo đường thẳng.

Công ty Cổ phần Thép Việt Nhật đã áp dụng theo quyết định này song việc áp dụng phương pháp khấu hao ở công ty là chưa hợp lí vì những lí do sau:

TSCĐ trong công ty có nhiều loại, nhiều nhóm khác nhau, mặt khác công dụng của TSCĐ trong quá trình hoạt động SXKD của công ty cũng có sự khác nhau, việc sử dụng tài sản cũng thu được lợi ích khác nhau. Khấu hao TSCĐ trong quá trình sử dụng tài sản và đảm bảo lợi ích thu được từ tài sản trong quá trình sử dụng TSCĐ đó. Điều này xuất phát từ nguyên tắc phù hợp của kế toán đó là thu nhập phải phù hợp với chi phí đã bỏ ra trong kì kế toán.

Để đảm bảo số lượng kế toán cung cấp phản ánh đúng thực tế hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp cũng như tình hình sử dụng TSCĐ của công ty Cổ phần Thép Việt Nhật nên thay đổi phương pháp khấu hao TSCĐ theo hướng sau:

- Các thiết bị dụng cụ quản lí thường chịu tác động của hao mòn vô hình nên áp dụng phương pháp khấu hao giảm dần.

- Máy móc thiết bị, phương tiện vận tải gắn liền với quá trình hoạt động kinh doanh, tính năng công suất sử dụng bị giảm dần trong quá trình sử dụng, cho phép áp dụng phương pháp khấu hao theo sản lượng hay phương pháp khấu hao giảm dần.

- Nhà cửa vật kiến trúc áp dụng phương pháp khấu hao theo đường thẳng, đối với khấu hao giá trị của TSCĐ có được phản ánh trên sổ sách kế toán và báo cáo tài chính cho đến khi tính hữu dụng của TSCĐ này không còn nữa.

Kiến nghị 5: Về sổ sách kế toán

Để phục vụ tốt hơn nữa cho nhu cầu quản lí TSCĐ, công ty nên mở sổ theo dõi TSCĐ đang sử dụng cho từng bộ phận sử dụng. Sử dụng sổ này ta không những theo dõi được TSCĐ đang sử dụng ở các bộ phận sử dụng là bao

nhiều, tình hình tăng, giảm của từng loại TSCĐ như thế nào, nguồn vốn khấu hao ra sao và từ đó còn phục vụ tốt công tác quản lí và nâng cao hiệu quả sử dụng TSCĐ trong từng đơn vị, bộ phận.

Bên cạnh đó công ty cũng nên mở sổ theo dõi TSCĐ theo nơi sử dụng. Có như vậy các phòng ban được bàn giao TSCĐ sẽ luôn có những nhận biết, thông tin chính xác về tình hình TSCĐ của đơn vị mình, từ đó sẽ chủ động và có trách nhiệm hơn trong quản lí và sử dụng TSCĐ. Đồng thời việc mở sổ theo dõi TSCĐ theo đơn vị sử dụng cũng giúp tạo thêm tính hiệu quả và thống nhất trong công tác kế toán chi tiết tại phòng kế toán và đơn vị sử dụng

Kiến nghị 6: Vấn đề hạch toán TSCĐ

Công ty phải phản ánh kịp thời, chính xác các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến việc mua sắm, nhượng bán TSCĐ. Mỗi nghiệp vụ phát sinh, kế toán nhanh chóng vào chứng từ, sổ sách có liên quan. Thường xuyên kiểm tra, đối chiếu số liệu trên sổ sách với kết quả kiểm kê, đánh giá TSCĐ trên thực tế. Việc này sẽ giúp cho công ty quản lí tốt TSCĐ đồng thời giúp ban giám đốc công ty có những thông tin chính xác và kịp thời nhất về tình hình sử dụng tài sản của công ty mình.

Kiến nghị 7: Sử dụng máy vi tính

Công ty nên áp dụng triệt để công dụng của phần mềm kế toán có như vậy mới giảm nhẹ được khối lượng thời gian làm việc và lượng thông tin hạch toán ngày càng tăng. Các phòng ban trong công ty phải được trang bị đầy đủ máy vi tính, các thiết bị máy móc cần thiết nhất là phòng Tài chính- kế toán. Điều này giúp cho sổ sách công ty được thiết lập một cách khoa học, chính xác và đầy đủ.

Kết luận

TSCĐ là một bộ phận của tư liệu sản xuất, giữ vai trò là công cụ lao động chủ yếu trong quá trình sản xuất, được coi là cơ sở vật chất kỹ thuật, trình độ công nghệ, thế mạnh của doanh nghiệp. Trong một doanh nghiệp nếu TSCĐ tăng thì sức lao động được tiết kiệm nhiều hơn và năng suất lao động tăng cao. Trong sự phát triển nhanh chóng của nền kinh tế, khoa học công nghệ hiện đại, để tạo được càng nhiều sản phẩm có chất lượng cao, nâng cao hiệu quả cạnh tranh của doanh nghiệp, vấn đề đổi mới kỹ thuật, công nghệ cho quá trình sản xuất là rất cần thiết. Muốn vậy trong công tác quản lý TSCĐ cần đặc biệt coi trọng vì quản lý TSCĐ còn là đề bảo vệ tài sản cho doanh nghiệp, đảm bảo khả năng tái sản xuất phát triển của doanh nghiệp.

Nhận thức được vai trò quan trọng của TSCĐ Công ty Cổ phần Thép Việt Nhật cũng như các doanh nghiệp khác không ngừng trang bị và hoàn thiện cơ sở vật chất kỹ thuật, nâng cao công tác quản lý TSCĐ, đó là một trong những chiến lược phát triển lâu dài của công ty. Trong thời gian thực tập tại Công ty phần Thép Việt Nhật cũng như trong quá trình làm khóa luận, em luôn nhận được sự giúp đỡ nhiệt tình của cô giáo hướng dẫn và các anh chị trong phòng kế toán công ty, cùng với kiến thức đã học tại trường em đã phần nào hiểu được thực tế công tác kế toán nói chung và kế toán TSCĐ nói riêng. Tuy nhiên do kiến thức còn hạn chế nên bài khóa luận còn nhiều thiếu sót. Em rất mong nhận được sự góp ý, chỉ bảo của thầy cô và các anh chị tại phòng kế toán công ty phần Thép Việt Nhật. Cuối cùng, em xin trân thành cảm ơn sự giúp đỡ nhiệt tình của giáo viên hướng dẫn Tiến sĩ Nghiêm Thị Thà và các anh chị phòng kế toán đã hướng dẫn và giúp đỡ em hoàn thành bài khóa luận này.

Hải Phòng, ngày ... tháng ... năm 2011

Sinh viên

Nguyễn Thị Lan Hương

MỤC LỤC

Lời nói đầu..... 1

Chương I: Lý luận cơ bản về kế toán Tài sản cố định trong doanh nghiệp...2

1.1. Tài sản cố định và vai trò của TSCĐ trong Doanh nghiệp.....2

1.1.1. Khái niệm TSCĐ.....2

1.1.2. Đặc điểm của TSCĐ.....3

1.1.3. Phân loại TSCĐ.....3

1.1.3.1. Phân loại TSCĐ theo hình thái biểu hiện.....3

1.1.3.2. Phân loại Tài sản cố định theo mục đích sử dụng.....5

1.1.3.3. Phân loại Tài sản cố định theo quyền sở hữu.....5

1.1.3.4. Phân loại Tài sản cố định theo nguồn gốc hình thành.....6

1.2. Vai trò, nhiệm vụ của kế toán TSCĐ.....6

1.2.1. Vai trò kế toán TSCĐ.....6

1.2.2. Nhiệm vụ kế toán TSCĐ trong doanh nghiệp7

1.3. Đánh giá TSCĐ và khấu hao TSCĐ.....7

1.3.1. Đánh giá TSCĐ.....7

1.3.1.1. Đánh giá Tài sản cố định theo nguyên giá.....8

1.3.1.1.1. Đánh giá Tài sản cố định hữu hình (TSCĐ HH).....8

1.3.1.1.2. Đánh giá TSCĐ vô hình (TSCĐ VH).....10

1.3.1.2. Đánh giá TSCĐ theo giá trị hao mòn.....12

1.3.1.3. Đánh giá giá trị còn lại của TSCĐ.....13

1.3.2. Khấu hao TSCĐ.....13

1.3.2.1. Khái niệm hao mòn và khấu hao TSCĐ.....13

1.3.2.2. Phương pháp khấu hao TSCĐ.....14

1.3.2.2.2 Phương pháp theo sản lượng16

1.3.2.2.3 Phương pháp khấu hao theo số dư giảm dần.....17

1.4. Tổ chức kế toán Tài sản cố định trong Doanh nghiệp.....18

1.4.1. Chứng từ kế toán TSCĐ.....19

1.4.2. Tài khoản, Sổ sách sử dụng.....20

1.4.3 Kế toán tăng, giảm TSCĐ.....	23
1.4.4. Kế toán khấu hao TSCĐ.....	37
1.4.5. Kế toán sửa chữa, nâng cấp TSCĐ.....	39
1.4.5.1. Kế toán sửa chữa nhỏ TSCĐ.....	39
1.4.5.2. Kế toán sửa chữa lớn TSCĐ.....	40
1.4.5.3. Kế toán nâng cấp TSCĐ.....	41
1.4.5.4. Kế toán tài sản cố định đi thuê.....	42
1.4.5.4.1. Kế toán TSCĐ thuê tài chính.....	42
1.4.5.4.2. Kế toán tài sản cố định thuê hoạt động.....	45
1.4.6. Các hình thức sổ kế toán.....	47
1.4.6.1. Hình thức kế toán Nhật ký chung.....	47
1.4.6.2 Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái.....	48
1.4.6.3 Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ.....	49
1.4.6.4 Hình thức kế toán Nhật ký chứng từ.....	51
1.4.6.5 Hình thức kế toán trên máy vi tính.....	52
Chương II : Thực trạng kế toán Tài sản cố định tại Công ty Cổ phần Thép Việt Nhật.....	54
2.1. Giới thiệu chung về Công ty Cổ phần Thép Việt Nhật.....	54
2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của công ty.....	54
2.1.1.1 Quá trình hình thành và phát triển của Công ty Cổ phần Thép Việt Nhật.....	54
2.1.1.2 Một số thành tựu mà Công ty đã đạt được.....	56
2.1.2. Quy trình công nghệ sản xuất sản phẩm.....	59
2.1.3. Đặc điểm về tổ chức quản lý và tổ chức kinh doanh của công ty.....	62
2.1.3.1 Tổ chức quản lý của công ty.....	62
2.1.3.2 Đặc điểm công tác kế toán tại Công ty Cổ phần Thép Việt Nhật.....	68
2.1.3.2.1 Tổ chức bộ máy kế toán.....	68
2.1.3.2.2 Chế độ kế toán áp dụng tại công ty.....	71
2.1.3.2.3 Một số nguyên tắc ghi nhận.....	72

2.2 Kế toán Tài sản cố định tại Công ty Cổ phần Thép Việt Nhật.....	75
2.2.1 Đặc điểm tình hình quản lý và sử dụng TSCĐ.....	75
2.2.1.1 Phân loại TSCĐ.....	75
2.2.1.2 Đánh giá và quản lý TSCĐ tại công ty.....	76
2.2.2 Thực trạng kế toán TSCĐ tại công ty.....	77
2.2.2.1 Kế toán tình hình tăng, giảm TSCĐ tại công ty.....	77
2.2.2.2 Kế toán khấu hao TSCĐ.....	98
2.2.3 Kế toán sửa chữa, đánh giá lại TSCĐ tại công ty cổ phần Thép Việt Nhật.....	100
2.2.3.1 Kế toán sửa chữa TSCĐ.....	100
2.2.3.2 Kế toán đánh giá lại TSCĐ.....	101
Chương III: Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện kế toán tài sản cố định tại công ty cổ phần Thép Việt Nhật.....	103
3.1. Ưu điểm.....	103
3.2. Nhược điểm.....	104
3.3. Nguyên nhân tồn tại.....	105
3.4. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện kế toán tài sản cố định tại công ty cổ phần Thép Việt Nhật.....	105
Kết luận.....	109